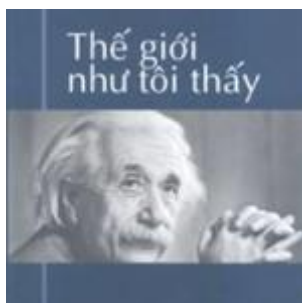


THẾ GIỚI NHƯ TÔI THẤY

Albert Einstein



Lời giới thiệu

Cuốn sách mà các bạn đang cầm trên tay là tập hợp những bài viết, bài nói chuyện, thư từ và tiểu luận khoa học của một trong những con người vĩ đại nhất của thế kỷ hai mươi: Albert Einstein.

Ông là một trong những thiên tài hiếm hoi, người không chỉ vô cùng xuất sắc trong lĩnh vực nghiên cứu của mình mà còn có ảnh hưởng sâu rộng tới các lĩnh vực khác: tư tưởng, tôn giáo và chính trị.

Cuốn sách này được Einstein công bố lần đầu năm 1931 ở Đức. Năm 1955, sách được tái bản ở Mỹ, có bổ sung thêm nhiều bài viết mới. Từ đó đến nay, nó đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và trở thành một trong những cuốn sách "kinh điển" để người đọc qua đó có thể tìm hiểu về con người và cội nguồn tư tưởng của nhà khoa học.

Ấn bản mà chúng tôi chọn dịch là thuộc tủ sách Ullstein Taschenbuch của nhà Carl Seelig (Đức), 2005. Cuốn sách gồm có năm phần. Bốn phần đầu gồm các bài được sắp xếp theo bố cục gần giống với ấn bản năm 1955 ở Mỹ, song thứ tự các bài có đôi chỗ thay đổi và cũng có một số bài được bổ sung mới. Riêng phần năm, "Các tiểu luận khoa học", là phần được bổ sung mới hoàn toàn. Trong lần ra mắt bản tiếng Việt lần này, tiếc rằng chúng tôi chưa kịp hoàn tất phần năm mà chỉ có thể giới thiệu bốn phần đầu mà thôi. Chúng tôi sẽ bổ sung phần thiếu này vào lần xuất bản sau.

Tất cả những bài viết trong sách này đều là nguyên bản của Einstein: tiểu luận, thư từ, phát biểu, bài trả lời phỏng vấn... ở nhiều dịp khác nhau, trong đó có những bài được viết rất công phu, dày dặn, nhưng cũng có những phát biểu rất ngắn hoặc đôi khi chỉ là những lời bông đùa ngẫu hứng. Nhưng dù

là ngắn hay dài, công phu hay ngẫu hứng, tất cả các bài đó đều thống nhất với nhau ở một văn phong không thể nhầm lẫn, văn phong của một cây bút bậc thầy: sâu sắc nhưng luôn sáng sủa và kiệm lời, quyết liệt nhưng không bao giờ đánh mất vẻ duyên dáng và hài hước.

Vì các bài được tác giả thực hiện ở những khoảng thời gian khác nhau nên rất khó sắp xếp chúng vào chung một chủ đề. Cách lựa chọn của nhà Carl Seelig trong ấn bản mà chúng tôi chọn dịch cũng chỉ là tương đối. Tuy vậy, khi đã đọc tất cả các bài ở các phần khác nhau, chúng tôi tin rằng độc giả hoàn toàn có khả năng nhận ra được các quan điểm chính yếu của Einstein trong các lĩnh vực mà ông quan tâm, từ khoa học, tôn giáo cho tới giáo dục và chính trị. Và, dù các quan điểm đó đã được xác nhận là đúng đắn hay vẫn còn gây nghi vấn, dù chúng vẫn còn giữ nguyên tính thời sự hay đã trở nên lỗi thời, chúng ta hoàn toàn có thể tin rằng, chúng đã được viết ra bởi một con người đã dành cả đời mình để cống hiến cho chân lý trong khoa học, cho cái thiện và cái đẹp trong cuộc sống.

Đề tỏ lòng trân trọng với một nhân vật lịch sử lỗi lạc như Albert Einstein, chúng tôi đã chuyển tải nguyên văn các quan điểm riêng của ông. Về một số vấn đề cụ thể như: các thể chế dân chủ, nghĩa vụ quân sự, tòa án trọng tài quốc tế... mong độc giả hãy đọc với tinh thần phê phán khách quan và khoa học.

Ở Việt Nam đã có nhiều cuốn sách viết về Einstein, nhưng một cuốn sách do chính tay nhà khoa học viết ra thì vẫn còn thiếu. Nhân kỷ niệm 100 năm Thuyết tương đối và 50 năm ngày mất của Albert Einstein, chúng tôi xin giới thiệu bản dịch này như một sự bù đắp vào chỗ thiếu hụt ấy.

Phần I : Thế giới như tôi thấy

Thế giới như tôi thấy

Tiểu luận này được Einstein viết tại Berlin năm 1930 khi ông 51 tuổi. Năm 1931, nó được dịch ra tiếng Anh và in trong tập thứ 13 của bộ sách "Living Philosophies", Nhà xuất bản New York, Mỹ.

Tình cảnh của những đứa con trái đất chúng ta mới kỳ lạ làm sao! Mỗi chúng ta đến đây như một chuyên viên thăm ngắn ngủi. Ta không biết để làm gì, nhưng đôi khi ta tin rằng ta cảm nhận được điều đó. Song, nhìn từ cuộc sống thường nhật mà không đi sâu hơn, ta biết rằng: ta đến đây vì người khác - trước hết vì những người mà hạnh phúc của riêng ta phụ thuộc

hoàn toàn vào nụ cười và sự yên ả của họ, kể đến là vì bao người không quen mà số phận của họ nối với ta bằng sợi dây của lòng cảm thông.

Mỗi ngày tôi nghĩ không biết bao nhiêu lần, rằng cuộc sống bên ngoài và cuộc sống nội tâm của tôi là dựa trên lao động của những người hiện tại và cả những người đã chết, rằng tôi phải nỗ lực để trao lại tương xứng với những gì tôi đã nhận được và còn nhận được. Tôi có nhu cầu sống giản tiện và thường cảm thấy dằn vặt, rằng mình đòi hỏi nhiều hơn mức cần thiết từ lao động của đồng loại. Tôi thấy sự khác biệt về giai cấp xã hội là không thể biện minh được và rốt cuộc là do dựa trên bạo lực. Tôi cũng tin rằng, một đời sống bên ngoài giản dị và không cầu kỳ là tốt cho mọi người, tốt cho cả thể xác lẫn tâm hồn.

Tôi tuyệt không tin vào tự do của con người theo nghĩa triết học. Mỗi người không chỉ hành động vì sự thúc ép ngoại cảnh mà còn theo đòi hỏi nội tâm. Câu nói của Schopenhauer : "Con người tuy có thể làm những gì mình muốn nhưng không thể cứ muốn [chạy theo] những gì mình muốn." đã hằng sống theo tôi từ thời trẻ và luôn là nguồn an ủi với tôi trong những lúc đối mặt và chịu đựng sự khắc nghiệt của cuộc đời và là nguồn suối vô tận của lòng khoan dung. Cảm nhận đó đã làm vơi đi biết bao gánh nặng trách nhiệm vốn dễ khiến ta suy sụp; nó giúp ta không quá khắt khe với chính mình và người khác; nó dẫn đến một cách nhìn cuộc sống mà ở đó, nhất là sự hài hước cũng có chỗ đứng của nó.

Từ góc nhìn khách quan, câu hỏi về ý nghĩa hoặc mục đích tồn tại của mình cũng như của các sinh thể nói chung luôn có vẻ vô nghĩa đối với tôi. Nhưng mặt khác, mỗi người đều có những lý tưởng nhất định làm kim chỉ nam cho nỗ lực và sự phán xét của mình. Theo nghĩa này, sự thỏa mãn và yên ả chưa bao giờ là mục đích tự thân của tôi (tôi gọi nền tảng luân lý này là lý tưởng của bầy lợn). Lý tưởng của tôi, lý tưởng soi đường và luôn làm dằng dặt trong tôi niềm cảm khái yêu đời, là Thiện, Mỹ và Chân. Không có cảm nhận về sự đồng điệu với những người cùng chí hướng, không có sự đau đầu với cái khách quan, với cái mãi mãi không vươn tới được trong lĩnh vực nghệ thuật và nghiên cứu khoa học, thì cuộc sống với tôi thật trống rỗng. Những mục đích tầm thường mà người đời theo đuổi như của cải, thành đạt bề ngoài, sự xa xỉ, với tôi từ thời trẻ đã luôn đáng khinh.

Ý thức nhiệt thành của tôi về công bằng xã hội và trách nhiệm xã hội luôn đối nghịch một cách cố hữu với việc tôi không có nhu cầu trực tiếp gắn kết với những cá nhân và tập thể. Tôi đích thực là một kẻ "thu mình", kẻ chưa

bao giờ hoàn toàn thuộc về nhà nước, quê hương, bạn bè, vâng, ngay cả gia đình thân thiết của mình cũng vậy; đối với tất cả những mối quan hệ ấy, tôi luôn có cảm giác xa lạ khôn dứt và nhu cầu được cô đơn; cảm giác đó càng tăng theo tuổi tác. Người ta cảm nhận được, một cách rõ nét nhưng không ân hận, về ranh giới của sự đồng cảm và hòa hợp với người khác. Có thể một người như thế sẽ đánh mất phần nào sự hồn nhiên và vô tư, nhưng bù vào đó, anh ta lại luôn độc lập trước những quan điểm, thói quen và sự phán xét của người khác, và không để mình dễ bị chao đảo trên cái nền tảng không lấy gì làm vững chắc đó.

Lý tưởng chính trị của tôi là lý tưởng dân chủ. Mỗi người cần được tôn trọng như một nhân cách và không ai được thần thánh hóa. Thật trớ trêu cho số phận, chính tôi lại nhận được quá nhiều sự ngưỡng mộ và trọng thị từ người khác - mà tôi chẳng làm gì xứng đáng hay làm gì nên tội. Điều này có lẽ có nguyên do từ mong muốn không được thỏa mãn của nhiều người trong việc muốn hiểu vài ba ý tưởng của tôi, những ý tưởng mà tôi đã tìm được bằng chút sức lực yếu ớt trong cuộc vật lộn không ngừng nghỉ. Thực ra tôi cũng biết rằng, để đạt được một mục đích tập thể, nhất thiết phải có ai đó đứng ra nghĩ, sắp xếp và chịu trách nhiệm chung. Nhưng không được ép buộc những người đi theo, mà phải để họ có quyền chọn cho mình người cầm lái. Một hệ thống độc đoán dựa trên sự cưỡng bức sẽ sớm bị thoái hóa trong một thời gian ngắn, tôi tin chắc như vậy. Bởi bạo lực luôn hấp dẫn những kẻ thấp kém về đạo đức, và tôi tin rằng đã thành quy luật: nổi nghiệp những tên bạo chúa thiên tài luôn là những tên khốn kiếp. Vì lý do đó, tôi luôn là người quyết liệt chống lại những hệ thống như vậy, những hệ thống mà chúng ta đang thấy ở Ý và Nga hiện nay. Cái làm cho nền dân chủ ở châu Âu hôm nay rơi vào bê bối không phải là bản thân lý tưởng dân chủ, mà là sự thiếu ổn định của một bộ phận lãnh đạo các chính phủ và tính phi nhân cách của thể thức bầu cử. Về mặt này, tôi cho rằng nước Mỹ đã có lựa chọn đúng: họ có một Tổng thống có trách nhiệm, được bầu cho một thời gian đủ dài và có đủ quyền lực để thực sự đảm nhận được trọng trách. Mặt khác, tôi lại đánh giá cao hoạt động nhà nước của chúng ta về mặt phúc lợi rộng rãi cho cá nhân trong trường hợp đau ốm hay khó khăn. Cái mà tôi cho là có giá trị đích thực trong các hoạt động của con người không phải là nhà nước, mà là cá thể sáng tạo và cá thể cảm nhận, là cá nhân: Chỉ cá nhân mới [vượt lên] tạo dựng được những giá trị chân quý và cao cả, trong khi bày đàn, xét như bày đàn, cứ mãi vẫn là trì độn trong tư duy và trì độn trong cảm xúc.

Nhân đây tôi muốn đề cập đến cái quái thai kinh tởm nhất của bản tính bày đàn: hệ thống quân đội mà tôi căm ghét. Chỉ cần kẻ nào cảm thấy thích thú

khi đứng vào đoàn duyệt binh trong tiếng quân nhạc, tôi đã coi thường rồi; anh ta được trời phú nhằm cho bộ não lớn, bởi với anh ta, chỉ cần cột xương sống thôi là đã quá đủ. Vết nhục này của nền văn minh cần bị loại trừ càng sớm càng tốt. Chủ nghĩa anh hùng phục tùng mệnh lệnh, bạo lực mù quáng, trò hề ái quốc tởm lợm, tôi căm ghét chúng làm sao. Với tôi, chiến tranh thật đê tiện và đáng khinh làm sao. Tôi thà bị bãm vằm làm muôn mảnh còn hơn là dự phần vào cái trò khốn nạn đó! Dù sao tôi vẫn luôn nghĩ tốt về nhân loại, và tôi tin rằng, lẽ ra bóng ma này đã có thể biến đi từ lâu nếu lý trí lành mạnh của dân chúng không bị những tham vọng về kinh tế và chính trị, thông qua trường học và báo chí, làm cho bại hoại.

Cái đẹp dễ nhất mà chúng ta có thể trải nghiệm được là cái bí ẩn. Đó là cảm thức nền tảng trong cái nôi của nghệ thuật và khoa học chân chính. Kẻ nào không biết đến nó, không còn khả năng thăng thốt hay kinh ngạc, kẻ đó có thể coi như đã chết, đã tắt rụi lửa sống trong mắt mình. Trải nghiệm cái bí ẩn - dù có pha trộn cảm giác sợ hãi - cũng chính là trải nghiệm mà tôn giáo đã tạo ra. Hiểu biết về sự hiện hữu của cái mà ta không thể nhìn thấu, của những biểu hiện của lý trí sâu thẳm nhất và cái đẹp rực rỡ nhất, [tức về] những cái chỉ có thể đến với trí não của ta trong những hình thức sơ khai nhất; chính cái biết và cái cảm này làm nên tính tín ngưỡng đích thực; theo nghĩa đó và chỉ theo nghĩa đó, tôi thuộc về những người có tín ngưỡng sâu xa. Còn một Thượng đế theo nghĩa là kẻ ban phát phần thưởng và trừng phạt những tạo vật do chính mình tạo ra, kẻ gần như có một ý chí như người trần thế chúng ta, thì tôi không thể nào hình dung ra được. Tôi không muốn và cũng không thể tưởng tượng ra những cá nhân sống lâu hơn cái chết thể xác; mặc cho những tâm hồn yêu đuối, vì sợ hãi hay ích kỷ đáng cười, tìm đến những suy nghĩ như vậy. Với tôi, sự huyền nhiệm về tính vĩnh cửu của sự sống cùng với sự thức nhận và tiên cảm về cấu tạo kỳ diệu của tạo vật cũng như nỗ lực nhằm để nắm bắt lấy một phần dù rất nhỏ bé của cái lý tính tỏa rạng trong cõi tạo hóa này, đã là quá đủ.

ALBERT EINSTEIN

Tiểu sử EINSTEIN

Ghi chú: số trong ngoặc là tuổi của Einstein

1879 (0) Einstein sinh ngày 14 tháng 3 năm 1879 ở Ulm, một thành phố trung bình ở miền Tây Nam nước Đức. Cha là Hermann Einstein (1847-1902), mẹ là Pauline Einstein (1858-1920), cả hai đều gốc Do Thái.

- 1880 (1) Gia đình Einstein chuyển tới sống ở München.
- 1884 (4) Bố Einstein giải thích cho cậu bé Albert cách hoạt động của la bàn.
- 1885 (6) Einstein học chơi violon.
- 1888 (9) Nhập học ở Trường tiểu học Luitpold, München.
- 1889 (10) Gặp Max Talmud, người tặng Einstein cuốn sách hình học đầu tiên và thường xuyên dành thời gian trao đổi với Einstein tới năm 1894.
- 1890 (11) Einstein trải qua "một năm tôn giáo", bởi cậu sinh hoạt theo các điều luật nghiêm ngặt của đạo Do Thái.
- 1891 (12) Einstein đọc một cuốn sách về hình học Euclid. Sau này, Einstein nói: "Sự sáng sủa và chắn chắn đó đã mang lại cho tôi một ấn tượng khó tả."
- 1894 (15) Gia đình di chuyển tới Milan, Italia. Riêng Einstein ở lại München để kết thúc việc học.
- 1896 (17) Vào học Đại học Bách khoa Zürich, Thụy Sĩ. Einstein làm quen với Mileva Marić (1875-1948), người trở thành vợ ông sau này. Ông bỏ quốc tịch Đức và năm năm liền, ông là người không có quốc tịch.
- 1900 (21) Einstein gửi bài viết khoa học đầu tiên tới tạp chí "Annalen der Physik" (Niên giám vật lý).
- 1902 (23) Bố qua đời ở Milan; Einstein trở thành nhân viên Cục cấp bằng sáng chế tại Bern. Con gái Liesert chào đời trước hôn nhân.
- 1903 (24) Kết hôn với Mileva Marić.
- 1904 (25) Con trai Hans Albert chào đời.
- 1905 (26) Năm thần kỳ của Einstein: xuất bản 5 tiểu luận khoa học, một trong đó có công thức $E = mc^2$.
- 1907 (28) Einstein cộng tác với các nhà vật lý lớn nhất của thời đại, trong đó có Max Planck (1858-1947) và Hermann Minkowski (1864-1909).

1908 (29) Bảo vệ luận án sau tiến sĩ (tiến sĩ habil) tại Đại học Bern; Giảng bài đầu tiên tại học kỳ mùa đông về "lý thuyết bức xạ". Chỉ có 3 sinh viên đến nghe.

1910 (31) Con trai thứ Eduard chào đời.

1913 (34)

Einstein viết "Phác thảo về một lý thuyết tương đối tổng quát và một lý thuyết về hấp dẫn".

1914 (35) Chuyển tới sống ở Berlin; ly dị với Mileva Marić.

1916 (37) Einstein hoàn tất Thuyết tương đối rộng.

1917 (38) Xuất bản cuốn sách "Về Thuyết tương đối hẹp và Thuyết tương đối rộng". Sau Chiến tranh Thế giới thứ Nhất, cuốn sách được dịch ra nhiều thứ tiếng.

1919 (40) Einstein nổi tiếng thế giới: Đoàn thiên văn của Hoàng gia London tới Brazil quan sát nhật thực đã chứng minh tính đúng đắn của Thuyết tương đối.

1922 (43) Einstein nhận giải Nobel Vật lý (Giải được trao năm 1921).

1924 (45) Phát minh khoa học lớn cuối cùng: trạng thái đông đặc Bose-Einstein.

1930 (51) Giảng viên được mời tại Đại học Princeton cho học kỳ mùa đông.

1931 (52) Tuyển tập "Mein Weltbild" (Thế giới như tôi thấy) xuất bản.

1933 (54) Nghỉ ở bãi biển La Coq, miền Ostende, Bỉ. Đây là lần cuối cùng Einstein đặt chân ở châu Âu. Ông quyết định di cư sang Mỹ. Ông trở thành Giáo sư tại Viện nghiên cứu phát triển Princeton.

1934 (55) Einstein biểu diễn một buổi hòa nhạc violon tại New York để ủng hộ các nhà khoa học chạy trốn Đức Quốc xã.

1936 (57) Vợ thứ hai Elsa qua đời.

1939 (60) Einstein viết hai bức thư gửi Tổng thống Franklin D. Roosevelt.

1944 (65) Bản viết tay bài viết "Điện động lực học của các vật chuyển động" (1905) được bán đấu giá tại Kansas City với giá 6 triệu đôla.

1946 (67) Nhận chức Chủ tịch Hội đồng chống chiến tranh nguyên tử.

1948 (69) Vợ thứ nhất Mileva Marić qua đời.

1950 (71) Einstein viết di chúc.

1951 (72) Em gái Maja Winteler qua đời ở Princeton.

1952 (73) Einstein được mời làm Tổng thống Israel. Ông từ chối.

1953 (74) Einstein tổ chức sinh nhật rộng rãi để quyên góp thành lập Đại học Y khoa Einstein ở New York.

1954 (75) Einstein ốm nặng. Suy gan, thiếu máu và suy nhược toàn cơ thể.

1955 (76) Einstein qua đời ngày 18 tháng 4. Câu cuối cùng ông viết là "Nhiệt tình chính trị đòi hỏi phải hi sinh."

Chúng ta - Những người thừa kế di sản

Các thế hệ trước đây đã có thể tin rằng, những tiến bộ về tinh thần và văn minh, đối với họ, không phải là một cái gì khác hơn là những thành quả được thừa hưởng từ lao động mà tổ tiên đã tạo ra, những thành quả đảm bảo cho họ một cuộc sống dễ chịu hơn và tốt đẹp hơn.

Những tai họa lớn của thời đại chúng ta đã chỉ ra rằng, điều này đã chỉ là một ảo tưởng nguy hiểm.

Chúng ta thấy rằng, phải thực hiện những nỗ lực lớn nhất để di sản này của nhân loại không mang đến điều bất hạnh, mà mang đến điều hạnh phúc. Nếu trước đây, con người đã từng được coi là có giá trị xã hội khi được giải phóng ở mức độ nào đó khỏi thói ích kỷ cá nhân, thì hiện nay, con người được đòi hỏi phải vượt qua được thói ích kỷ giai cấp và dân tộc của mình. Bởi vì chỉ khi vượt lên cao như vậy, con người mới có thể đóng góp vào việc thay đổi số phận của cộng đồng nhân loại theo hướng tốt hơn.

Trước đòi hỏi quan trọng này của thời đại, những người dân thuộc các quốc gia nhỏ lại ở hoàn cảnh tương đối thuận lợi hơn so với những người dân

thuộc các quốc gia lớn, bởi vì cả về chính trị và kinh tế, những người dân này tránh được những cám dỗ của sự bành trướng quyền lực một cách tàn bạo. Hiệp định giữa Hà Lan và Bỉ, một hiệp định đã tạo ra điểm sáng duy nhất trong sự phát triển của châu Âu trong thời đại hiện nay, đã cho phép hy vọng rằng, các quốc gia nhỏ có thể đảm nhận vai trò lãnh đạo trong nỗ lực đạt được sự giải phóng khỏi ách thống trị nhục nhã của chủ nghĩa quân phiệt, nhờ việc khước từ đối với quyền tự quyết tự do, không hạn chế.

ALBERT EINSTEIN

Hướng đến an ninh của nhân loại

Sự khám phá ra các phản ứng dây chuyền của nguyên tử không đòi hỏi con người thực hiện việc tàn phá nhiều hơn là việc phát minh ra que diêm. Chúng ta phải làm tất cả những gì có thể để loại trừ sự lạm dụng. Ở trình độ hiện nay của phương tiện kỹ thuật, chỉ có một tổ chức siêu quốc gia gắn liền với một quyền lực hành pháp đủ mạnh mới có thể bảo vệ được chúng ta.

Nếu chúng ta đã thừa nhận điều này, thì chúng ta sẽ tìm thấy lực lượng mang đến sự hy sinh cần thiết cho an ninh của nhân loại. Mỗi người chúng ta cũng sẽ có lỗi, nếu mục tiêu này không được thực hiện kịp thời. Điều đáng sợ là ở chỗ, mỗi người không làm gì cả mà chỉ chờ đợi người khác làm cho mình.

Sự tôn trọng đối với những tiến bộ khoa học đã đạt được trong thế kỷ này, đều được thể hiện ở mỗi người, từ người có đôi chút trình độ cho đến người quan sát nông nổi, chỉ nhìn thấy những áp dụng về mặt kỹ thuật. Nhưng người ta sẽ không đánh giá quá mức những thành tựu của thời đại vừa qua, khi người ta nhớ đến những vấn đề của khoa học ở quy mô lớn. Điều này cũng giống như trong chuyến đi bằng xe lửa: Nếu người ta chỉ chú ý đến vùng lân cận tiếp theo, thì người ta dường như sẽ đạt được trong nháy mắt. Còn nếu người ta chú ý đến những hình thù lớn như những dãy núi cao, thì tình hình sẽ chỉ thay đổi dần dần. Điều này cũng tương tự, nếu người ta gặp phải những vấn đề lớn của khoa học.

Theo ý kiến của tôi, thật không có lý, khi nói một cách chung chung về “lối sống của chúng ta” hay lối sống của người Nga. Trong cả hai trường hợp, người ta nói đến sự tập hợp của các truyền thống và thói quen. Tập hợp này không tạo ra một chỉnh thể hữu cơ. Tốt hơn hết là tự hỏi mình xem, những cơ cấu nào, những truyền thống nào là có hại hoặc có lợi cho con người, những cơ cấu nào, những truyền thống nào làm cho cuộc sống hạnh phúc

hơn hoặc đau khổ hơn. Khi đó, người ta phải cố gắng thực thi cái đã được nhận thấy là tốt hơn, không phụ thuộc vào câu hỏi, liệu hiện nay, nó có thực hiện được hay không ở chúng ta hoặc ở một nơi nào đó khác.

Bàn về sự chung sống hòa bình giữa các dân tộc

Bài viết cho chương trình truyền hình của Bà phu nhân tổng thống Roosevelt

Thưa Bà Roosevelt! Tôi xin cảm ơn Bà, vì Bà đã cho tôi cơ hội trình bày quan điểm của tôi về vấn đề chính trị quan trọng nhất này:

Trong tình trạng hiện nay của kỹ thuật quân sự, sự tin tưởng rằng, người ta có thể có được an ninh nhờ vũ trang cho đất nước mình, hoàn toàn chỉ là ảo tưởng. Về phía nước Mỹ, ảo tưởng này còn được khuyến khích đặc biệt bởi một ảo tưởng thứ hai là trước tiên thành công trong việc chế tạo bom nguyên tử ở nước này. Người ta có xu hướng tin rằng, về lâu dài có thể đạt được ưu thế tuyệt đối về quân sự. Theo cách này, người ta tin là có thể làm cho bất cứ kẻ thù tiềm năng nào phải khiếp sợ, qua đó mang lại cho chính chúng ta và toàn thể nhân loại an ninh mà tất cả mọi người mong muốn tha thiết. Câu châm ngôn được chúng ta tin cậy trong suốt năm năm qua là: An ninh bằng sức mạnh vượt trội, dù phải trả bằng bất cứ giá nào.

Hậu quả của thái độ máy móc, kỹ thuật-quân sự và tâm lý này là không thể tránh được. Mọi hành động đối ngoại đều bị khống chế bởi quan điểm duy nhất: Chúng ta phải hành động như thế nào để trong trường hợp chiến tranh, có được ưu thế hơn hẳn so với kẻ thù? Đó là việc thiết lập các căn cứ quân sự tại tất cả các vị trí quan trọng về chiến lược trên trái đất, vũ trang và gia tăng sức mạnh về kinh tế cho các nước đồng minh tiềm tàng; ở trong nước, tập trung quyền lực tài chính khổng lồ vào trong tay quân đội, quân phiệt hóa giới trẻ, giám sát lòng trung thành của các công dân và đặc biệt của các quan chức thông qua hệ thống cảnh sát ngày càng trở nên hùng mạnh, đe dọa những người có tư duy chính trị độc lập, gây ảnh hưởng đến tâm trạng của dân chúng thông qua đại phát thanh, báo chí và trường học, cấm các khu vực thông tin đang phát triển viện có liên quan đến bí mật quân sự.

Những hậu quả tiếp theo: Cuộc chạy đua vũ trang vốn được xem là sự phòng ngừa giữa Liên Xô và Mỹ nay mang tính chất điên rồ. Ở cả hai phía, phương tiện giết người hàng loạt được sản xuất trong tình trạng dồn dập sôi động đằng sau những bức tường bí mật.

Trong triển vọng, bom H được xem như một mục tiêu có thể đạt được. Tổng thống long trọng công bố về sự phát triển nhanh chóng của nó. Nếu thành công, thì về mặt kỹ thuật, bom H có thể gây ra hiện tượng nhiễm phóng xạ cho bầu khí quyển và sự huỷ hoại toàn bộ sự sống trên trái đất. Điều khủng khiếp của diễn biến này chính là ở tính có vẻ tất yếu của nó. Mỗi bước tiến đường như là hậu quả không thể tránh được của người đi bước trước. Có thể thấy ngày càng rõ ràng, rút cuộc sẽ là sự huỷ diệt tất cả.

Liệu có thể có giải pháp gì nói chung để cứu vãn tình hình do chính con người tự tạo ra này được hay không? Tất cả chúng ta và đặc biệt là những người có trách nhiệm về hành động của Mỹ và Liên Xô, cần phải học cách thừa nhận rằng, tuy họ đã kìm chế được kẻ thù bên ngoài, nhưng lại không có khả năng tự giải phóng mình khỏi tâm trạng do chiến tranh tạo ra. Không thể đạt được hòa bình thực sự, nếu người ta định hướng phương thức hành động của mình dựa vào khả năng có thể xảy ra một cuộc xung đột trong tương lai, đặc biệt khi người ta ngày càng biết rõ rằng, một cuộc xung đột chiến tranh như thế có nghĩa là sự huỷ diệt tất cả. Vì vậy, tư tưởng chỉ đạo của tất cả các hành động chính trị phải là: Chúng ta có thể làm được gì để tạo ra được một sự chung sống hòa bình, thỏa đáng trong khuôn khổ có thể giữa các quốc gia? Vấn đề đầu tiên là loại bỏ nỗi sợ hãi và thiếu tin tưởng lẫn nhau. Sự khước từ một cách long trọng đối với việc sử dụng bạo lực chống lại nhau (không chỉ là sự khước từ đối với việc sử dụng các phương tiện giết người hàng loạt) dĩ nhiên là cần thiết. Sự khước từ đó chỉ trở nên có hiệu quả, nếu nó gắn liền với việc áp dụng một cấp thẩm quyền hành pháp và tư pháp siêu quốc gia. Quyền quyết định về các vấn đề liên quan trực tiếp đến an ninh của các quốc gia, được chuyển giao cho cấp thẩm quyền này. Ngay một lời tuyên bố của các quốc gia về sự cộng tác trung thành để thực hiện một “Chính phủ thế giới hạn chế” như vậy, cũng sẽ làm giảm một cách đáng kể nguy cơ chiến tranh.

Rút cuộc, mọi sự chung sống hòa bình của con người, thứ nhất, dựa vào sự tin cậy lẫn nhau, thứ hai, dựa vào các thiết chế như tòa án và cảnh sát. Điều này có giá trị cả cho các quốc gia lẫn cho các cá nhân riêng lẻ. Nhưng, sự tin cậy chỉ dựa vào một mối quan hệ trung thực của “give and take” tức là của “cho và nhận”.

Nhưng sự tin cậy ấy có quan hệ ra sao với sự kiểm soát quốc tế? Giờ đây [so với lòng tin cậy lẫn nhau] sự kiểm soát quốc tế chỉ có thể có vai trò hữu ích thứ yếu với tư cách là một biện pháp cảnh sát. Người ta có thể thực hiện tốt

vai trò này ở đây, mà vẫn không đề cao quá mức tầm quan trọng của nó. So với giải pháp “cấm rượu” [ở Mỹ], thì đây là việc đáng suy ngẫm.

Một số ghi chú về tình hình Châu Âu hiện nay

Tình hình chính trị hiện nay của thế giới và đặc biệt là của châu Âu, theo tôi, dường như có đặc điểm là sự phát triển về chính trị lại bị tụt hậu cả về vật chất lẫn tinh thần so với quá trình phát triển kinh tế vốn đã biến đổi trong thời gian tương đối ngắn ngủi; Các lợi ích của các quốc gia riêng rẽ phải đặt dưới những lợi ích của các cộng đồng lớn hơn.

Cuộc đấu tranh cho quan điểm mới này của tư duy và cảm nhận chính trị là một cuộc đấu tranh đầy khó khăn, bởi vì nó trái ngược với truyền thống từ hàng trăm năm nay. Nhưng khả năng tồn tại của châu Âu lại phụ thuộc vào lối thoát may mắn ấy. Tôi tin tưởng vững chắc rằng, sau khi vượt qua các trở ngại về mặt tâm lý, việc giải quyết các vấn đề hiện thực sẽ không còn quá khó khăn nữa. Để tạo ra bầu không khí tích cực, trước hết cần phải có sự liên kết về con người giữa những người có cùng mục tiêu chung. Mong sao những nỗ lực hợp nhất này sẽ thành công để bắt được một nhịp cầu tin cậy giữa các dân tộc!

Sản xuất và lao động

Trả lời một bức thư gửi đến

Tôi nhìn thấy sự bất cập chủ yếu ở trong tự do gần như vô hạn của thị trường lao động gắn liền với những tiến bộ phi thường của các phương pháp sản xuất. Để sản xuất những gì cần thiết cho các nhu cầu hiện nay, người ta không cần đến tất cả lực lượng lao động hiện có. Từ đây xuất hiện nạn thất nghiệp và cuộc cạnh tranh không lành mạnh giữa những người lao động. Ngoài ra, từ cả hai nguyên nhân trên, xuất hiện sự suy giảm sức mua và đồng thời là sự bóp nghẹt quá mức của toàn bộ chu trình kinh tế.

Tôi cũng được biết rằng, theo các nhà kinh tế tự do, việc gia tăng các nhu cầu sẽ cân đối lại mọi sự tiết kiệm về sức lao động. Tuy nhiên, tôi không tin điều này, và kể cả khi nó là có thật, thì các yếu tố kể trên luôn dẫn tới kết quả là mức sống của phần lớn dân chúng bị giám sát một cách hoàn toàn giả tạo.

Cùng với quý vị, tôi cũng tin rằng, nhất thiết phải quan tâm để làm sao cho những người trẻ hơn có thể và cần phải tham gia vào quá trình sản xuất. Tôi cũng cho rằng, người ta nên đưa những người nhiều tuổi hơn khỏi những công việc nhất định mà tôi coi là không đòi hỏi trình độ. Bù lại, họ sẽ nhận được một khoản lương hưu, vì trước đây, trong một thời gian dài, họ đã thực hiện công việc một cách có hiệu quả, được xã hội thừa nhận.

Tôi cũng ủng hộ chủ trương dẹp bỏ các thành phố lớn. Tôi không ủng hộ việc định cư những người thuộc nhóm đặc biệt, chẳng hạn những người già vào trong các thành phố đặc biệt. Tôi phải nói rằng, đối với tôi, tư tưởng này là đáng ghê tởm.

Tôi cũng cho rằng, cần phải tránh sự chao đảo về giá trị đồng tiền, cụ thể bằng cách thay thế tiền vàng bằng đơn vị tiền tệ tương ứng với một lượng hàng hóa đa dạng, được ấn định theo tương quan sử dụng. Đó là một lượng hàng hóa như đã được Keynes đề nghị từ lâu, nếu tôi không nhầm. Khi vận dụng biện pháp này, người ta có thể chấp nhận một sự “lạm phát” nào đó đối với giá trị đồng tiền hiện nay, một khi người ta tin rằng, nhà nước thực sự sẽ biết sử dụng hợp lý món quà tặng được dành cho mình.

Theo quan niệm của tôi, các điểm yếu trong bản kế hoạch của ông chính là ở yếu tố tâm lý hoặc ở sự coi thường yếu tố này. Chủ nghĩa tư bản mang đến những tiến bộ không chỉ cho sản xuất, mà còn cho nhận thức. Đó không phải ngẫu nhiên. Thói ích kỷ và ganh đua (thật đáng tiếc) là những thế lực mạnh mẽ hơn là tinh thần cộng đồng hay ý thức trách nhiệm. Ở nước Nga, người ta thậm chí không có được một chiếc bánh mì đảng hoàng... Có lẽ tôi quá bi quan về những gì liên quan đến các doanh nghiệp của nhà nước và của các “tập thể” khác, nhưng tôi vẫn không trông đợi một cái gì tốt đẹp từ đó cả. Nạn quan liêu là Tử thần của mọi năng suất. Bản thân tôi đã nhìn thấy và nếm trải quá nhiều điều khủng khiếp, kể cả ở nước tương đối mẫu mực như là Thụy Sĩ.

Tôi có xu hướng cho rằng, nhà nước có thể thực sự có vai trò đối với quá trình sản xuất chỉ với tư cách là nhân tố hạn chế và điều tiết. Nhà nước phải quan tâm sao cho sự cạnh tranh của các lực lượng lao động được vận động trong các giới hạn lành mạnh, sao cho một sự phát triển bền vững được đảm bảo cho tất cả trẻ em và sao cho đồng lương lao động có đủ, để các hàng hóa được sản xuất ra cũng được sử dụng. Qua chức năng điều tiết của mình, nhà nước có thể có ảnh hưởng quyết định, nếu các biện pháp của nó được các chuyên gia độc lập chuẩn bị tốt về mặt chuyên môn nghiệp vụ.

Sản xuất và sức mua

Tôi không nghĩ rằng, biện pháp chống lại các khó khăn hiện nay lại nằm chính ở nhận thức về năng lực sản xuất và tiêu thụ, bởi vì sự hiểu biết nói chung về điều này thường đến sau đó. Hơn nữa, đối với tôi, dường như điều bất cập ở nước Đức không phải ở sự phình ra quá mức của bộ máy sản xuất, mà ở việc thiếu sức mua của bộ phận lớn dân cư, những người bị loại bỏ ra khỏi quá trình sản xuất do quá trình hợp lý hóa sản xuất.

Theo ý kiến của tôi, nền tiền tệ được bảo đảm bằng vàng có bất lợi lớn ở chỗ, sự khan hiếm trữ lượng vàng tự động dẫn tới sự khan hiếm khối lượng tín dụng cũng như phương tiện thanh toán trong lưu thông. Giá cả và lương sẽ không thể thích ứng một cách nhanh chóng với sự khan hiếm này.

Theo tôi, phương tiện tất nhiên để loại bỏ tình trạng lộn xộn này là:

- 1) Giảm bớt thời gian lao động theo luật định tùy theo các loại ngành nghề, để loại trừ nạn thất nghiệp, kết hợp với việc xác định lương tối thiểu để điều tiết sức mua của nhân dân theo mức sản xuất hàng hóa có thể.
- 2) Điều tiết lượng tiền luân chuyển và khối lượng tín dụng bằng cách ổn định giá cả hàng hóa ở mức trung bình, trong khi hủy bỏ mọi sự bao cấp đặc biệt.
- 3) Hạn chế bằng pháp luật giá của những hàng hóa được tạo ra bởi sự độc quyền hoặc bởi tổ hợp doanh nghiệp thoát ly khỏi sự cạnh tranh tự do.

Vài suy nghĩ về cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới

Nếu có một cái gì đó có thể đem lại can đảm cho một người không chuyên về lĩnh vực kinh tế để người đó có thể phát biểu ý kiến về bản chất của khó khăn kinh tế đáng lo ngại hiện nay, thì đó chỉ là sự hỗn độn tuyệt vọng của các ý kiến của những nhà chuyên môn mà thôi.

Điều tôi muốn nói cũng chẳng mới mẻ gì và cũng không gì hơn là sự thể hiện quan điểm của một con người độc lập và thẳng thắn - không bị trở ngại bởi những định kiến dân tộc và giai cấp - một người không mong muốn gì hơn là hạnh phúc của nhân loại và việc xây dựng cuộc sống của con người càng hài hòa càng tốt. Nếu tôi viết như thế tôi đã tin chắc về chân lý trong những phát biểu của mình, thì điều đó chỉ là để có được hình thức diễn đạt

thoải mái hơn mà thôi, chứ không phải là biểu hiện của một sự tự tin không có cơ sở, hay là niềm tin vào tính chất không thể sai lầm của quan điểm tư duy mặc mạp của mình về các mối quan hệ rắc rối kỳ quặc trong thực tế.

Theo tôi, cuộc khủng hoảng này sở dĩ không có cùng tính chất của các khủng hoảng trước đó, là vì nó dựa trên cơ sở những quan hệ hoàn toàn mới lạ, tức là những quan hệ bị quy định bởi sự tiến bộ nhanh chóng của các phương pháp sản xuất: để sản xuất ra toàn bộ khối lượng sản phẩm tiêu dùng thiết yếu cho cuộc sống, thì chỉ cần tới có mỗi một phần nhỏ sức lao động con người có thể có mà thôi. Thực tế này tất yếu quy định nạn thất nghiệp trong một nền kinh tế hoàn toàn tự do.

Chính trong một nền kinh tế tự do, đa số người dân bị bắt buộc phải lao động để kiếm được số lương công nhật tối thiểu cho cuộc sống. Điều này có những lý do không cần phân tích ở đây. Vậy là trong hai chủ nhà máy cùng sản xuất chủng loại hàng hóa như nhau và với cùng điều kiện giống nhau, chỉ trụ lại người nào có khả năng sản xuất ra hàng hóa rẻ hơn khi thuê mướn ít công nhân hơn, tức là người nào ép buộc từng công nhân phải làm việc lâu và với cường độ lớn tới mức mà thể lực tự nhiên của con người có thể chịu đựng được. Từ đó dẫn tới một kết quả tất yếu là trong tình trạng phương pháp lao động hiện nay, chỉ có một phần sức lao động có thể được sử dụng. Trong khi bộ phận này bị khai thác một cách bất hợp lý, thì phần còn lại bị tự động loại trừ ra khỏi quá trình sản xuất. Vì thế mà số hàng hóa tiêu thụ và lợi nhuận bị giảm đi. Các doanh nghiệp đi đến phá sản về tài chính. Sự gia tăng mới của nạn thất nghiệp xảy ra theo và làm giảm sút lòng tin vào các doanh nghiệp và do vậy cũng làm giảm đi sự tham gia của công chúng vào các ngân hàng có vai trò trung gian, cuối cùng dẫn đến sự đánh mất khả năng thanh toán của các ngân hàng vì bị rút tiền gửi đột ngột và như thế dẫn tới sự đình trệ hoàn toàn của nền kinh tế.

Người ta cũng tìm kiếm các nguyên nhân khác để lý giải cuộc khủng hoảng mà sau đây chúng tôi muốn đưa ra:

Sản xuất thừa: ở đây người ta cần phải phân biệt hai sự việc, cụ thể là giữa sản xuất thừa thực và sản xuất thừa ảo. Tôi hiểu sản xuất thừa thực là một nền sản xuất cao tới mức nó vượt quá cầu. Điều này có lẽ đúng với công nghiệp sản xuất ô tô và lúa mì hiện nay ở Mỹ, mặc dù điều này vẫn còn đáng ngờ. Thông thường, người ta coi “sản xuất thừa” là tình trạng, trong đó một loại hàng hóa nào đó được sản xuất nhiều hơn là số có thể được bán ra trong các hoàn cảnh nhất định, mặc dù những người tiêu dùng vẫn không có đủ

các mặt hàng tiêu dùng. Tôi gọi tình trạng ấy là nền sản xuất thừa “ảo”. Trong trường hợp này không phải thiếu cầu, mà là thiếu sức mua của người tiêu dùng. Nền sản xuất thừa ảo như thế chỉ là một cách diễn đạt khác cho cuộc khủng hoảng và do vậy không thể dùng để lý giải cho cuộc khủng hoảng này được: Người ta chỉ vận dụng những lý do ảo, khi người ta muốn quy trách nhiệm cho nền sản xuất thừa đối với cuộc khủng hoảng hiện nay mà thôi.

Bồi thường chiến tranh: Nghĩa vụ phải thanh toán tiền bồi thường chiến tranh đè nặng lên các nước mắc nợ và nền kinh tế của họ. Nó ép buộc các nước này phải xuất khẩu- phá giá và qua đó gây ra thiệt hại cho cả các nước chủ nợ. Điều đó là không thể chối cãi được. Song sự xuất hiện khủng hoảng trong nước Mỹ được bảo vệ bởi hàng rào thuế quan, chỉ ra rằng, điều này không thể là nguyên nhân chính của cuộc khủng hoảng thế giới. Cả sự khan hiếm vàng ở các nước mắc nợ do tác động của khoản bồi thường chiến tranh, cùng lắm cũng chỉ là một lý lẽ để hủy bỏ các chi trả ấy, chứ không thể được coi là lời giải thích cho cuộc khủng hoảng thế giới.

Việc thiết lập nhiều hàng rào thuế quan mới: sự gia tăng gánh nặng vũ trang không sinh lợi; sự bất an chính trị do nguy cơ chiến tranh tiềm tàng: tất cả những điều đó làm cho vị thế của châu Âu trở nên hết sức tồi tệ, khi không có sự can dự thực sự của nước Mỹ. Sự xuất hiện cuộc khủng hoảng tại Mỹ cho thấy rằng, điều này không thể là nguyên nhân quan trọng nhất gây khủng hoảng.

Sự sa sút của các cường quốc Trung Quốc và Nga: tổn thất này của nền kinh tế thế giới cũng không bộc lộ mạnh mẽ tại Mỹ, do vậy cũng không thể là nguyên nhân chủ yếu của cuộc khủng hoảng.

Sự phát đạt về kinh tế của các tầng lớp dưới từ khi có chiến tranh: sự phát đạt này chỉ có thể - nếu nó thực sự tồn tại - sinh ra tình trạng khan hiếm hàng hóa, chứ không thể sinh ra tình trạng cung vượt quá cầu về hàng hóa được.

Tôi không muốn làm cho bạn đọc mệt mỏi khi tiếp tục liệt kê ra các lý lẽ nữa, các lý lẽ mà theo tôi không thể hiện bản chất của sự việc. Tôi chắc rằng, chính tiến bộ kỹ thuật được đưa ra nhằm giảm đi cho con người phần lớn gánh nặng lao động cần thiết cho sự bảo tồn của họ, là nguyên nhân chủ yếu của tình trạng bản cùng hiện nay. Bởi vậy, có những người một cách hoàn toàn nghiêm túc muốn cấm đoán sự áp dụng những cải tiến kỹ thuật! Điều

đó hiển nhiên là vô lý. Vậy chúng ta có thể tìm ra được giải pháp hợp lý hơn để thoát khỏi tình thế tiến thoái lưỡng nan ấy như thế nào?

Giả sử người ta thành công, bằng một con đường nào đó để ngăn chặn tình trạng sức mua của dân chúng giảm đi dưới mức tối thiểu nhất định (được đo trong giá trị hàng hóa), thì người ta cũng không thể chấm dứt sự đình trệ như vậy của chu trình kinh tế, như chúng ta đã trải nghiệm hiện nay.

Phương pháp logic đơn giản nhất, song cũng đồng thời mạo hiểm nhất nhằm đạt tới tình trạng ấy, là nền kinh tế hoàn toàn có kế hoạch, nền sản xuất và phân phối các vật phẩm tiêu dùng thiết yếu nhất đối với cuộc sống thông qua cộng đồng. Đó là điều mà hiện nay về căn bản nước Nga đang thử nghiệm. Rất nhiều thứ phụ thuộc vào những kết quả mà cuộc thử nghiệm vĩ đại này mang lại. Mong muốn đưa ra những lời tiên tri ở đây có lẽ là quá tự tin. Vậy trong một hệ thống như thế, có thể tồn tại một nền sản xuất hàng hóa có tính chất kinh tế, giống như trong một hệ thống cho phép các cá nhân có được nhiều quyền chủ động hơn hay không? Hệ thống ấy nhìn chung có thể được duy trì mà không có sự khủng bố được sử dụng cho tới nay, sự khủng bố mà không một ai trong chúng ta, những người hướng về “phương Tây” muốn chịu đựng hay không? Một hệ thống kinh tế cứng đờ và tập trung hóa như thế có thiên về việc đóng kín cửa trước những đổi mới có lợi và thiên về nền kinh tế bảo hộ hay không? Song người ta cần phải tránh việc biến những thắc mắc như vậy trở thành định kiến làm cản trở việc đưa ra một nhận xét khách quan.

Riêng tôi cho rằng, nói chung những phương pháp như vậy cần được ưu tiên, khi chúng tôn trọng các truyền thống và các tập tục, khi điều này có thể dung hòa được với mục tiêu trước mắt nào đó. Nhưng tôi lại cho rằng, sự chuyển giao nhanh chóng quyền lãnh đạo sản xuất cho “bàn tay công cộng” vì quyền lợi của sản xuất hàng hóa là không có lợi; sáng kiến cá nhân cần có được không gian hoạt động, chừng nào bản thân nó dưới hình thức của các liên minh kinh tế, không bị loại bỏ.

Nhưng chắc chắn trong cả hai mối quan hệ, các hạn chế của nền kinh tế tự do là cần thiết: Thông qua các điều luật đối với các ngành sản xuất riêng biệt, cần phải rút ngắn thời gian lao động trong tuần xuống, sao cho nhờ đó nạn thất nghiệp được khắc phục một cách có hệ thống. Cần phải sử dụng định mức lương tối thiểu để làm sao cho sức mua của người làm công ăn lương tương ứng được với nền sản xuất.

Ngoài ra, trong các khu vực sản xuất, nơi người ta đã đạt được tính chất độc quyền nhờ sự tổ chức của người sản xuất, nhà nước cần phải kiểm soát sự định giá, nhằm duy trì sự tạo vốn trong các giới hạn hợp lý và ngăn cản nguy cơ làm giảm một cách giả tạo quá trình sản xuất và tiêu dùng.

Như vậy, họa chẳng mới có thể có được trạng thái thăng bằng giữa sản xuất và tiêu dùng mà không gây ra những hạn chế quá lớn cho sáng kiến tự do, và đồng thời loại bỏ được ưu thế quá mức của người có quyền sở hữu về tư liệu sản xuất (đất đai, máy móc) so với những người làm công ăn lương trong nghĩa rộng.

Các triệu chứng bệnh hoạn của đời sống văn hóa

Sự giao lưu tự do về tư tưởng và về các kết quả là cần thiết đối với sự phát triển lành mạnh của khoa học cũng như của đời sống văn hóa nói chung. Theo tôi, không thể nghi ngờ một thực tế là: việc can thiệp của cấp có thẩm quyền chính trị nước này vào sự giao lưu tự do về mặt tri thức giữa các cá nhân đã gây ra những tổn thất to lớn.

Trước tiên, tổn hại đó tác động kéo dài đối với năng lực khoa học thực sự; sau một thời gian, nó sẽ ảnh hưởng rõ rệt đến toàn bộ các ngành sản xuất.

Hơn nữa, chúng ta thấy rõ được những can thiệp của cấp có thẩm quyền chính trị vào đời sống khoa học của quốc gia thông qua việc từ chối những chuyến đi nước ngoài của các học giả trong nước và những chuyến đi của các học giả nước ngoài tới Hoa Kỳ. Cách hành xử nhỏ nhen như thế của một cường quốc chỉ là cái triệu chứng bên ngoài của một căn bệnh trầm kha đáng sợ hơn.

Nhưng, sự can thiệp vào việc tự do công bố các kết quả khoa học bằng lời và văn bản, cách hành xử thiếu tin cậy của nhà nước dựa trên một tổ chức cảnh sát khổng lồ để chống lại cá nhân về phương diện chính trị, nỗi sợ hãi của mỗi người khi luôn phải lẩn tránh mọi điều có thể dẫn đến ngờ vực và qua đó có thể đe dọa đến sự tồn tại kinh tế của họ - tất cả những điều ấy bao giờ cũng chỉ là các triệu chứng đơn thuần, kể cả khi các triệu chứng như vậy thể hiện tính chất nguy hiểm của căn bệnh này một cách rõ ràng hơn.

Nhưng theo tôi, căn bệnh thực sự lại chính ở quan niệm được tạo ra bởi các cuộc chiến tranh thế giới, chi phối mọi điều trong tư tưởng: Trong hòa bình, chúng ta phải xây dựng toàn bộ cuộc sống của mình, kể cả đối với hoạt động

của mình, sao cho trong trường hợp có chiến tranh, chúng ta nhất định là người chiến thắng.

Quan niệm đó dẫn đến quan niệm thứ hai: Người ta đang bị đe dọa bởi những kẻ thù hùng mạnh. Đó là sự đe dọa đối với tự do và thậm chí đối với sự tồn tại của mình.

Quan niệm đó lý giải tất cả những sự việc đáng ghê tởm mà ở trên chúng tôi đã gọi là các triệu chứng. Nếu như chúng không được khắc phục, thì tất yếu sẽ dẫn đến chiến tranh và do vậy dẫn tới sự huỷ diệt tất cả. Quan niệm này được biểu lộ chủ yếu qua ngân sách của Hoa Kỳ.

Chỉ khi nào chúng ta khắc phục được tình trạng căng bức tư tưởng ấy, thì chúng ta mới có thể quay sang đề cập một cách hợp lý đến vấn đề chính trị thực sự: Chúng ta có thể góp phần như thế nào vào việc bảo vệ và cải thiện sự tồn tại của con người trên trái đất đã trở nên bé nhỏ này?

Tại sao việc đó lại là tất cả? Bởi vì chúng ta sẽ không thể thoát khỏi được các triệu chứng này hay các triệu chứng khác của căn bệnh, nếu chúng ta không thanh toán được căn bệnh thực sự.

Văn hóa và phồn thịnh

Nếu người ta muốn đo lường thiệt hại do những thảm họa chính trị lớn trong sự phát triển văn hoá của con người mang lại, thì người ta cần phải nhớ rằng, văn hóa tựa như là một loài thảo mộc tinh tế luôn gắn kết với các điều kiện phức tạp.

Loài thảo mộc này chỉ có thể phát triển ở một số ít địa điểm mà thôi. Để có thể phát triển, trước hết, nền văn hóa đòi hỏi một sự sung túc nhất định, tạo điều kiện cho một bộ phận dân chúng của một nước nào đó có thể hoạt động trong những lĩnh vực không trực tiếp cần thiết cho việc duy trì cuộc sống.

Thêm vào đó, cần phải có truyền thống đạo đức về sự quý trọng những phúc lợi và thành tựu văn hóa, nhờ vào đó mà tầng lớp ấy mới có thể đem đến khả năng sống cho các tầng lớp khác đang lao động vì những nhu cầu trực tiếp của cuộc sống.

Trong các thế kỷ vừa qua, nước Đức thuộc về những quốc gia thực hiện được cả hai điều kiện ấy. Nhìn chung sự phồn thịnh còn khiêm tốn, nhưng vẫn đủ, còn truyền thống tôn trọng phúc lợi văn hóa cũng mạnh mẽ. Trên cơ

sở đó, dân tộc này đã tạo ra những giá trị văn hóa không thể bỏ qua đối với sự phát triển hiện đại. Nói chung, ở đây truyền thống vẫn còn nguyên vẹn, còn sự phồn thịnh thì bị lung lay. Người ta đã lấy đi phần lớn những nguồn nguyên liệu để phục vụ cho nền công nghiệp của đất nước, mà trên cơ sở của nó bộ phận dân cư lao động công nghiệp mới xuất hiện. Phần dư thừa thiết yếu cho việc đảm bảo cuộc sống của những người đang tạo ra những giá trị tinh thần, bỗng nhiên bị thiếu hụt. Trong điều kiện tồn tại như vậy, truyền thống cũng phải suy vong và một trong những vườn ươm màu mỡ của văn hóa cũng trở nên hoang tàn.

Khi đánh giá cao những phúc lợi tinh thần, nhân loại rất quan tâm đến việc ngăn chặn tình trạng bần cùng hóa như vậy. Nhân loại sẽ khắc phục những yếu tố gây ra sự bần cùng tạm thời và sẽ thức tỉnh tình đoàn kết cao cả đã bị thói ích kỷ dân tộc đẩy lùi. Đối với tình đoàn kết ấy, những giá trị con người được thực hiện, không phụ thuộc vào chính trị và biên giới quốc gia nữa. Khi đó, nhân loại sẽ bảo đảm cho mỗi dân tộc những điều kiện lao động mà trên cơ sở ấy mỗi dân tộc mới có thể tồn tại và tạo ra các giá trị văn hóa.

Việc hợp tác trí tuệ

Năm nay, các nhà chính trị có ảnh hưởng hàng đầu của châu Âu lần đầu tiên đã rút ra các kết luận từ việc nhận thức rằng, phần đất của chúng ta chỉ có thể lại phát triển thịnh vượng, nếu chấm dứt được cuộc đấu tranh ngấm ngầm chống lại nhau giữa các quốc gia truyền thống.

Tổ chức chính trị châu Âu cần phải được củng cố để dần dần loại bỏ các biên giới hải quan đang gây kìm hãm.

Mục tiêu lớn lao này không thể đạt được nếu chỉ thông qua các hiệp định giữa các quốc gia. Mục tiêu này đòi hỏi trước hết cả sự chuẩn bị về mặt tinh thần. Chúng ta phải hướng đến chỗ dần dần đánh thức tình cảm đoàn kết trong con người, một thứ tình cảm mà cho đến nay vẫn chỉ dừng lại ở biên giới quốc gia. Khi cân nhắc về điều này, Hội Quốc Liên đã cho ra đời “Ủy ban Hợp tác Trí tuệ” (“Commission de coopération intellectuelle”). Ủy ban này cần phải là một định chế tuyệt đối có tính quốc tế, hoàn toàn tách rời chính trị, có nhiệm vụ tạo ra một mối liên kết trên tất cả các lĩnh vực của đời sống tinh thần giữa các vùng văn hóa dân tộc bị biệt lập bởi chiến tranh. Đó là một nhiệm vụ khó khăn, bởi vì - rất tiếc khi phải nói như vậy - ít nhất trong các nước mà tôi được biết rõ, các học giả và các văn nghệ sĩ lại bị ảnh

hưởng nhiều bởi các khuynh hướng dân tộc hẹp hòi hơn là những người hoạt động thực tiễn.

Cho đến nay, ủy ban này họp hai lần trong một năm. Để thực hiện hoạt động của mình hiệu quả hơn, chính phủ Pháp đã quyết định thiết lập và duy trì một Viện Hợp tác Trí tuệ hoạt động thường xuyên. Viện này sẽ được khánh thành trong vài ngày tới. Đó là cử chỉ hào hiệp của nước Pháp, xứng đáng nhận được lời cảm ơn của tất cả mọi người.

Nếu chỉ tung hô và ca ngợi hoặc làm thinh về những gì mình chưa hài lòng hay không tán thành, thì thật là một việc làm dễ dàng và còn được cảm ơn nữa. Nhưng, chỉ với sự thành thực, việc triển khai các nhiệm vụ của chúng ta mới được khích lệ. Vì vậy, khi chúc mừng sự thành lập của Viện này, tôi không ngại đưa ra sự bình phẩm của mình:

Hàng ngày, tôi đều có cơ hội quan sát và nhận ra rằng, trở ngại lớn nhất mà hoạt động của ủy ban của chúng ta gặp phải, đó là tình trạng thiếu tin cậy vào tính khách quan chính trị của ủy ban này. Cần phải làm mọi điều để củng cố lòng tin cậy; và không nên làm những điều có thể gây tổn hại đến lòng tin cậy.

Nếu giờ đây, bằng kinh phí quốc gia, chính phủ Pháp thành lập và duy trì một Viện như là một cơ quan thường trực của ủy ban tại Paris với Viện trưởng là một người Pháp, thì điều này làm cho những người nhìn từ bên ngoài có ấn tượng rằng, ảnh hưởng của Pháp là nổi trội trong ủy ban. Ấn tượng ấy càng tăng thêm, khi cho đến nay, Chủ tịch của ủy ban cũng chính là người Pháp. Ấn tượng ấy vẫn tồn tại, mặc dù những nhân vật nói trên đều được tất cả mọi người ở khắp mọi nơi đánh giá cao và có được cảm tình sâu sắc nhất.

Dixi et salvi animam meam . Tôi hy vọng một cách chân thành rằng, Viện mới thành lập sẽ thành công trong việc hỗ trợ các mục tiêu chung trong sự hợp tác thường xuyên với ủy ban và giành được sự tin cậy và sự thừa nhận của những người lao động trí óc ở tất cả các nước.

Đức và Pháp

Một sự hợp tác đầy tin cậy giữa Đức và Pháp chỉ có thể hình thành, khi đòi hỏi của Pháp về an ninh chống lại các cuộc tấn công quân sự được đáp ứng. Nếu Pháp đưa ra các yêu sách liên quan đến vấn đề này, thì một bước đi như thế chắc chắn bị tiếp nhận một cách tiêu cực ở Đức.

Tuy nhiên, dường như có thể hành động theo cách sau đây: Bản thân chính phủ Đức đề nghị với chính phủ Pháp cùng với mình đệ đơn lên Hội Quốc Liên. Hội Quốc Liên nên đề nghị tất cả các quốc gia thành viên đảm nhận các nghĩa vụ sau đây:

- 1) tuân thủ bất kỳ quyết định nào của Tòa án Trọng tài quốc tế;
- 2) bằng tất cả các phương tiện hỗ trợ về mặt kinh tế và quân sự của mình cùng với tất cả các quốc gia thành viên còn lại, tiến hành các biện pháp chống lại quốc gia nào phá hoại hòa bình hoặc không tuân theo quyết định quốc tế được đưa ra vì lợi ích của hòa bình thế giới.

Bàn về các nhóm thiểu số

Dường như có một thực trạng chung là các nhóm thiểu số bị các nhóm đa số xem như những nhóm người có giá trị thấp kém sống cùng, đặc biệt khi các thành viên của các nhóm thiểu số này có thể được nhận ra nhờ các đặc điểm về thể chất.

Bi kịch như thế của số phận không chỉ ở sự phân biệt đối xử theo bản năng đối với các nhóm này về quan hệ kinh tế và xã hội, mà còn ở chỗ, do những ảnh hưởng kích động của đa số, những người bị liên lụy bởi cách đối xử như vậy, phần lớn trở thành nạn nhân của các nhận định thành kiến và tự coi mình là thấp kém về giá trị. Về thứ hai, về lớn hơn trong điều bất hạnh này có thể bị loại trừ nhờ sự đoàn kết và nhờ sự giáo huấn có ý thức cho nhóm thiểu số và bằng cách đó có thể đạt được sự giải phóng về mặt tinh thần cho nhóm thiểu số.

Nỗ lực có ý thức của những người Mỹ da đen theo hướng này xứng đáng được thừa nhận và khích lệ.

Quốc tế khoa học

Trong chiến tranh, khi sự mù quáng về mặt dân tộc và về mặt chính trị đã đạt đến đỉnh cao của nó, trong một phiên họp của Viện Hàn lâm, Emil Fischer đã nhấn mạnh: “Thưa các ngài! Các ngài chẳng thể làm gì được cả. Khoa học có và sẽ còn có tính quốc tế.”

Những người vĩ đại trong số các nhà nghiên cứu đã luôn biết rõ và cảm nhận được điều này một cách nhiệt thành, cho dù trong những thời kỳ có những

rắc rối chính trị, họ bị cô lập trước các đồng nghiệp có tầm cỡ nhỏ hơn của mình.

Trong cuộc chiến tranh vừa qua, phần lớn những người có quyền bỏ phiếu trong tất cả các phe phái đã phản bội giá trị thiêng liêng đã được giao phó cho họ. Liên đoàn Quốc tế của các viện hàn lâm đã bị giải tán. Các đại hội đã và vẫn đang được tổ chức nhưng lại loại trừ các chuyên gia từ các nước thù địch trước kia. Những tính toán chính trị được đưa ra với vẻ quan trọng đang ngăn cản sự thống trị độc tôn của những khía cạnh thuần túy chuyên môn vì sự phát triển thịnh vượng cho những mục tiêu lớn.

Những người có thiện chí, những kẻ không chịu khuất phục trước những tranh cãi đầy cảm tính, nhất thời, phải làm gì để giành lại những gì đã mất? Người ta vẫn chưa thể tổ chức được những hội nghị có quy mô lớn, thực sự có tính quốc tế, khi phần lớn những người lao động trí óc vẫn đang còn ở tình trạng đầy kích động như thế. Sự phản kháng về mặt tâm lý chống lại sự phục hồi những nhóm làm việc chung về khoa học có tính quốc tế vẫn còn quá mạnh khiến một thiểu số những người có những quan điểm và tình cảm rộng lớn hơn khó có thể vượt qua được. Những người này có thể đóng góp vào những mục tiêu lớn là làm lành mạnh các hiệp hội quốc tế, bằng cách duy trì các mối quan hệ chặt chẽ với những người cùng chí hướng và trong phạm vi ảnh hưởng của mình kiên trì bảo vệ những lợi ích quốc tế chung. Thành công một cách tổng thể thì còn phải chờ, nhưng chắc chắn nó sẽ đến. Tôi không muốn bỏ qua cơ hội này, mà không muốn nhấn mạnh một cách tự hào rằng, trong suốt những năm gian khổ này, mong muốn duy trì cộng đồng lao động trí óc vẫn còn sống động, đặc biệt trong một số lượng lớn các đồng nghiệp chuyên môn người Anh. Ở đâu cũng vậy, những phát biểu chính thức bao giờ cũng tẻ hơn là tình cảm trong nội tâm của mỗi con người. Những người có thiện ý nên ghi nhớ điều này và đừng nên tức giận hay để mình bị nhầm lẫn: "senatores boni viri, senatus autem bestia" .

Nếu tôi hoàn toàn lạc quan về tiến bộ của tổ chức quốc tế nói chung, thì điều này phụ thuộc nhiều vào vào sức ép gay gắt của sự phát triển kinh tế, hơn là vào lòng tin ở sự sáng suốt và cao thượng của chính kiến. Bởi vì sự phát triển kinh tế phụ thuộc rất lớn vào lao động trí óc của các nhà khoa học có tư tưởng khá chậm tiến, nên chính những người này dù miễn cưỡng, cũng góp sức vào việc tạo dựng tổ chức quốc tế.

Bàn về tòa án trọng tài

Việc giải trừ quân bị một cách có kế hoạch trong khoảng thời gian ngắn chỉ khả thi, nếu có được một sự đảm bảo an ninh của tất cả các nước dành cho mỗi nước. Điều này dựa trên cơ sở một Tòa án Trọng tài thường trực và độc lập với các chính phủ.

Nghĩa vụ vô điều kiện của các quốc gia không chỉ là ở chỗ chấp nhận các phán quyết của Tòa án Trọng tài, mà còn ở chỗ thi hành các phán quyết đó.

Mỗi khu vực như châu Âu – châu Phi, châu Mỹ và châu Á, có một tòa án trọng tài đặc biệt phụ trách; còn châu Úc có thể được phân bổ về một trong ba khu vực này. Tòa án Trọng tài chung sẽ chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến các sự việc không thể được giải quyết trong khuôn khổ ba khu vực trên.

Nước Mỹ và hội nghị giải trừ quân bị năm 1932

Người Mỹ ngày nay đang trần trở với bao nỗi lo lắng. Những nỗi lo ấy gắn liền với tình trạng kinh tế của nước này. Những nhà lãnh đạo có ý thức trách nhiệm tập trung chủ yếu vào việc loại bỏ nạn thất nghiệp nặng nề ở nước mình. Tình cảm gắn bó với số phận của thế giới còn lại, đặc biệt với đất mẹ châu Âu càng ít sôi động hơn so với những thời điểm bình thường.

Nhưng nền kinh tế tự do sẽ không tự động vượt qua được những khó khăn này. Cần phải có những kế sách điều tiết từ giác độ tổng thể, để tạo ra được một sự phân công lao động và một sự phân phối lành mạnh đối với các sản phẩm tiêu dùng giữa con người với nhau, vì nếu không có điều ấy, nhân dân của một nước giàu có nhất cũng sẽ bị ngạt thở. Việc cải thiện các biện pháp kỹ thuật làm suy giảm chính lao động cần thiết sản xuất hàng hóa cho tất cả mọi người, vì thế thông qua cuộc chơi tự do của các thế lực, không còn xuất hiện tình trạng, trong đó tất cả các lực lượng lao động đều được sử dụng. Một quy chế tổ chức có ý thức sẽ là cần thiết nhằm làm cho các tiến bộ về mặt kỹ thuật trở nên có hiệu quả có lợi cho tất cả mọi người.

Thiếu quy định về mặt kế hoạch, nền kinh tế không thể được đưa vào quy củ. Cũng như vậy, một quy định về mặt kế hoạch như vậy càng cần thiết hơn nhiều đối với các vấn đề chính trị quốc tế. Hiện nay chỉ còn có một số ít người còn quan niệm rằng, các hành động bạo lực dưới dạng chiến tranh là một phương tiện có lợi thế và xứng đáng với nhân loại để giải quyết các vấn đề quốc tế. Nhưng họ lại chưa kiên quyết đại diện và thực hiện một cách tích cực các kế sách này, các kế sách có khả năng tránh được các cuộc chiến

tranh, tránh được những hành động dã man và vô nhân tính, những tàn dư của các thời đại man rợ. Cần phải có quan điểm thống nhất để thấy rõ và phải có dũng khí nào đó để phục vụ mục tiêu quan trọng này một cách hiệu quả và với quyết tâm cao.

Ai thực sự mong muốn dẹp bỏ chiến tranh, người đó phải quyết tâm đấu tranh sao cho quốc gia của mình khước từ một phần chủ quyền của mình có lợi cho các thiết chế quốc tế. Người đó phải sẵn sàng, trong trường hợp xung đột, buộc quốc gia mình phải tuân thủ phán quyết của Trọng tài Quốc tế. Người đó phải kiên quyết đấu tranh để tất cả các quốc gia thực hiện giải trừ quân bị, kể cả trong trường hợp xấu như được dự tính trong Hiệp ước Versailles. Không thể trông đợi tiến bộ xã hội, nếu không loại bỏ nền giáo dục toàn dân về quốc phòng và về chủ nghĩa yêu nước hiếu chiến.

Đối với các quốc gia văn minh có nhiều ảnh hưởng, không có sự kiện nào trong những năm qua lại đáng hổ thẹn hơn là thất bại của các hội nghị giải trừ quân bị trước đây; bởi vì thất bại này không chỉ là do những âm mưu thâm độc của các vị nguyên thủ quốc gia vô lương tâm và hiếu thắng, mà còn là do sự thờ ơ và sự thiếu nghị lực của con người ở tất cả các nước. Nếu điều này không khác đi, thì chúng ta sẽ tàn phá những gì thực sự quý giá mà tổ tiên chúng ta đã tạo ra được.

Tôi cho rằng, nhân dân Mỹ cũng không ý thức được đầy đủ trách nhiệm đè nặng lên vai họ trong mối quan hệ này. Ở Mỹ, người ta nghĩ như sau: “Châu Âu có thể bị suy vong, nếu nó bị hủy hoại bởi sự thiếu hòa đồng và tính thâm hiểm của dân chúng ở đây. Mầm sống của tổng thống Wilson đã đâm chồi lên một cách thảm hại trên miếng đất cằn cỗi của châu Âu. Chúng ta thì mạnh mẽ và chắc chắn, và chúng ta sẽ không vội vàng can thiệp vào những công việc khó chịu của người khác.”

Kẻ nào nghĩ như thế, kẻ đó vừa không cao thượng lại vừa không biết nhìn xa trông rộng. Nước Mỹ không phải là vô can trong nỗi khốn khó của châu Âu. Bằng việc rút lại một cách tàn nhẫn các khoản tiền cho vay, nước Mỹ đã thúc đẩy sự suy thoái về mặt kinh tế và đồng thời cả sự suy đồi về mặt đạo đức của châu Âu. Nước Mỹ đã góp phần vào việc ban căng hóa châu Âu và như vậy là đồng phạm trong sự suy đồi của đạo đức chính trị và trong việc làm gia tăng lòng hận thù được nuôi dưỡng bởi sự tuyệt vọng. Lòng hận thù ấy đã không dừng lại trước cửa ngõ nước Mỹ. Các quý vị hãy thử nhìn trước, nhìn sau mà xem!

Không cần phải nhiều lời: Hội nghị Giải trừ quân bị có nghĩa là một cơ hội cuối cùng không chỉ đối với chúng ta, mà còn đối với các quý vị, nhằm đảm bảo những gì tốt đẹp nhất mà nhân loại văn minh đã tạo ra. Những ánh mắt và hy vọng đang trông đợi ở các quý vị với tư cách là những người cường tráng và tương đối khỏe mạnh.

Bàn về hội nghị giải trừ quân bị năm 1932

1.

Liệu tôi có được phép bắt đầu bằng một tín niệm chính trị? Đó là: Nhà nước tồn tại vì con người, chứ không phải con người tồn tại vì nhà nước. Người ta cũng có thể nói về khoa học cũng tương tự như đã nói như thế về nhà nước. Đó là những công thức cũ. Những công thức này được khắc ghi bởi những ai xem nhân cách con người như một giá trị cao quý nhất có tính người.

Tôi rất ngại phải lặp lại những công thức này, khi chúng có nguy cơ đôi khi bị rơi vào sự quên lãng, nhất là trong thời đại đầy những tổ chức và khuôn mẫu như thời đại chúng ta. Tôi thấy nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của nhà nước là bảo vệ cá nhân và tạo cho cá nhân khả năng phát triển thành nhân cách sáng tạo.

Như vậy, nhà nước cần phải là người đầy tớ của chúng ta, chứ không phải chúng ta là nô lệ của nhà nước. Nhà nước vi phạm đòi hỏi này, khi nó dùng bạo lực để ép buộc chúng ta phải phục vụ quân đội và chiến tranh, đặc biệt là khi sự phục vụ nô lệ này hướng đến mục tiêu và kết quả tàn sát những người dân nước khác hoặc gây tổn hại cho sự tự do phát triển của họ. Chúng ta chỉ nên dành cho nhà nước những hy sinh mang lại kết quả tốt đẹp cho sự phát triển tự do của các cá nhân. Những điều quý báu này có thể là hiển nhiên đối với mỗi người Mỹ, chứ không phải đối với mỗi người châu Âu. Vì vậy, chúng ta vẫn có thể hy vọng rằng, cuộc vận động chống chiến tranh sẽ có một chỗ dựa vững chắc ở người Mỹ.

Nhưng bây giờ, xin trở về với Hội nghị Giải trừ Quân bị! Người ta nên cười, nên khóc hay nên hy vọng, khi nghĩ đến nó? Quý vị hãy thử tưởng tượng một thành phố có toàn là những công dân cáu bẳn, dối trá và hay thích gây gổ! Ở đó, người ta cảm nhận được mỗi nguy cơ thường trực đe dọa cuộc sống như là trở ngại lớn cho mọi sự phát triển lành mạnh. Tòa thị chính muốn khắc phục tình trạng ghê tởm ấy, mặc dù mỗi thành viên trong các hội đồng thành phố lẫn mỗi người dân đều không muốn bị cầm mang dao găm

bên thắt lưng. Sau nhiều năm chuẩn bị, Tòa thị chính quyết định mang vấn đề ra bàn và đưa ra đề tài thảo luận: Con dao găm mà mỗi người mang theo ở thắt lưng khi đi dạo chơi, được phép dài và sắc như thế nào? Chừng nào những người dân ranh mãnh này không đứng ra chống lại hiện tượng đâm chém nhau bằng luật pháp, tòa án và cảnh sát, thì tất nhiên sẽ chẳng có gì thay đổi cả. Một sự ấn định về chiều dài và độ sắc của các con dao găm được mang sẽ chỉ có lợi cho cho những kẻ thích hành hung và những kẻ mạnh nhất, và chỉ là sự phò mặc những người yếu hơn cho chúng. Tất cả các quý vị đều biết rằng, sự so sánh này ám chỉ điều gì. Chúng ta hiện đang có Hội Quốc Liên và một Tòa án Trọng tài. Nhưng Hội Quốc Liên thì lại chẳng hơn gì một phòng họp và Tòa án Trọng tài cũng lại không có phương tiện để thực thi các quyết định của mình. Các cơ quan này không đảm bảo an ninh được cho bất cứ quốc gia nào trong trường hợp bị tấn công. Nếu quý vị xem xét kỹ điều này, thì đối với quan điểm của Pháp về việc từ chối giải trừ quân bị trong trường hợp không có an ninh, ắt hẳn quý vị sẽ phê phán một cách nhẹ nhàng hơn là so với những gì đang thường diễn ra hiện nay.

Nếu chúng ta không biết hạn chế chủ quyền của các quốc gia riêng lẻ bằng cách buộc mọi quốc gia phải có nghĩa vụ thực hiện hành động chung chống lại những quốc gia công khai hay giấu giếm đi ngược lại với phán quyết của Tòa án Trọng tài này, thì chúng ta không thể thoát ra khỏi tình trạng lộn xộn và những hiểm họa nói chung. Chủ quyền không bị hạn chế của từng quốc gia và an ninh chống lại các cuộc tấn công không thể được hợp nhất bởi các mảnh khóc. Có cần phải chờ đến các thảm họa mới nữa để rồi mới buộc các quốc gia phải có nghĩa vụ thực thi các quyết định của cơ quan tòa án quốc tế đã được công nhận hay không? Từ thực trạng hiện nay, chúng ta chẳng có lý do gì để trông chờ điều gì tốt đẹp hơn trong tương lai gần. Nhưng bất cứ ai là người bạn thân thiện với nền văn minh và với sự công bằng phải dốc toàn bộ khả năng tốt nhất của mình để thuyết phục đồng loại của mình về sự cần thiết của sự liên kết quốc tế như vậy giữa các quốc gia riêng rẽ.

Người ta không phải không có lý do chính đáng để phản bác lại quan niệm này khi cho rằng nó quá coi trọng yếu tố tổ chức và xem thường yếu tố tâm lý, đặc biệt là yếu tố đạo đức. Lý lẽ ấy khẳng định rằng, giải trừ quân bị về mặt tinh thần phải đi trước giải trừ quân bị về mặt vật chất. Cũng nên hiểu một cách rõ ràng rằng, trở ngại lớn nhất của trật tự quốc tế chính là chủ nghĩa dân tộc đã được tăng cường thành một thứ quái đản, một kiểu chủ nghĩa dân tộc được gọi bằng một cái tên đầy cảm tình nhưng dễ bị lạm dụng là chủ nghĩa yêu nước. Trong một trăm năm mươi năm qua, thần tượng ấy đã đạt được một quyền lực khủng khiếp, cực kỳ tai hại. Để có được quan

điểm đúng đắn về sự phản kháng đó, người ta phải nhận ra rằng, yếu tố tổ chức và yếu tố tâm lý quy định lẫn nhau. Các tổ chức không chỉ phụ thuộc vào các thái độ truyền thống mang màu sắc tình cảm mà nhờ đó chúng được hình thành và phát triển. Các tổ chức còn tác động mạnh mẽ ngược trở lại các thái độ dựa theo tình cảm này của các dân tộc.

Theo tôi, chủ nghĩa dân tộc - khi đã phát triển cao đến mức tai hại như thế ở khắp mọi nơi - có liên quan chặt chẽ nhất với việc đưa ra nghĩa vụ quân sự nói chung - hoặc với tên gọi ngọt ngào hơn - với việc thiết lập “quân đội nhân dân”. Khi đòi hỏi những người dân thực hiện nghĩa vụ quân sự, nhà nước buộc phải phải nuôi dưỡng tình cảm của chủ nghĩa dân tộc ở những người dân này. Tình cảm ấy tạo cơ sở tâm lý cần thiết cho các mục đích sử dụng về mặt quân sự. Thế là bên cạnh tôn giáo, nhà nước lại phải ca ngợi công cụ bạo lực độc ác của mình trước giới trẻ trong học đường!

Vì vậy, theo quan niệm của tôi, việc đề ra nghĩa vụ quân sự nói chung là điều chủ yếu trong sự suy đồi đạo đức của chủng tộc da trắng. Sự suy đồi đạo đức đe dọa nghiêm trọng đến sự tồn vong của nền văn hóa của chúng ta, thậm chí về sự sinh tồn của chúng ta. Bên cạnh những điều tốt lành vĩ đại về mặt xã hội, sự kiện tồi tệ này đã xuất phát từ cuộc Đại cách mạng Pháp và sau đó trong một thời gian ngắn đã lôi kéo tất cả các dân tộc khác.

Những ai muốn bênh vực quan điểm quốc tế và chống lại chủ nghĩa dân tộc Sô vanh, thì phải đấu tranh chống quân dịch nói chung. Phải chăng đối với xã hội, các cuộc truy nã gay gắt hiện nhằm vào những người chống quân dịch vì động cơ đạo đức, là ít đáng hổ thẹn hơn những cuộc truy nã nhằm vào những người tử vì đạo trong các thế kỷ trước đây? Người ta có thể loại trừ chiến tranh, như đã làm trong Hiệp định Kellogg, được hay không, trong khi vẫn phó mặc các cá nhân không được bảo vệ cho bộ máy chiến tranh của các nước riêng lẻ?

Còn về Hội nghị Giải trừ quân bị, nếu người ta không muốn chỉ tự hạn chế ở yếu tố tổ chức-kỹ thuật, mà muốn cân nhắc cả đến yếu tố tâm lý một cách trực tiếp vì những động cơ giáo dục, thì người ta phải bằng con đường quốc tế tạo khả năng hợp pháp cho các cá nhân khước từ quân dịch. Không nghi ngờ gì nữa, một kế sách như thế có thể tạo ra tác động mạnh mẽ về mặt đạo đức.

Tôi tóm lược lại quan điểm của mình như sau: Những thỏa thuận thuần túy về hạn chế vũ trang không hề đảm bảo được an ninh. Tòa án Trọng tài theo

quy định cần phải có quyền hành pháp được đảm bảo bởi tất cả các quốc gia thành viên tham gia. Đó là quyền hành pháp nhằm can thiệp bằng sự trừng phạt về kinh tế và quân sự chống lại những kẻ phá hoại hòa bình. Cần phải đấu tranh chống nghĩa vụ quân sự nói chung như một ổ dịch chủ yếu của chủ nghĩa dân tộc bệnh hoạn. Đặc biệt, những người chống quân dịch cần phải được bảo vệ trên cơ sở quốc tế.

2.

Những gì mà tinh thần sáng tạo của con người trong những thế kỷ vừa qua ban tặng cho chúng ta, đã có thể tạo ra một cuộc sống thanh thản và hạnh phúc, giá như sự phát triển về mặt tổ chức có bước tiến đồng thời với sự phát triển về mặt kỹ thuật. Tuy nhiên, những gì đã đạt được một cách khó nhọc đang nằm trong tay thế hệ chúng ta, lại giống như lưỡi dao cạo trong tay đứa trẻ lên ba. Sở hữu về tư liệu sản xuất kỳ diệu không mang lại hòa bình, mà chỉ mang đến những lo âu và đói khổ.

Tiến bộ kỹ thuật đã gây những tác động tồi tệ nhất ở nơi mà nó cung cấp các phương tiện để hủy diệt cuộc sống con người và để phá hủy các công trình của con người được tạo ra bằng lao động vất vả. Chúng tôi là những người cao tuổi đã từng nếm trải những nỗi kinh hoàng trong chiến tranh thế giới. Tình trạng nô lệ đáng hổ thẹn, trong đó mỗi cá nhân phải chịu đựng từ cuộc chiến tranh, dường như đối với tôi còn khủng khiếp hơn cả hủy diệt. Chẳng đáng sợ sao, khi những hành động mà mỗi người coi là tội ác đáng ghê tởm, lại bị buộc phải tuân thủ cái chung? Chỉ có một số ít người là có được sự vĩ đại về đạo đức để phản kháng lại. Trong mắt tôi, họ là những vị anh hùng thực sự của cuộc chiến tranh thế giới.

Vẫn có một tia hy vọng. Tôi cảm tưởng rằng, ngày nay, những lãnh tụ có trách nhiệm của các dân tộc thực sự thành tâm mong muốn dẹp bỏ chiến tranh. Sự kháng cự chống lại quá trình phát triển tất yếu, vô điều kiện có cội rễ trong những truyền thống đầy bất hạnh của các dân tộc, những truyền thống được kéo theo bởi cơ chế giáo dục như một căn bệnh di truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nhân tố chủ yếu của các truyền thống này là việc đào tạo quân sự, là việc tôn vinh đào tạo quân sự và liên quan đến bộ phận truyền thông lệ thuộc vào công nghiệp nặng và quân đội. Nếu không giải trừ quân bị thì không thể có nền hòa bình bền vững. Ngược lại, việc duy trì các trang thiết bị quân sự ở quy mô hiện nay chắc chắn sẽ dẫn đến những thảm họa mới.

Do vậy, Hội nghị Giải trừ quân bị năm 1932 là có tính quyết định đối với số phận của thế hệ hiện nay và thế hệ tiếp theo. Nếu người ta nghĩ đến các kết quả nghèo nàn của các hội nghị trước đây, thì người ta thấy rõ rằng, tất cả những người có trách nhiệm và khôn ngoan cần phải huy động mọi khả năng để luôn hướng dẫn công luận hiểu được tầm quan trọng to lớn của Hội nghị năm 1932. Chỉ khi các nguyên thủ quốc gia thể hiện được ý chí hòa bình của đa số những người có quyền quyết định trong nước mình, thì họ mới có thể đạt được mục tiêu quan trọng của mình: Để tạo ra được công luận này, mỗi người phải cùng chịu trách nhiệm về mỗi lời nói và việc làm của mình.

Hội nghị có thể được coi là thất bại, nếu như những đại biểu đến tham dự với những lời huân thị đã được chuẩn bị sẵn, và bây giờ việc thực hiện chúng chỉ trở thành một công việc giữ thể diện. Điều này dường như đều được mọi người thừa nhận. Bởi vì các cuộc gặp gỡ song phương của các nguyên thủ quốc gia hai nước được thực hiện trong thời gian vừa qua thông qua các cuộc tọa đàm về vấn đề giải trừ quân bị, đã được sử dụng để chuẩn bị cơ sở cho Hội nghị. Con đường này đối với tôi dường như là một con đường có cơ may, bởi vì hai người hoặc hai bên vun đắp cho các khả năng đàm phán với nhau sao cho hợp lý nhất, chân thành nhất và bình tĩnh nhất. Khi không có người thứ ba nghe được, thì họ không phải quá thận trọng trong lời nói của mình. Chỉ khi Hội nghị được chuẩn bị một cách sáng tạo theo cách này, khi những điều bất ngờ được loại trừ và khi một bầu không khí tin cậy được tạo nên bởi thiện ý chân thành, thì chúng ta mới có thể hy vọng vào một kết quả tốt đẹp. Thành công của sự nghiệp vĩ đại này lại không phụ thuộc vào sự thông minh hay thậm chí vào sự khôn ngoan, mà phụ thuộc vào sự chân thành và sự tin cậy. Yếu tố đạo đức không thể bị thay thế bởi lý trí. Tôi muốn nói rằng, đó là điều diễm phúc.

Chỉ chờ đợi hay phê phán đơn thuần là điều không thích hợp với người đương thời. Người đương thời phải phục vụ cho sự nghiệp này bằng hết khả năng của mình. Số phận của tất cả mọi người là cái mà họ xứng đáng được hưởng.

Bàn về vấn đề giải trừ quân bị

Việc thực hiện kế hoạch giải trừ quân bị đã bị gây trở ngại, nhất là khi người ta nói chung không biết tự kiểm điểm về khó khăn lớn nhất của nó. Người ta đã đạt được đa số các mục tiêu trong các bước đi nhỏ. Nhưng hãy nghĩ đến việc xóa bỏ nền quân chủ tuyệt đối bằng nền dân

chủ. Ở đây, tồn tại một mục tiêu không thể nào đạt được chỉ bằng những bước đi nhỏ dần dần.

Một khi chính khả năng chiến tranh không bị loại trừ, thì các dân tộc không thể làm gì hơn ngoài việc chuẩn bị về mặt quân sự sao cho hoàn thiện để có thể chiến thắng được cuộc chiến tranh tiếp theo. Người ta cũng không thể làm khác hơn là giáo dục thanh niên về các truyền thống đấu tranh nhằm nuôi dưỡng tính tự phụ dân tộc hẹp hòi kết hợp với việc ca ngợi quan điểm chiến tranh. Người ta vẫn thường làm như vậy, chừng nào phải tính đến việc phải dùng đến thái độ ủng hộ của công dân cho các cuộc xung đột chiến tranh. Nhưng thực ra, vũ trang không có nghĩa là tán thành và chuẩn bị hòa bình, mà ngược lại, có nghĩa là tán thành và chuẩn bị chiến tranh. Vì vậy, người ta sẽ không giải trừ quân bị trong những bước đi nhỏ, mà phải làm luôn một lần hoặc hoàn toàn không làm gì cả.

Tiền đề cho việc thực hiện một biến đổi sâu sắc như thế trong đời sống của nhân dân là một nỗ lực tinh thần mạnh mẽ, là sự chối bỏ một cách có ý thức các truyền thống thâm căn cố đế. Những kẻ nào không sẵn sàng gắn số phận của quốc gia mình một cách vô điều kiện với các quyết định của một tổ chức tòa án trọng tài quốc tế trong trường hợp tranh chấp và không xác định dứt khoát điều này bằng hiệp định của nhà nước, những kẻ đó không quyết tâm thực sự để loại bỏ chiến tranh. Khẩu hiệu được đưa ra ở đây là: Tất cả hoặc không gì cả!

Người ta không thể bác bỏ thực tế là: Cho đến nay, sở dĩ những nỗ lực nhằm bảo đảm hòa bình đã thất bại là vì chúng cố đạt được những thỏa hiệp nửa vời.

Giải trừ quân bị và an ninh chỉ có thể đạt được trong sự gắn kết với nhau. An ninh chỉ có thể được bảo đảm bởi nghĩa vụ của tất cả các quốc gia trong việc thực thi các quyết định quốc tế.

Chúng ta đang đứng ở ngã ba đường. Liệu chúng ta có tìm được con đường dẫn đến hòa bình hay vẫn cứ tiếp tục đi con đường không xứng đáng với nền văn minh của chúng ta như trước đây, điều này nằm trong tay của chúng ta. Một bên là sự vẫy gọi của tự do của các cá nhân và sự an ninh của cộng đồng. Bên kia là nguy cơ nô lệ cho cá nhân, là sự hủy diệt nền văn minh của chúng ta. Số phận của chúng ta phụ thuộc vào câu hỏi: chúng ta xứng đáng với nó như thế nào?

Một lời chia tay

Thư gửi Ngài thư ký Đức của Hội Quốc Liên, Ngài Dufour – Feronce kính mến!

Bức thư đầy thân thiện của ngài không thể không được trả lời, bởi vì nếu không, ngài đã có thể nhận được một cách hiểu không chuẩn xác về chính kiến của tôi.

Việc tôi quyết định không đi Genève nữa dựa trên cơ sở thực tế sau đây: Kinh nghiệm tiếc thay đã mách bảo cho tôi rằng, Ủy ban trung gian đã không thể hiện được ý chí nghiêm túc trong việc đạt được các tiến bộ cơ bản trong các nhiệm vụ làm lành mạnh hóa các quan hệ quốc tế. Tôi chỉ thấy trong ủy ban này chủ yếu là sự hiện thân của nguyên tắc “ut aliquid fieri videatur”. Đối với tôi, ủy ban này thậm chí còn tồi tệ hơn cả Hội Quốc Liên xét một tổ chức tổng thể.

Tôi cho rằng, tôi phải rời bỏ ủy ban này, chính bởi vì tôi muốn hành động theo khả năng để tạo ra một thẩm quyền trọng tài quốc tế, hoạt động siêu quốc gia, và bởi vì mục tiêu này là mong muốn từ đáy lòng tôi.

Ủy ban này đã đồng ý cho phép việc áp bức các cộng đồng văn hóa thiểu số ở các quốc gia riêng lẻ bằng cách cho ra đời "Ủy ban Quốc gia" ở các nước này, tổ chức đóng vai trò cầu nối duy nhất giữa giới trí thức của nước này với ủy ban. Như vậy, ủy ban này đã cố tình chối bỏ chức năng là chỗ dựa tinh thần cho các sắc tộc thiểu số trong các quốc gia chống lại sự áp bức văn hóa.

Ngoài ra, đối với vấn đề đấu tranh chống lại các xu hướng Sô vanh và quân phiệt trong việc giảng dạy ở từng nước riêng biệt, ủy ban này còn chọn một thái độ thiếu kiên quyết khiến người ta khó có thể hy vọng gì về những nỗ lực nghiêm túc của ủy ban trong lĩnh vực quan trọng cơ bản này.

Ủy ban này đã luôn luôn bỏ qua khả năng trở thành chỗ dựa tinh thần cho các cá nhân và các tổ chức liên kết có nhiệm vụ hoạt động một cách triệt để cho một trật tự luật quốc tế và chống lại thể chế quân sự. Ủy ban đã không bao giờ cố gắng đối đầu với chủ trương thôn tính của các nước thành viên mà ủy ban này biết rằng, các nước này đại diện cho các khuynh hướng hoàn toàn khác với xu hướng mà ủy ban này có bổn phận phải đại diện.

Tôi không muốn tiếp tục làm cho ngài phát ngán bằng những luận cứ như vậy nữa, bởi vì ngài đã hiểu được quyết định của tôi một cách đầy đủ sau những điều ít ỏi vừa nêu. Tôi không muốn làm người buộc tội, mà tôi muốn

chỉ lý giải thái độ của mình. Nếu tôi muốn nuôi dưỡng một hy vọng nào đó, thì tôi phải hành động khác. Ngài có thể chắc chắn về điều này.

Chủ nghĩa hòa bình tích cực

Tôi thấy mình thật hạnh phúc khi được trực tiếp tham dự cuộc biểu tình lớn của nhân dân Flamande vì hòa bình. Đối với tôi, quả là một nhu cầu khi nhân danh những người có thiện chí và những người quan tâm đến tương lai nói to với tất cả những người tham gia cuộc biểu tình này: Chúng tôi thấy gắn bó sâu sắc nhất với các bạn trong những giờ phút suy tư và thức tỉnh lương tâm này.

Chúng ta không nên che giấu một thực tế là: Việc cải thiện các mối quan hệ vô vọng hiện nay làm sao có thể có được, nếu không có các cuộc đấu tranh quyết liệt. Bởi vì số lượng những người quyết tâm trợ giúp một cách triệt để chỉ là nhỏ so với số đông những người không quyết tâm và những người bị dụ dỗ. Và quyền lực của những người quan tâm đến việc duy trì bộ máy chiến tranh lại rất lớn. Họ không từ một phương tiện nào để có thể khiến công luận phục vụ cho những mục tiêu của họ, những mục tiêu thù địch với cuộc sống.

Hình như là các nguyên thủ quốc gia hiện nay thực sự theo đuổi mục tiêu củng cố lâu dài nền hòa bình. Nhưng, sự gia tăng liên tục các trang thiết bị quân sự đã chỉ ra quá rõ ràng, họ không theo kịp các cường quốc thù địch, những nước đang thúc giục việc chuẩn bị chiến tranh. Theo xác tín của tôi, một sự cứu vãn chỉ có thể đến từ ngay trong lòng các dân tộc mà thôi. Nếu họ muốn tránh tình trạng nô lệ hèn hạ trong quân địch, thì họ phải kiên quyết ủng hộ việc hoàn toàn giải trừ quân bị. Bởi vì chừng nào còn các lực lượng quân đội, thì bất cứ cuộc xung đột nghiêm trọng nào cũng đều có thể dẫn đến chiến tranh. Chủ nghĩa hòa bình, một khi không tích cực đấu tranh chống lại sự chạy đua vũ trang của các quốc gia, thì nó vẫn và sẽ mãi mãi chỉ là một thứ chủ nghĩa hòa bình bất lực mà thôi.

Mong rằng, lương tâm và trí óc lạnh mạnh của các dân tộc trở nên sống động hơn để chúng ta đạt tới được một cấp độ mới của sự cộng sinh giữa các dân tộc; một cấp độ mà từ đó nhìn lại, chiến tranh được coi là một sai lầm không thể nào hiểu nổi của cha ông chúng ta.

Thư gửi Sigmund Freud

Ngài Freud kính mến!

Thật thán phục được thấy khát vọng tiếp cận đến chân lý ở Ngài đã vượt hẳn bất cứ một khát vọng nào khác. Với sự sáng sủa vô song, Ngài đã cho thấy, những bản năng tranh đấu và hủy diệt là không thể tách rời khỏi bản năng của tình yêu và hiếu sinh trong tâm lý con người như thế nào. Nhưng đồng thời, từ những diễn giải chặt chẽ của Ngài toát lên một khát vọng sâu thẳm về một mục tiêu vĩ đại cho việc giải phóng con người khỏi chiến tranh, trong tâm hồn cũng như trên thực tế.

Tất cả những ai đã được tôn vinh là những lãnh tụ trong lĩnh vực tinh thần và đạo đức vượt lên trên thời đại và dân tộc của mình, đều tán thành khát vọng vĩ đại này. Ở đây, nổi lên một sự thống nhất từ Jesus đến Goethe và Kant. Có một thực tế là những nhân vật này đã được mọi người công nhận là lãnh tụ, mặc dù ý chí của họ hướng đến việc tạo ra các mối quan hệ con người chỉ có khả năng thực hiện ở mức độ rất thấp. Thực tế này không có ý nghĩa gì sao?

Tôi tin chắc rằng, tuyệt đại đa số những cá nhân lỗi lạc, những người có vị trí hàng đầu nhờ các công trình của mình - dù chỉ là một nhóm nhỏ - đều cùng chia sẻ lý tưởng này. Họ có rất ít ảnh hưởng đến sự phát triển về mặt chính trị. Thật tệ hại, khi lĩnh vực có ảnh hưởng quyết định đến số phận của các quốc gia lại bị giao phó một cách không thể tránh khỏi cho sự tro tàn và vô trách nhiệm của những kẻ cầm quyền chính trị.

Các lãnh tụ chính trị hoặc các chính phủ có được cương vị của mình một phần nhờ bạo lực, một phần do sự lựa chọn của quần chúng. Họ không thể được xem như là đại diện cho bộ phận ưu tú về mặt tinh thần và đạo đức của các quốc gia. Tuy vậy, hiện nay, bộ phận tinh túy về trí tuệ lại không có ảnh hưởng trực tiếp nào đến lịch sử các dân tộc: Tình trạng phân tán của họ đã ngăn cản sự tham gia trực tiếp của họ vào việc giải quyết các vấn đề bức xúc. Do đó, nếu một số ít người, mà thành quả và ảnh hưởng của họ bảo đảm cho năng lực và sự trong sáng trong ý đồ tập hợp nhau lại, thì Ngài có tin rằng, một sự tập hợp như thế có thể tạo ra được sự biến chuyển ở đây hay không? Cộng đồng có đặc điểm quốc tế này, cộng đồng mà các thành viên của nó duy trì quan hệ thông qua việc trao đổi ý kiến thường xuyên, nhờ việc bày tỏ thái độ trên báo chí - luôn với trách nhiệm của mỗi thành viên ký kết - sẽ có thể tạo được ảnh hưởng quan trọng và bổ ích đối với giải pháp cho các vấn đề chính trị. Tất nhiên, một cộng đồng như vậy ắt không tránh khỏi bị tổn thương bởi mọi thứ tiêu cực vốn thường dẫn dắt giới trí thức hàn lâm vào sự thoái hóa; tức những mối nguy hiểm gắn liền chặt chẽ với những khiếm khuyết của bản tính con người. Dù vậy, tại sao ta lại không có dũng

khí để thử tiến hành một nỗ lực như thế? Tôi coi một thử nghiệm như vậy hầu như là một bồn phận không thể từ khước được.

Nếu một tập thể trí tuệ có tiếng tăm như vậy có thể được thành lập, thì nó cũng phải có những nỗ lực có hệ thống để động viên các tổ chức tôn giáo tham gia vào cuộc vận động chống chiến tranh. Tập thể ấy nhất định sẽ mang lại một chỗ dựa tinh thần cho nhiều nhân vật, mà ý chí của họ hiện nay bị tê liệt vì nỗi chán chường đau đớn. Cuối cùng tôi tin rằng, một cộng đồng bao gồm những cá nhân có uy tín lớn do thành quả của họ cũng xứng đáng trở thành chỗ dựa tinh thần đáng quý cho các lực lượng trong Hội Quốc Liên, những lực lượng thực sự cống hiến năng lực của mình cho mục tiêu cao cả của tổ chức này.

Sở dĩ tôi thích trình bày những việc này cho Ngài hơn là cho bất kỳ ai khác, là vì khác với mọi người, Ngài không cảm thấy bị làm phiền khi lắng nghe về những ước vọng và bởi vì nhận định có tính phê phán của Ngài thể hiện ý thức trách nhiệm nghiêm chỉnh nhất.

Bàn về nghĩa vụ quân sự

Trích từ một bức thư

Thay vì cho phép nước Đức áp dụng nghĩa vụ quân sự, tốt hơn hết là nên tước bỏ việc đề ra nghĩa vụ này ở tất cả các nước và trước hết không cho phép thành lập bất cứ đạo quân nào ngoài đạo quân đánh thuê, với quy mô và trang thiết bị quân sự sẽ được thỏa thuận sau.

Điều này thiết nghĩ cũng có lợi cho nước Pháp so với việc phải cho phép nghĩa vụ quân sự ở Đức. Nếu được, ta ắt sẽ ngăn chặn được tác động tâm lý đầy hiểm họa do việc giáo dục quốc phòng toàn dân gây ra và cũng như việc tước đoạt quyền hạn của cá nhân vốn gắn liền với nền giáo dục ấy.

Ngoài ra, đối với cả hai nước, khi đã thống nhất được với nhau về một tòa án trọng tài trong việc giải quyết ổn thỏa tất cả các vấn đề tranh chấp liên quan đến các mối quan hệ song phương, thì có thể sẽ dễ dàng hơn nhiều trong việc hợp nhất các tổ chức của các quân nhân chuyên nghiệp nói trên thành một tổ chức duy nhất bao gồm các cán bộ hỗn hợp. Đối với các đội quân đánh thuê mỗi bên, điều này có thể giúp giảm nhẹ gánh nặng về mặt tài chính và lại bảo đảm được an ninh. Một quá trình hợp nhất như thế có thể phát triển thành các đội quân liên hiệp ngày càng lớn hơn và cuối cùng có

thể đưa đến việc thành lập một cơ quan “cảnh sát quốc tế”. Cơ quan này sẽ nhỏ dần đi tùy theo mức độ tăng cường an ninh quốc tế.

Quý vị có muốn bàn bạc với những người bạn của chúng ta về kiến nghị này như một sự gợi ý hay không? Tất nhiên, tôi hoàn toàn không cố bám vào kiến nghị đặc biệt này. Theo tôi, điều cần thiết là chúng ta phải đưa ra những đề nghị tích cực. Nỗ lực phòng thủ thuần túy không thể hứa hẹn bất cứ sự thành công thực tế nào.

Diễn văn tại hội nghị sinh viên về giải trừ quân bị

Diễn văn này được đọc vào khoảng năm 1930 trước các sinh viên Đức. Trong một nền khoa học và kỹ thuật phát triển cao, các thế hệ gần đây đã trao cho chúng ta một món quà cực kỳ quý giá, món quà mang theo những khả năng giải phóng và làm đẹp cho cuộc sống của chúng ta mà không thế hệ nào trước đây được hưởng.

Tuy nhiên, món quà này cũng mang đến cả những mối nguy hiểm cho sự tồn tại của chúng ta, những mối nguy hiểm chưa bao giờ đe dọa trầm trọng đến như thế.

Hơn bao giờ hết, số phận của nhân loại văn minh phụ thuộc vào những lực lượng có đạo đức mà nó có thể tập hợp được. Vì vậy, nhiệm vụ được đặt ra cho thời đại chúng ta không dễ dàng hơn những nhiệm vụ mà các thế hệ trước đây đã giải quyết.

So với trước đây, nhu cầu của con người về thực phẩm và hàng tiêu dùng có thể được đáp ứng chỉ bằng một chi phí nhỏ hơn nhiều về thời gian lao động. Tuy nhiên, cũng chính vì lẽ đó, vấn đề phân công lao động và phân phối các sản phẩm làm ra cũng trở nên khó khăn hơn nhiều. Tất cả chúng ta đều cảm thấy rằng, cuộc chơi tự do của các thế lực kinh tế, khát vọng quyền lực, khát vọng sở hữu vô trật tự và không được kìm chế của các cá nhân không còn tự động dẫn đến một giải pháp có thể chấp nhận được cho các vấn đề đó. Cần phải có một thể chế có kế hoạch trong việc sản xuất hàng hóa, trong việc sử dụng sức lao động và phân phối các sản phẩm làm ra, để ngăn ngừa tình trạng lãng phí những lực lượng lao động quý giá, có trình độ cao, ngăn ngừa tình trạng bản cùng hóa và tình trạng khánh kiệt của bộ phận lớn dân cư.

Một khi “thói ích kỷ” vô hạn trong đời sống kinh tế đưa đến những hậu quả tồi tệ, thì chính nó sẽ còn là kẻ dẫn đường tồi tệ hơn cho các quan hệ giữa các dân tộc với nhau. Sự phát triển của kỹ thuật quân sự chính là một kiểu

phát triển, trong đó cuộc sống của con người là không thể chịu đựng nổi, khi chưa sớm tìm thấy con đường để ngăn chặn các cuộc chiến tranh. Mục tiêu có tầm quan trọng đến như thế, nhưng những nỗ lực đã được thực hiện cho đến nay lại chưa đầy đủ.

Người ta tìm cách giảm nhẹ mối nguy hiểm đó bằng việc hạn chế vũ trang và thông qua các quy định hạn chế trong khi tiến hành chiến tranh. Chiến tranh không phải là một cuộc chơi tập thể, trong đó các bên tuân thủ một cách ngoan ngoãn luật chơi. Một khi liên quan đến sự sống còn, thì các quy định và nghĩa vụ của cuộc chơi trở nên bất lực! Chỉ có sự dẹp bỏ vô điều kiện mọi cuộc chiến tranh nói chung mới có thể cứu vãn được. Việc thiết lập một định chế trọng tài quốc tế là không đủ. Thông qua các hiệp ước phải tạo ra được sự đảm bảo rằng, các quyết định của cấp thẩm quyền này cùng được thực hiện bởi tất cả các quốc gia. Nếu không có sự đảm bảo chắc chắn đó, các quốc gia sẽ không bao giờ có đủ can đảm để giải trừ quân bị một cách nghiêm chỉnh.

Các bạn thử tưởng tượng xem, bằng cách đe dọa sẽ tẩy chay hàng hóa, chính phủ các nước Mỹ, Anh, Đức và Pháp đòi hỏi chính phủ Nhật Bản phải chấm dứt ngay lập tức các hoạt động chiến tranh chống lại Trung Quốc! Vậy, các bạn có tin rằng, ở Nhật Bản sẽ tìm ra được một chính phủ lại muốn đẩy đất nước mình vào một cuộc phiêu lưu nguy hiểm đến thế không? Tại sao điều này lại không xảy ra? Tại sao mỗi con người, mỗi quốc gia lại cứ run sợ cho sự tồn vong của mình? Bởi vì ai nấy đều đi tìm lợi thế thậm hại nhất thời của mình và không chịu bắt nó phục tùng lợi ích và sự phát triển của cộng đồng.

Vì vậy, như tôi đã nói với các bạn lúc đầu rằng, số phận của nhân loại ngày hôm nay phụ thuộc vào các lực lượng có đạo đức của mình nhiều hơn bao giờ hết. Ở đâu cũng vậy, khước từ và tự hạn chế là con đường dẫn tới cuộc sống vui vẻ và hạnh phúc.

Các lực lượng ủng hộ cho một sự phát triển như vậy có thể đến từ đâu? Chỉ đến từ những người mà ngay từ trẻ đã có cơ hội tăng cường tinh thần và mở rộng tầm nhìn thông qua học tập và nghiên cứu. Chúng tôi, thế hệ đi trước trông đợi ở các bạn và hy vọng ở các bạn một điều là các bạn bằng những khả năng tốt nhất của mình sẽ hướng tới và sẽ đạt được những gì mà chúng tôi đã không làm nổi

Vấn đề của chủ nghĩa hòa bình

Thưa các quý bà, quý ông!

Tôi rất vui mừng là quý vị đã cho tôi cơ hội được nói đôi lời với quý vị về vấn đề của chủ nghĩa hòa bình. Sự tiến triển trong những năm qua đã một lần nữa cho thấy rằng, chúng ta hầu như không được phép giao phó cho các chính phủ cuộc đấu tranh chống lại các hoạt động chạy đua vũ trang và các quan điểm hiếu chiến.

Song ngay cả việc thành lập các tổ chức lớn gồm nhiều thành viên cũng chỉ giúp chúng ta phần nào trong việc tiếp cận đến mục tiêu này.

Theo quan điểm của tôi, ở đây, tốt nhất là thái độ khước từ quân dịch bằng cách phản đối, dựa vào sự hậu thuẫn của các tổ chức bên vực cả về vật chất lẫn tinh thần cho những người dũng cảm chống quân dịch ở từng nước. Như thế, chúng ta có thể đi đến chỗ làm cho vấn đề của chủ nghĩa hòa bình trở nên cấp thiết, trở thành một cuộc đấu tranh thực sự khiến cho cho cả những người có cá tính mạnh mẽ cảm thấy được lôi cuốn. Đây là một cuộc đấu tranh không hợp pháp, nhưng là cuộc đấu tranh vì quyền thực sự của con người chống lại chính phủ của họ, chừng nào các chính phủ này vẫn còn đòi hỏi các công dân của họ phải thực hiện những hành động tội ác.

Nhiều người coi mình là những người tích cực theo chủ nghĩa hòa bình, nhưng lại không tham gia vào một chủ nghĩa hòa bình triệt để như vậy, bởi họ viện dẫn tới các lý do của chủ nghĩa yêu nước. Không thể trông mong gì ở những người này trong những giờ phút nguy nan. Cuộc chiến tranh thế giới đã chứng minh quá đủ cho điều ấy.

Tôi xin chân thành cảm ơn quý vị đã cho tôi cơ hội được trình bày bằng miệng quan điểm của mình.

Hướng đến việc loại bỏ nguy cơ chiến tranh

Bài này được Einstein viết xong ngày 20.9.1952 và được đăng trên tạp chí Keizo, Nhật Bản, số mùa thu năm đó. Sự tham gia của tôi vào việc sản xuất bom nguyên tử là chỉ ở một hành động duy nhất: tôi đã ký vào bức thư gửi tổng thống Roosevelt trong đó đã nhấn mạnh sự cần thiết phải tiến hành các thí nghiệm ở quy mô lớn để nghiên cứu khả năng chế tạo một quả bom nguyên tử.

Tôi đã thực sự ý thức được mối nguy hiểm khủng khiếp cho nhân loại một khi việc này thành công. Chính sự phỏng đoán rằng, trong vấn đề này, người Đức có thể nghiên cứu với triển vọng thành công đã buộc tôi phải thực hiện bước đi này. Tôi đã không còn lựa chọn nào khác, dù tôi luôn là một người

theo chủ nghĩa hòa bình một cách đầy tin tưởng. Tàn sát trong chiến tranh theo quan niệm của tôi chẳng có gì tốt đẹp hơn so với việc giết người thông thường.

Tuy vậy, chừng nào các quốc gia chưa kiên quyết loại bỏ chiến tranh thông qua các hành động chung và giải quyết các cuộc xung đột và bảo vệ những lợi ích của mình bằng các quyết định hòa bình dựa trên cơ sở luật pháp, thì họ sẽ cảm thấy cần phải chuẩn bị một cuộc chiến tranh. Rồi họ lại cảm thấy cần phải chuẩn bị tất cả các phương tiện, kể cả các phương tiện đáng kinh tởm nhất để không bị qua mặt trong cuộc chạy đua vũ trang nói chung. Con đường đó tất yếu dẫn đến chiến tranh. Trong các mối tương quan hiện nay, chiến tranh có nghĩa là sự hủy diệt tất cả.

Trong tình hình đó, việc dùng phương tiện để chống lại phương tiện không có triển vọng thành công. Chỉ có việc dẹp bỏ triệt để các cuộc chiến tranh và nguy cơ chiến tranh mới có thể giúp giải quyết vấn đề. Muốn vậy, cần phải hành động và quyết tâm không để cho mình bị ép buộc phải hành động đi ngược lại với mục tiêu này. Đây là một đòi hỏi khắt khe đối với cá nhân ý thức được tình trạng phụ thuộc xã hội của mình. Nhưng tuyệt nhiên đó không phải là một đòi hỏi không thể thực hiện được.

Gandhi, bậc thiên tài chính trị vĩ đại nhất của thời đại chúng ta đã vạch ra con đường và cho thấy: con người sẽ có khả năng hy sinh lớn đến thế nào một khi họ đã nhận ra con đường đúng. Sự nghiệp giải phóng Ấn Độ của ông là một bằng chứng sinh động cho thấy: ý chí được xác tín một cách vững chắc còn mạnh hơn cả thế lực vật chất tưởng chừng như không thể vượt qua được.

Phần II: Chính trị và chủ nghĩa hòa bình

Hòa bình

Những nhân vật thực sự lỗi lạc thuộc các thế hệ trước đây đã nhận ra tầm quan trọng của mục tiêu giữ gìn hòa bình thế giới.

Tuy vậy, sự phát triển của kỹ thuật trong thời đại chúng ta làm cho định đề đạo đức này trở thành một vấn đề sống còn đối với nhân loại hiện đã được văn minh hóa như ngày nay và khiến cho sự tham gia tích cực vào việc giải quyết vấn đề hòa bình trở thành một vấn đề lương tâm mà không một người nào có ý thức về trách nhiệm luân lý có thể lảng tránh.

Cần làm rõ rằng, những tập đoàn đầy quyền lực của nền công nghiệp đã tham gia sản xuất vũ khí ở tất cả các nước đang đi ngược lại việc giải quyết hòa bình các vấn đề tranh chấp quốc tế, rằng những nhà cầm quyền chỉ có thể đạt được mục tiêu quan trọng này, nếu như họ dám chắc có được sự ủng hộ tích cực của đa số dân chúng. Trong thời đại của hình thức chính quyền dân chủ hiện nay của chúng ta, số phận của các dân tộc phụ thuộc vào chính họ. Mỗi cá nhân cần phải luôn ghi nhớ điều này.

Trả lời phụ nữ Mỹ

Một hội phụ nữ Mỹ cho rằng họ cần phản đối chuyến thăm của Einstein tới đất nước họ. Họ nhận được câu trả lời như sau:

Chưa bao giờ tôi bị phái đẹp khước từ mạnh mẽ đến vậy; và trường hợp đó nếu có xảy ra thì cũng chưa khi nào có nhiều người cùng lúc đến thế.

Nhưng họ làm thế là đúng quá đi chứ, ôi những nữ công dân đầy cảnh giác. Làm sao người ta lại có thể cho phép một gã đàn ông vào nhà, kẻ vốn thích nhai nuốt ngẫu nhiên bọn tư bản ngoan cô một cách ngon lành và thỏa mãn y hệt như con quái vật Minotaurus nhai nuốt các thiếu nữ đồng trinh Hy Lạp thơm tho vậy; mà kẻ đó lại còn bi ổi đến mức từ chối mọi cuộc chiến tranh, trừ cuộc chiến với chính vợ của y? Vậy nên, hãy nghe lời đám quần thoa khôn ngoan và ái quốc của quý vị đi và quý vị hãy nhớ rằng ngay cả thủ phủ của đế chế La Mã hùng mạnh cũng đã từng được cứu là nhờ tiếng kêu cạp cạp của những con ngỗng trung thành!

Lời chúc mừng gửi nhà phê bình

Có óc quan sát độc lập, cảm nhận và đánh giá không phụ thuộc vào các loại mốt thời đại; có thể diễn đạt điều mình thấy và cảm chỉ bằng một câu sắc gọn hoặc một từ chuẩn xác - như thế chẳng phải là tuyệt vời lắm sao? Người ta có cần phải chúc tụng gì thêm nữa không?

Cảm nhận đầu tiên của tôi về nước Mỹ

Tôi phải thực hiện lời hứa của mình, ấy là viết đôi điều cảm nhận về đất nước này. Mà điều đó với tôi lại không dễ dàng. Bởi người ta thật không dễ đặt mình vào vị trí của người quan sát khách quan nếu người ta được tiếp đón với quá nhiều tình cảm và sự trọng thị như tôi khi tới Mỹ.

Đầu tiên là đôi lời thế này:

Trong mắt tôi, sự sùng bái cá nhân luôn có gì đó thiếu công bằng. Đúng là Đấng tạo hóa ban phát cho những đứa con của mình mỗi người không giống nhau về năng lực. Nhưng, ơn Ngài, số người được hưởng may mắn vẫn nhiều lắm, và tôi tin rằng phần lớn trong số họ vẫn sống những cuộc đời thảnh thơi, chẳng mấy ai biết đến. Đối với tôi, thật là thiếu công bằng, vâng, thậm chí khá nhạt nhẽo, nếu trong số đó lại có vài người được ngưỡng mộ quá đáng, được khoác cho những phẩm chất thần thánh về trí tuệ và nhân cách. Thế mà chính điều đó lại xảy ra với số phận tôi, dẫn tới sự đối nghịch kịch cớm giữa những điều mà người ta nói về năng lực và thành tựu của tôi với điều mà tôi thực chất là và muốn là. Ý thức về mối tương quan kỳ cục này khiến tôi không chịu đựng nổi, nếu bên cạnh đó không có một niềm an ủi đẹp đẽ, một tín hiệu vui mừng cho cái thời đại bị coi là chỉ biết chạy theo vật chất này: Người ta dựng lên những người hùng mà mục đích của những người hùng này chỉ là hướng tới trí tuệ và đạo đức. Điều đó chứng tỏ, tri thức và lẽ phải vẫn được một số đông người đánh giá cao hơn tài sản và quyền lực. Kinh nghiệm của tôi cho biết rằng, thái độ sống lý tưởng này hiện hữu ở một phần rất đông dân chúng Mỹ - đất nước vốn bị coi là đặc biệt chạy theo vật chất này. Sau những lời vòng vo trên, tôi xin trở lại chủ đề chính với hy vọng rằng, người ta sẽ không đánh giá quá đáng những phát biểu khiêm nhường của tôi hơn mức nó vốn thế.

Điều đầu tiên khiến những vị khách phải kinh ngạc khi đến đất nước này là sự vượt trội về kỹ nghệ và tổ chức. Những đồ dùng hàng ngày được làm bền hơn ở châu Âu, nhà cửa thì được xây cất thực dụng hơn hẳn. Tất cả đều nhằm mục đích tiết kiệm sức lao động. Ở đây, sức lao động đắt đỏ bởi mật độ dân số là thấp so với diện tích và tài nguyên thiên nhiên của đất nước. Chính giá thành lao động cao đã kích thích sự phát triển mạnh của các phương tiện trợ giúp về kỹ thuật và phương pháp làm việc. Ta hãy xem trường hợp ngược lại: ở các nước có mật độ dân số quá cao như Trung Quốc và Ấn Độ, giá thành lao động thấp đã cản trở sự phát triển của các phương tiện trợ giúp về kỹ thuật như thế nào. Châu Âu thì ở giữa hai thái cực đó. Khi máy móc đã đủ phát triển, rốt cuộc nó sẽ còn rẻ hơn cả sức lao động vốn còn đang rẻ mạt. Những kẻ phát xít ở châu Âu - những kẻ vì lý do chính trị hẹp hòi đang kêu gọi sự gia tăng dân số ở đất nước họ - hẳn sẽ nghĩ như vậy. Có điều, ấn tượng hẹp hòi ấy lại khá giống với nỗi sợ của nước Mỹ trong việc chống nhập hàng hóa bằng việc thông qua đạo luật về thuế nhập khẩu... Song cũng chẳng nên đòi hỏi ở một người khách vô tư rằng ông ta phải đau đầu với những câu hỏi; mà rốt cuộc cũng chẳng có gì chắc chắn rằng với câu hỏi nào cũng có một câu trả lời hợp lý.

Điều thứ hai khiến những vị khách chú ý là thái độ sống vui vẻ, tích cực của dân chúng. Nụ cười tươi trên những bức ảnh là biểu tượng cho một trong những điểm mạnh nhất của người Mỹ. Người Mỹ vui vẻ, tự tin, lạc quan và - không tị hiềm. Người châu Âu luôn cảm thấy dễ chịu và tự nhiên khi tiếp xúc với người Mỹ.

Người châu Âu ngược lại: có óc phê phán mạnh hơn, ý thức cá nhân cao hơn, nhưng ít hào tâm hơn và ít giúp người hơn; họ có đòi hỏi cao hơn trong các hoạt động giải trí, và trong học thuật thì ít nhiều có vẻ bi quan hơn.

Sự thoải mái và tiện nghi có một vị trí lớn ở Mỹ. Vì chúng mà họ sẵn sàng hy sinh sự yên tĩnh, sự ung dung và cả sự an nhàn. Người Mỹ sống vì tương lai nhiều hơn người châu Âu. Cuộc sống với họ luôn là cái đang hình thành, chứ không phải cái đang tồn tại. Theo nghĩa đó, họ còn khác xa so với người Nga hay người châu Á hơn cả người châu Âu.

Nhưng có một điểm mà người Mỹ giống với người châu Á hơn là người châu Âu. Đó là họ ít có tính cá nhân hơn người châu Âu - nếu ta chỉ quan sát từ góc độ tâm lý chứ không phải từ góc độ kinh tế.

Ở đây, cái "chúng ta" được nhấn mạnh hơn cái "tôi". Điều này liên quan đến thực tế là phong tục và tập quán xã hội rất được coi trọng ở Mỹ. Có nhiều điểm tương đồng trong quan niệm sống cũng như trong quan niệm về đạo đức và sở thích riêng giữa các cá nhân hơn hẳn ở châu Âu. Được như vậy là nhờ nước Mỹ mạnh hơn hẳn châu Âu về kinh tế. Ở đây, việc cộng tác và phân chia công việc một cách hiệu quả diễn ra dễ dàng và trôi chảy hơn ở châu Âu, dù đó là trong công xưởng, trong trường đại học hay trong các việc từ thiện tư nhân. Thái độ ứng xử xã hội tốt đẹp đó một phần nhờ là vào truyền thống Anh.

Nhưng ngược lại, vai trò của nhà nước ở Mỹ có vẻ không mạnh mẽ so với ở châu Âu. Người châu Âu ngạc nhiên thấy rằng, điện tín, điện thoại, đường sắt và trường học ở Mỹ phần lớn nằm trong tay các tổ chức tư nhân. Điều đó có thể xảy ra là nhờ vào thái độ xã hội tích cực nói trên của các cá thể. Và thái độ ấy khiến cho sự khác biệt quá lớn về tài sản không dẫn tới sự cùng quẫn của một bộ phận dân chúng. Ý thức trách nhiệm xã hội của các ông chủ ở đây phát triển cao hơn hẳn ở châu Âu. Họ xem chuyện cống hiến một phần lớn tài sản, và thường là cả sức lực của họ nữa, cho công việc xã hội là đương nhiên. Dư luận xã hội (vốn rất mạnh mẽ!) đòi hỏi họ phải làm thế. Điều đó dẫn tới thực tế là người ta có thể trao những nhiệm vụ quan trọng

nhất về văn hóa vào tay các tổ chức tư nhân và vai trò của nhà nước trở nên rất hạn chế.

Uy tín của quyền lực nhà nước chắc chắn còn giảm đi rõ rệt vì "đạo luật cấm rượu". Bởi đối với uy tín của nhà nước và luật pháp, không có gì nguy hiểm cho bằng việc nó đưa ra những đạo luật mà nó không đủ sức cưỡng chế. Đây là một bí mật công khai, vì sự phát triển đáng lo ngại về tội phạm ở đất nước này có liên hệ chặt chẽ với thực tế đó.

Trong một quan hệ khác, "đạo luật cấm rượu", theo tôi, cũng dẫn tới sự suy yếu nhà nước. Quán xá là nơi cho người ta có cơ hội để trao đổi suy nghĩ và bày tỏ ý kiến về những sự kiện công cộng. Tôi thấy ở đất nước này, người ta có vẻ thiếu những cơ hội như vậy, khiến báo chí bị lũng đoạn bởi các nhóm thiểu số có ảnh hưởng quá mạnh đến công chúng.

Thái độ quá coi trọng đồng tiền ở đất nước này vẫn còn mạnh hơn ở châu Âu, nhưng tôi thấy nó có vẻ đang giảm đi. Chắc hẳn là nhận thức này đã chiến thắng: để có một cuộc sống hạnh phúc và hữu ích, không cần phải có quá nhiều của cải.

Về khía cạnh nghệ thuật, tôi đã bày tỏ sự ngưỡng mộ chân thành trước cái gu thẩm mỹ cao trong các công trình xây dựng hiện đại cũng như trong các vật dụng hàng ngày; ngược lại tôi thấy rằng, nghệ thuật tạo hình và âm nhạc không tìm được đất sống trong lòng dân chúng như ở châu Âu.

Tôi thán phục thành tựu của các cơ sở nghiên cứu khoa học. Ở châu Âu, người ta đang tìm cách giải thích một cách vô lý rằng sự vượt trội ngày càng tăng về nghiên cứu khoa học của Mỹ hoàn toàn chỉ là do người Mỹ có nhiều tiền của hơn; nhưng sự tận tâm, lòng kiên nhẫn, tinh thần đồng nghiệp và thiện chí cộng tác cũng giữ một vai trò quan trọng trong những thành công ấy chứ. Cuối cùng, thêm một nhận xét nữa! Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ là cường quốc phát triển nhất về kỹ thuật hiện nay. Ảnh hưởng của nó vào việc thiết kế các mối quan hệ quốc tế là gần như không thể lường trước được. Nước Mỹ rộng lớn là thế, nhưng lâu nay dân chúng lại ít quan tâm đến các vấn đề lớn của cộng đồng quốc tế, mà vấn đề hàng đầu hiện nay là vấn đề giải trừ quân bị. Điều đó cần phải thay đổi, vì chính lợi ích thiết thân của người Mỹ. Cuộc chiến vừa qua đã cho thấy, không còn sự phân cách giữa các lục địa nữa, mà số phận của tất cả các quốc gia ngày nay đã gắn chặt với nhau. Bởi thế cần làm thấu suốt rằng, dân chúng đất nước này mang một trách nhiệm lớn trong lĩnh vực chính trị quốc tế. Vị trí của kẻ khoan tay

đứng nhìn không xứng đáng với đất nước này và lâu dài sẽ trở nên nguy hiểm với tất cả mọi người.

Đám nhà báo

Trích từ một bức thư riêng

Khi ta bị tính sổ công khai về tất cả những gì ta đã nói dù trong khi vui đùa, khi cao hứng hay khi bức bối nhất thời, thì điều đó tuy thật phiền hà, song ở chừng mực nhất định cũng là hợp lý và tự nhiên. Nhưng nếu ta bị tính sổ công khai về những điều người khác đã nhân danh ta để nói và ta không có cách gì để khả dĩ tự vệ được, thì tình cảnh ấy thật thâm.

"VẬY ai mà khổ sở vậy?", anh sẽ hỏi. Vâng, bất kỳ ai đủ nổi tiếng và bị đám nhà báo thăm hỏi. Anh cười vì không tin ư? Nhưng tôi đã trải nghiệm đủ rồi, để tôi kể anh nghe.

Anh hãy tưởng tượng: một buổi sáng kia, một tay phóng viên đến gặp anh và vui vẻ hỏi rằng, liệu anh có thể nói đôi điều về ông N. bạn anh được không. Thoạt tiên có thể anh sẽ cảm thấy phần nộ vì một câu hỏi như vậy. Song anh nhanh chóng nhận ra rằng, sẽ chẳng có cách nào để chạy thoát. Bởi nếu anh từ chối trả lời, tay phóng viên sẽ viết: "Tôi đã hỏi một trong những người bạn gọi là thân nhất của N., nhưng ông này đã khéo léo từ chối. Mong độc giả tự rút ra những kết luận hiển nhiên từ thái độ ấy". Vì không có cách nào để chạy thoát, anh trả lời như sau:

"Ông N. là một nhân cách hào hiệp, thẳng thắn, được tất cả bạn bè quý mến. Ở bất kỳ hoàn cảnh nào, ông cũng nhìn ra được mặt tốt. Ông là người chịu khó và đảm nhận được rất nhiều việc cùng lúc; nghề của ông đòi hỏi ông phải dành hết tâm sức cho công việc. Ông là người yêu gia đình, luôn dành cho vợ tất cả những gì ông có..."

Bài viết của tay nhà báo: "N. không thực sự coi trọng điều gì và có tài lấy lòng tất cả mọi người, hơn nữa lúc nào ông cũng đóng vai một người dễ dãi và mềm mỏng. Ông thuộc loại nô lệ cho công việc, đến mức không bao giờ nghĩ tới những chuyện riêng tư hay tham gia vào một hoạt động tinh thần nào khác. Chiều chuộng vợ hết mực, ông là tên đầy tớ ngoan ngoãn phụng sự cho các nhu cầu của bà ấy..."

Ở một tay nhà báo đích thực, bài viết sẽ còn giật gân hơn thế nhiều, nhưng với anh và với ông N. bạn anh thì như thế có lẽ đã đủ. Ông ấy sẽ đọc những điều kể trên vào buổi sáng ngày mai trên báo, và sự giận dữ của ông ta với anh sẽ là vô giới hạn, dù về bản chất ông ta có tốt bụng và vui tính đến đâu đi nữa. Nỗi đau khổ của ông ta sẽ làm anh đau đớn không nói ra được, vì trong thâm tâm anh vốn quý mến ông ta.

Anh sẽ làm gì trong trường hợp này, bạn thân mến của tôi? Nếu anh nghĩ ra được cách gì, hãy báo ngay cho tôi biết nhé, để tôi có thể lập tức bắt chước cách của anh.

Bertrand Russell và tư duy triết học

Tiểu luận dưới đây được Einstein viết cho lời tựa tập 5 của tuyển tập "Library of Living Philosophers" do Giáo sư A. Schilpp chủ biên, xuất bản lần đầu năm 1946, đề cập riêng về triết học Bertrand Russell, đặc biệt là tác phẩm "An Inquiry into Meaning and Truth" xuất bản năm 1940.

Khi hội đồng biên tập đề nghị tôi viết chút gì đó về Bertrand Russell, thì vì sự ngưỡng mộ và kính trọng của tôi đối với tác giả, tôi đã nhận lời ngay lập tức. Nhờ đọc các tác phẩm của ông, tôi đã được hưởng biết bao giờ hạnh phúc, điều mà tôi - ngoại trừ về Thorstein Veblen - khó có thể nói khi đọc bất kỳ cây bút khoa học đương thời nào khác. Song tôi đã nhanh chóng nhận ra rằng, đưa ra một lời hứa thường dễ hơn là thực hiện nó.

Tôi đã hứa, sẽ viết gì đó về Russell như về một triết gia và một nhà nhận thức luận. Và khi tôi đầy tự tin bắt tay vào việc, tôi sớm nhận ra rằng, một người bấy lâu chỉ cần trọng dừng lại trong địa hạt vật lý như tôi đã liêu lĩnh biết bao khi dám đặt chân vào một lĩnh vực hóc búa như vậy. Có thể hầu hết những điều tôi sắp trình bày sau đây là ngây ngô với những người am hiểu. Song tôi tự an ủi mình bằng ý nghĩ, một người với kinh nghiệm tư duy trong một lĩnh vực khác như tôi bao giờ cũng được ưu ái hơn so với người hoàn toàn không suy tư hay chỉ suy tư ít ỏi.

Trong quá trình phát triển của tư duy triết học những thế kỷ qua, câu hỏi sau đây đóng vai trò chủ đạo: Những nhận thức nào có thể được mang lại từ tư duy thuần túy, không phụ thuộc vào những ấn tượng cảm tính? Liệu có thể có những nhận thức như vậy không? Nếu không, nhận thức của chúng ta có quan hệ như thế nào với những chất liệu thô do những ấn tượng cảm tính của giác quan cung cấp. Các câu hỏi đó, và một số câu hỏi khác có liên hệ chặt

chẽ với chúng tương ứng với một trường hỗn loạn hầu như không thể bao quát hết được của nhiều quan điểm triết học khác nhau. Trong những nỗ lực dũng cảm nhưng tương đối vô bổ này, dù sao cũng dễ nhận ra một vết phát triển có hệ thống, đó là: sự hoài nghi ngày càng gia tăng trước mọi thử nghiệm theo hướng "tư duy thuần túy", hòng nắm bắt được điều gì đó về "thế giới khách quan" và thế giới "sự vật", đối lập với thế giới "của những biểu tượng và tư tưởng" đơn thuần. Độc giả cho phép tôi nói trong ngoặc kép rằng: ở đây cũng như nơi một triết gia đích thực, dấu ngoặc kép ("") được dùng khi muốn du nhập một khái niệm không chính đáng, và mong bạn đọc tạm thời cho phép, mặc dù nó còn khả nghi trước con mắt cú vọ của triết học.

Niềm tin cho rằng, chỉ cần tư duy thuần túy là có thể tìm ra mọi tri thức đáng giá trên đời, niềm tin ấy khá phổ biến trong buổi đầu của triết học. Đó đã là một ảo tưởng mà bất kỳ ai cũng dễ dàng nhận ra nếu anh ta, trong một phút giây, tạm quên đi những gì anh ta đã học được từ triết học và khoa học tự nhiên sau này. Anh ta ắt sẽ không ngạc nhiên khi thấy Plato quy cho "ý niệm" một dạng thực tại cao hơn so với những sự vật có thể được nhận biết một cách thường nghiệm. Cả ở Spinoza và cho tới tận Hegel, định kiến này có vẻ vẫn còn giữ vai trò chủ đạo với tất cả sức mạnh sống động của nó. Có thể ai đó thậm chí sẽ đặt ra câu hỏi: Nếu không có một ảo tưởng như thế thì liệu có thể tạo ra được cái gì đó vĩ đại trong lĩnh vực tư duy triết học? Song về phần mình, chúng tôi không muốn đặt ra một câu hỏi như vậy.

Cái ảo tưởng nặng về quý tộc về sức mạnh thâm nhập vô biên đứng đối đầu lại với cái ảo tưởng nặng về bình dân về một thuyết duy thực ngây thơ, theo đó, sự vật "tồn tại" y hệt như khi ta tri giác chúng bằng giác quan. Ảo tưởng này chi phối hoạt động thường nhật của con người và thú vật. Nó cũng là khởi điểm của các khoa học, nhất là các khoa học tự nhiên.

Việc vượt qua hai ảo tưởng trên không độc lập với nhau. So ra, việc vượt qua thuyết duy thực ngây thơ là đơn giản hơn. Russell đã khắc họa quá trình này một cách đầy ấn tượng trong phần dẫn nhập của cuốn "An Inquiry into Meaning and Truth" của ông như sau:

"Chúng ta đều bắt đầu bằng 'thuyết duy thực ngây thơ', nghĩa là bắt đầu bằng học thuyết cho rằng, sự vật tồn tại như nó xuất hiện ra [trước giác quan của ta]. Chúng ta thừa nhận rằng, cỏ thì xanh, tuyết thì lạnh và đá thì cứng. Nhưng vật lý học lại cam đoan với ta rằng, cái xanh của cỏ, cái lạnh của tuyết và cái cứng của đá không phải y hệt với cái xanh, cái lạnh và cái cứng

mà chúng ta biết theo kinh nghiệm, mà là một cái gì đó khác hẳn. Nếu chúng ta tin vào vật lý học, chúng ta sẽ thấy rằng, khi một người quan sát cho rằng mình đang quan sát một hòn đá, thì nghĩa là trên thực tế, anh ta đang quan sát những tác động của hòn đá vào chính mình. Có vẻ như khoa học đang tự mâu thuẫn với chính nó: khi nó tự cho mình là khách quan cực độ, thì, trái với mong muốn của nó, nó lại chìm ngập trong tính chủ quan. Thuyết duy thực ngây thơ dẫn đến vật lý học; và vật lý học, về phần mình, lại chỉ ra rằng thuyết duy thực ngây thơ này, bao lâu nó cứ triệt để như thế, là sai lầm. Sai về logic; nghĩa là sai."

Không kể đến lối hành văn bậc thầy, những dòng chữ trên nói lên một điều gì mà trước đó tôi chưa hề nghĩ đến. Lối tư duy của Berkeley và Hume, nếu chỉ nhìn một cách hời hợt, có vẻ đối lập lại với lối tư duy của các khoa học tự nhiên. Nhưng nhận định trên của Russell đã phát hiện một mối liên hệ: Nếu Berkeley dựa trên nền tảng rằng chúng ta không trực tiếp nắm bắt các "sự vật" của thế giới bên ngoài thông qua giác quan, mà giác quan của chúng ta chỉ nhận biết được chúng thông qua các quá trình nối kết nhân quả với sự hiện diện của các "sự vật" - một sự suy tưởng như thế hẳn đã có được sức mạnh thuyết phục từ lòng tin vào lẽ lối tư duy vật lý học, thì sẽ không cần thiết phải đưa bất kỳ cái gì vào giữa khách thể và hành vi nhìn để ngăn cách khách thể và chủ thể, và biến "sự tồn tại của khách thể" thành một tồn tại đáng nghi vấn.

Lối tư duy vật lý này cũng như các kết quả thực tiễn của nó đã làm lay chuyển niềm tin vào khả năng cho rằng, chỉ bằng con đường tư duy tư biện đơn thuần là có thể hiểu được các sự vật và các mối quan hệ của chúng. Dần dần, niềm tin rằng tất cả sự hiểu biết về sự vật của chúng ta rốt cuộc đều là một sự xử lý các chất liệu thô của các giác quan đã chiến thắng. Nguyên lý ấy, trong hình thức phổ quát này (được diễn đạt mù mờ một cách cố ý) hiện đang được chấp nhận rộng rãi. Song niềm tin đó không hề dựa trên cơ sở, rằng đã có ai đó chứng minh được tính bất khả của việc thu hoạch các nhận thức hiện thực bằng con đường tư biện thuần túy, mà là: chỉ duy nhất con đường thực nghiệm nói trên đã chứng tỏ như là nguồn gốc của nhận thức. Galilei và Hume là những người đầu tiên đã đứng về phía nguyên lý này với tất cả sự sáng sủa và kiên quyết.

Hume đã nhận thấy rằng, các khái niệm được ta xem là cơ bản, ví dụ: "sự nối kết nhân quả", không thể được rút ra từ chất liệu do giác quan cung cấp. Cách nhìn ấy đã khiến ông có thái độ hoài nghi với tất cả các loại nhận thức. Nếu đã đọc những tác phẩm của ông, người ta sẽ không khỏi kinh ngạc khi

những triết gia sau ông - trong đó có không ít người được đánh giá cao - đã viết vô khối những thứ lộn xộn mà vẫn tìm được độc giả ngưỡng mộ. Ông đã giữ được ảnh hưởng sâu đậm đến những người xuất sắc sau ông. Người ta nhận ra ông khi đọc các bài phân tích triết học của Russell, mà sự sắc sảo và lối viết giản dị của chúng luôn làm tôi nghĩ tới Hume.

Khát khao của con người là đòi hỏi phải có nhận thức được đảm bảo chắc chắn. Bởi thế, thông điệp rõ ràng của Hume làm ta thất vọng ê chề: Chất liệu thô cảm tính - nguồn gốc duy nhất của nhận thức, nhờ thói quen, có thể đưa chúng ta tới niềm tin và sự mong đợi, nhưng không thể đưa chúng ta tới sự nhận biết hay thậm chí đến sự thấu hiểu về các quan hệ có tính quy luật. Đúng ở điểm này, Kant đã xuất hiện với một ý tưởng - dù ở dạng diễn giải của ông, nó khó mà đứng vững được, song vẫn là một bước tiến để giải quyết thế lưỡng nan của Hume: Tất cả những gì có nguồn gốc thường nghiệm ở nơi nhận thức đều không bao giờ chắc chắn cả (Hume). Nghĩa là (theo Kant - ND), nếu chúng ta sở hữu nhận thức chắc chắn, thì nhận thức ấy phải được đặt cơ sở ở trong bản thân lý tính. Chẳng hạn, điều này được khẳng định khi bàn về các định lý của hình học và về nguyên lý nhân quả. Nhận thức này, và các nhận thức vững chắc khác có thể nói là một bộ phận trong bộ công cụ của tư duy; do đó, chúng không cần phải nhờ đến các dữ liệu do giác quan cung cấp mới có thể có được (tức gọi là nhận thức "a priori" - tiên nghiệm). Ngày nay mỗi chúng ta đều biết rằng, những nhận thức ấy tuyệt không có gì là chắc chắn, vững, chúng tuyệt không sở hữu một sự tất yếu nào bên trong như Kant từng tin tưởng. Nhưng với tôi, nếu nhìn vấn đề từ quan điểm logic, lập trường của ông lại có vẻ đúng: đó là sự xác nhận, rằng chúng ta có lý do "chính đáng" khi sử dụng các khái niệm ấy để tư duy, những khái niệm mà chúng ta không thể có được từ chất liệu của các kinh nghiệm do giác quan mang lại.

Theo tôi, người ta thậm chí phải khẳng định mạnh mẽ hơn nữa: Những khái niệm xuất hiện trong tư duy và trong các biểu đạt bằng ngôn ngữ của chúng ta, tất cả - từ điểm nhìn logic - là những sáng tạo tự do của tư duy và không thể có được một cách quy nạp từ các kinh nghiệm giác quan. Sở dĩ điều này là khó nhận ra, chỉ vì chúng ta thường có thói quen gắn chặt một số khái niệm và liên kết khái niệm (mệnh đề) nhất định với một số kinh nghiệm giác quan nào đó của chúng ta, đến nỗi chúng ta không ý thức được khe nứt ngăn cách - về mặt logic là không thể vượt qua - giữa thế giới của các kinh nghiệm giác quan với thế giới của các khái niệm và mệnh đề.

Theo đó, chẳng hạn dãy số nguyên rõ ràng là một phát minh của trí tuệ con người, một công cụ tự tạo, nhằm trợ giúp việc sắp xếp những kinh nghiệm giác quan nhất định được dễ dàng. Song tuyệt không có cách nào để khái niệm này (dãy số nguyên - ND) có thể được nảy sinh từ bản thân các kinh nghiệm. Ở đây sở dĩ tôi chọn khái niệm "số" vì nó thuộc về tư duy tiên-khoa học và dù sao, tính cấu tạo (constructive) ở nó vẫn còn dễ nhận diện. Song, khi ta càng đi sâu vào những khái niệm sơ đẳng nhất của đời sống thường nhật, sức nặng của thói quen thâm căn cố đế sẽ càng gây khó khăn cho chúng ta trong việc nhận diện khái niệm ấy như là một sáng tạo tự do của tư duy. Như vậy, từ những tương quan nói trên, có thể nảy sinh một quan niệm nguy hại cho rằng, những khái niệm sở dĩ ra đời đều là từ các kinh nghiệm giác quan thông qua quá trình "trừu tượng hóa", nghĩa là bằng cách lược bớt đi một phần trong nội dung của nó. Tôi muốn chỉ ra rằng, tại sao quan niệm ấy với tôi lại nguy hại:

Nếu đã quen với phê phán của Hume, ta dễ có ý tưởng rằng, dường như có thể loại bỏ ra khỏi tư duy tất cả các khái niệm và mệnh đề có tính "siêu hình", nếu những khái niệm và mệnh đề ấy không có nguồn gốc từ chất liệu thô của kinh nghiệm giác quan. Bởi tất cả tư duy đều chứa đựng nội dung là chất liệu vốn không có nguồn gốc từ đâu khác ngoài mối liên hệ của nó với kinh nghiệm giác quan. Tôi thấy mệnh đề thứ hai này là hoàn toàn đúng, nhưng dựa trên đó để đề ra điều lệnh cho tư duy thì lại là sai. Bởi yêu sách ấy - nếu được thực hiện triệt để - sẽ loại bỏ bất kỳ thứ tư duy nào chỉ vì xem nó là "siêu hình".

Để tư duy không bị sa đà vào "siêu hình học" cũng như vào lý luận suông, chỉ cần có đủ các định luật của hệ thống khái niệm được kết nối chắc chắn với các kinh nghiệm giác quan; đồng thời hệ thống khái niệm - với nhiệm vụ sắp xếp các kinh nghiệm giác quan và làm cho ta dễ có cái nhìn thống quan về chúng - phải có tính thống nhất và tiết kiệm càng nhiều càng tốt. Ngoài ra, cái "hệ thống" ấy cần phải là một trò chơi tự do (có tính logic) với các biểu tượng dựa theo các luật chơi được đề ra một cách tùy tiện (nhưng hợp logic) theo các luật chơi. Tất cả các quy định trên cần được áp dụng như nhau cho tư duy thường nhật và cho lối tư duy được ý thức nhiều hơn về tính hệ thống trong khoa học.

Bây giờ hẳn tất cả đều hiểu điều tôi muốn nói sau đây: Bằng sự phê phán sáng sủa của mình, Hume đã không chỉ thúc đẩy triết học một cách quyết định mà sự phê phán ấy - không phải lỗi tại ông - đã trở thành một mối nguy hiểm, khi nó tạo ra một sự "sợ hãi trước siêu hình học". Nỗi sợ hãi ấy chứa

đầy hiểm họa và là một căn bệnh của triết học thực nghiệm ngày nay; căn bệnh này là cái đối ứng với loại "triết học trên mây" trước đây, loại triết học vốn tưởng rằng không cần đến hoặc có thể bỏ qua dữ liệu cảm tính.

Với tất cả lòng ngưỡng mộ trước sự phân tích sắc sảo mà Russell đã mang lại cho chúng ta trong "Meaning and Truth", tôi vẫn thấy rằng, ngay cả ở đây, bóng ma của nỗi sợ siêu hình học vẫn hiện diện và gây ra một số tác hại. Chẳng hạn, tôi thấy hình như nỗi sợ này là nguyên nhân dẫn đến việc Russell coi "sự vật" như là "tập hợp các tính chất", trong đó "các tính chất" cần được tìm thấy trong các chất liệu thô từ giác quan. Vấn đề nảy sinh là: hai sự vật chỉ là một khi và chỉ khi chúng giống hệt nhau về "các tính chất", dẫn tới chỗ cần phải quy các quan hệ hình học giữa các sự vật với nhau thành "những tính chất" của chúng. (Nếu không, theo lý thuyết của Russell, ta sẽ phải coi tháp Eiffel ở Paris và tháp Eiffel ở New York là "cùng một sự vật"). Đối diện với vấn đề này, tôi hoàn toàn không thấy một "nguyên siêu hình" nào cả, khi ta đưa "sự vật" (tức "đối tượng" theo nghĩa vật lý học) như một khái niệm độc lập với cấu trúc không gian - thời gian của nó vào hệ thống.

Nhìn vào những nỗ lực ấy, tôi cảm thấy thỏa mãn khi rút cuộc, chương cuối của cuốn sách đã đưa ra kết luận, rằng người ta không thể không cần đến "siêu hình học". Điều duy nhất mà tôi thấy không thoải mái khi đọc tới đó là cái lương tâm trí thức cắn rứt của tác giả cứ lần khuất giữa các dòng chữ.

Chào mừng nhà văn George Bernard Shaw

George Bernard Shaw sinh năm 1856 ở Dublin (Ailen), mất năm 1950 ở London. Ông là nhà văn, kịch tác gia, nhà phê bình văn học lỗi lạc. Ông còn là nhà hoạt động chính trị thành công, người đấu tranh cho bình đẳng nam nữ và công bằng xã hội. Shaw được trao giải Nobel văn chương năm 1925. Ông nhận giải nhưng từ chối nhận tiền. Lời chào mừng dưới đây được Einstein đọc trong một lần đón tiếp Shaw mùa thu năm 1930 ở Anh.

Hiếm có những người đủ độc lập đến mức có thể nhìn ra những điểm yếu và sự lộ bịch của người đương thời và đồng thời không để mình bị lụy vào đấy. Song ngay cả như vậy, khi chạm phải sự lì lợm của người đời, những kẻ cô đơn này thường sớm đánh mất lòng dũng cảm trong việc cứu giúp nhân loại. Chỉ rất ít người, bằng sự hài hước tinh tế và bằng vẻ lịch thiệp, có thể làm say mê người đương thời và xứng đáng là người cầm đuốc trên con đường

bất vị lợi của nghệ thuật. Hôm nay, với tình cảm nồng nhiệt, tôi xin chào mừng người thầy lớn nhất trên con đường ấy - người đã dạy chúng ta và khiến tất cả chúng ta cảm thấy hạnh phúc.

Bài phát biểu nhân dịp sinh nhật lần thứ 70 của Arnold Berliner

Hôm nay tôi muốn nói với ông bạn Arnold Berliner và độc giả tạp chí "Die Naturwissenschaften" (Các khoa học tự nhiên) của ông về việc tại sao tôi lại đánh giá cao ông và sự nghiệp của ông. Cần phải làm điều đó ngay tại đây vì nếu không, người ta sẽ chẳng có dịp nào để nói ra một điều như vậy.

Chính nền giáo dục hướng tới tính khách quan của chúng ta đã làm cho tất cả những gì riêng tư trở nên một thứ "cấm kỵ", mà để chống lại điều đó, con người trần thế [chúng ta] chỉ cho phép mình được phạm tội vào những dịp hết sức đặc biệt, như dịp này chẳng hạn.

Sau hồi mào đầu cho thoải mái, bây giờ xin quay lại với tính khách quan! Nhờ sự mở rộng mạnh mẽ phạm vi của lĩnh vực những sự thật được tổng kết một cách khoa học mà nhận thức lý thuyết ở tất cả các lĩnh vực của các khoa học đã được đào sâu một cách bất ngờ. Nhưng năng lực thấu tóm [tri thức] của con người vẫn đang, và sẽ còn tiếp tục bị gắn vào những phạm vi hạn hẹp. Do vậy, có một điều đã không thể tránh khỏi là hoạt động của nhà nghiên cứu riêng lẻ phải thu về một nhánh ngày càng hẹp hơn của tòa nhà tri thức. Nhưng còn tệ hơn nữa: cùng với sự chuyên biệt hóa này, thậm chí sự hiểu biết chung đơn thuần về cái tổng thể của khoa học ngày càng khó theo kịp với sự phát triển đó, mà nếu thiếu sự hiểu biết chung ấy thì tinh thần nghiên cứu đích thực sẽ bị tê liệt một cách tất yếu. Sẽ xuất hiện một tình thế tương tự như tình thế được khắc họa một cách tượng trưng qua câu chuyện xây dựng tháp Babel trong Kinh Thánh. Mỗi nhà nghiên cứu nghiêm túc đều biết đến cái cảm nhận đau đớn về sự giới hạn miễn cưỡng vào một phạm vi hiểu biết ngày càng hẹp hơn; điều đó đe dọa cướp đi cái viễn tượng rộng lớn ở nhà nghiên cứu và làm anh ta suy thoái thành một gã thợ thủ đơn thuần.

Tất cả chúng ta đều chịu cảnh đau đớn đó, nhưng lại chẳng làm gì để xoa dịu nó. Song Arnold Berliner đã giải cứu cho khu vực Đức ngữ một cách mẫu mực. Ông nhận ra rằng, các tạp chí [khoa học] dành cho đại chúng như [Số lượng] hiện có hẳn đã thừa đủ để dạy dỗ và kích thích đám độc giả không chuyên. Ông còn thấy rằng, nhất thiết cần phải có một cơ quan được điều hành một cách đặc biệt cẩn trọng và có hệ thống để phục vụ cho việc định

hướng khoa học của các nhà nghiên cứu, những người muốn được chỉ dẫn về sự phát triển của những vấn đề, những phương pháp và những kết quả khoa học, để tự bản thân họ có thể đưa ra một đánh giá. Mục đích ấy đã được ông theo đuổi trong nhiều năm ròng lao động với sự hiểu biết lớn lao và với sự dẻo dai cũng lớn lao không kém. Ông đã làm một nghĩa cử cho tất cả chúng ta cũng như cho khoa học mà vì lẽ đó, chúng ta chẳng thể nào mang ơn ông cho đủ được.

Ông đã đặt ra yêu cầu là phải thu hút được sự cộng tác của các tác giả khoa học thành đạt, và thuyết phục họ trình bày chủ đề của mình bằng một hình thức sao cho những người không phải là chuyên gia cũng có thể tiếp cận được. Ông thường kể cho tôi nghe về những cuộc đấu tranh mà ông đã phải vượt qua trong nỗ lực ấy. Một lần, trước mặt tôi, ông đã khắc họa những khó khăn bằng một câu hỏi vui như sau: "Một tác giả khoa học là gì?" Trả lời: "Là sự giao nhau giữa một bông hoa mimôsa với một con bọ trích." Thành tựu của Berliner chỉ có thể có được là nhờ ở ông đã luôn đặc biệt sống động niềm khao khát vươn tới một sự tổng quan sáng sủa về một lĩnh vực rộng lớn đến mức tối đa. Chính quan niệm này đã dẫn ông tới việc miệt mài hết mình gắng sức để hoàn thành một cuốn sách giáo khoa về vật lý học, cuốn sách mà mới đây một sinh viên y khoa có nói với tôi: "Nếu không có cuốn sách đó thì em thật không biết phải làm thế nào để trong khoảng thời gian [ngắn], có thể nắm bắt được một cách rõ ràng về các nguyên tắc của vật lý học hiện nay."

Cuộc đấu tranh của Berliner cho sự sáng sủa và sự tổng quan đã đóng góp lớn lao biết bao để các vấn đề, các phương pháp và các kết quả của khoa học được trở nên sống động trong trí não của nhiều người. Trong đời sống khoa học của thời đại chúng ta, chẳng thể nghĩ rằng có thể thiếu được tờ tạp chí của ông nữa. Việc làm cho nhận thức ấy được sống động và giữ cho nó luôn sống động cũng quan trọng như việc giải quyết các vấn đề đơn lẻ vậy.

Josef Popper-Lynkeus

Josef Popper-Lynkeus nguyên tên khai sinh là **Josef Popper**, sinh năm 1838 ở Kolin (Cộng hòa Sec), mất năm 1921 ở Wien (Áo). Ông là nhà văn, nhà lý luận chính trị xã hội, kỹ sư, nhà sáng chế. Bên cạnh những phát minh nổi tiếng trong các lĩnh vực chế tạo máy và hàng không, ông còn là tác giả của nhiều bài viết và tác phẩm xuất sắc trong các lĩnh vực văn học, chính trị và xã hội học.

Josef Popper-Lynkeus còn hơn cả một kỹ sư và một nhà văn đầy trí tuệ. Ông thuộc về số ít những nhân cách lớn, hiến thân cho lương tâm của thế hệ mình. Ông luôn nhắc nhở chúng ta rằng, xã hội phải chịu trách nhiệm về số phận của từng cá nhân, và ông đã chỉ ra cách làm thế nào để thực hiện trong thực tế nghĩa vụ được rút ra từ nhận định ấy của một cộng đồng.

Với ông, cộng đồng cũng như nhà nước không phải là một đối tượng để sùng bái; quyền được đòi hỏi các cá nhân phải hi sinh vì nó chỉ có thể được xây dựng trên nền tảng nghĩa vụ của nó là: tạo điều kiện cho cá nhân, từng cá nhân đơn lẻ, được phát triển hài hòa.

H. A. Lorentz: Nhà bác học - nhân cách lớn

Tiểu luận này được Einstein viết xong cuối tháng 2 năm 1953 để gửi đến Lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh của H. A. Lorentz (18.7.1853 - 18.7.1953) ở Leiden, Hà Lan. Vào giai đoạn chuyển giao thế kỷ, H. A. Lorentz được các nhà vật lý lý thuyết của mọi quốc gia xem là lãnh tụ tinh thần, và điều đó hoàn toàn có cơ sở.

Các nhà vật lý thế hệ trẻ hơn thường không ý thức được đầy đủ về vai trò quyết định của H. A. Lorentz trong việc thiết lập những ý tưởng cơ sở cho vật lý lý thuyết.

Sở dĩ có sự lạ lùng này là vì những ý tưởng nền tảng của Lorentz đã trở thành máu thịt của họ, đến nỗi họ không còn khả năng ý thức trọn vẹn về sức nặng của các ý tưởng này cũng như sự đơn giản hóa trong nền tảng vật lý nhờ chúng mà có được.

Khi H. A. Lorentz bắt đầu sự nghiệp, thuyết Maxwell về điện từ đã được khẳng định. Song gắn liền với lý thuyết này là một sự phức tạp đáng lưu ý về nền tảng, khiến cho những đặc điểm chủ yếu của lý thuyết đã không được bộc lộ hoàn toàn rõ ràng. Khái niệm "trường" tuy đã thay thế được khái niệm "tác động từ xa", song điện trường và từ trường chưa được xem là các đại lượng cơ bản, mà chỉ là các trạng thái của vật chất có trọng lượng, được xét như các môi trường liên tục (continuum). Theo đó, điện trường được phân tách ra thành: vectơ của cường độ điện trường và vectơ của chuyển dịch điện môi. Trong trường hợp đơn giản nhất, hai trường này được kết nối với nhau bằng hằng số điện môi; song về nguyên tắc, chúng được nhìn nhận và xử lý như hai đại lượng độc lập. Với từ trường, tất cả cũng tương tự như vậy. Quan niệm cơ bản này tương ứng với việc người ta xử lý không gian rộng như một trường hợp đặc biệt của vật chất có trọng lượng, mà trong đó quan

hệ giữa cường độ [điện, từ] trường và dịch chuyển điện môi chỉ xuất hiện một cách đặc biệt đơn giản. Nhất là, từ quan niệm này nảy sinh một hệ quả: điện trường và từ trường không thể được xem xét độc lập với trạng thái chuyển động của vật chất (vật chất được coi là khung đỡ cho điện trường và từ trường).

Ta có thể hiểu rõ về quan điểm được xem là phổ biến thời đó trong điện động học Maxwell bằng cách tham khảo công trình nghiên cứu của Heinrich Hertz về điện động học của các vật chuyển động.

Và ở đây, Lorentz đã đưa ra lời giải đáp. Ông đã đặt cơ sở nghiên cứu của mình một cách chặt chẽ trên giả thuyết sau:

Nơi trụ của trường điện từ là không gian rỗng. Trong không gian rỗng chỉ có một vectơ điện trường và một vectơ từ trường. Trường này được sản sinh do các hạt tích điện dạng nguyên tử, và đồng thời trường tác động ngược lại vào các hạt tích điện đó theo cách phản điện (ponderomotive). Một sự kết nối giữa trường điện động (electromotive) với vật chất có trọng lượng chỉ tồn tại khi các hạt tích điện cơ bản không tách rời với các phần tử dạng nguyên tử của vật chất. Định luật chuyển động của Newton có giá trị trong trường hợp sau.

Dựa trên nền tảng đã được đơn giản hóa này, Lorentz đã thiết lập một thuyết hoàn chỉnh về tất cả các hiện tượng điện từ đã biết đến khi đó, kể cả hiện tượng điện động của các vật chuyển động. Đó là một tác phẩm của sự mạch lạc, rõ ràng và đẹp đẽ đến mức hiếm khi có thể đạt được ở một ngành khoa học vốn đặt nền móng trên kinh nghiệm. Hiện tượng duy nhất mà thuyết này không giải thích được triệt để - nghĩa là không giải thích được nếu thiếu các giả thiết bổ sung - là thí nghiệm nổi tiếng Michelson-Morley. Thí nghiệm này đã dẫn đến thuyết tương đối hẹp, và điều đó là không thể tưởng tượng được nếu thiếu sự quy điểm trụ của điện từ trường vào không gian rỗng. Bước tiến cơ bản là việc đưa các phương trình của Maxwell trở lại xem xét trong chân không - hay là trong ether theo cách nói hồi đó.

H. A. Lorentz thậm chí đã tìm ra một phép biến đổi mang tên ông: "Phép biến đổi Lorentz" - tuy nhiên ông đã không để ý đến những tính chất nhóm của nó. Đối với ông, các phương trình Maxwell trong không gian rỗng chỉ đúng trong một hệ tọa độ nhất định, đứng yên đối với tất cả các hệ tọa độ khác. Đó hẳn là một quan niệm nghịch lý, bởi xem ra thuyết ấy còn hạn chế hệ quán tính hơn cả cơ học cổ điển. Tình hình ấy, xét từ quan điểm thực

nghiệm thì không mấy phấn khởi, nhưng ắt hẳn đã dẫn tới thuyết tương đối hẹp.

Nhờ sự tiếp đón thân tình của Đại học Leiden, tôi thường có thời gian lưu lại nhiều ngày ở Leiden - nơi tôi thường tá túc tại nhà người bạn yêu mến không quên Paul Ehrenfest. Thời gian đó, tôi thường có cơ hội cùng tham dự các bài giảng của Lorentz, các bài giảng mà ông thường thực hiện đều đặn trước một cử tọa hẹp trong giới chuyên môn trẻ tuổi hơn, sau khi ông đã rút khỏi vị trí giảng dạy chính thức. Tất cả những gì đến từ khối óc siêu việt ấy đều sáng sủa và đẹp đẽ tựa như một tác phẩm nghệ thuật hoàn hảo, và người ta có cảm tưởng rằng, tất cả đều đến một cách thoải mái và dễ dàng. Tôi chưa từng thấy điều tương tự ở bất kỳ ai khác.

Nếu chúng ta có thể truyền lại cho giới trẻ biết rằng H. A. Lorentz là một trí tuệ sáng ngời, thì chỉ với điều đó thôi, sự ngưỡng mộ và kính trọng của chúng ta đối với ông đã là độc nhất vô nhị. Còn riêng cá nhân tôi, điều tôi luôn cảm nhận mỗi khi nghĩ về H. A. Lorentz, điều mãi mãi không phai mờ trong tôi, là: ông có ảnh hưởng với tôi hơn tất cả những người mà tôi đã gặp trên đường đời.

Giống như cách ông làm chủ vật lý và hình thức toán học, ông cũng làm chủ bản thân mình dễ dàng và thoải mái như vậy. Sự thiếu vắng kỳ lạ về các điểm yếu của con người nơi ông không bao giờ khiến người khác cảm thấy nặng nề. Ai cũng cảm nhận được sự vượt trội của ông, song không ai thấy mặc cảm. Bởi vì, mặc dù ông hiểu thấu con người và các quan hệ giữa người với người, ông luôn dành thiện chí như nhau cho tất cả mọi người. Chưa bao giờ ông tỏ ra muốn chế ngự mà luôn luôn chỉ muốn phục vụ và giúp đỡ. Ông luôn tận tâm tận sức, và chưa bao giờ xem sự đền đáp công trạng là quan trọng. Nét hài hước tinh tế trong ánh mắt và trên nụ cười đã luôn bảo vệ ông trước điều đó. Nó cũng hợp với thực tế, là bên cạnh tất cả những cống hiến cho tri thức khoa học, ông còn thấu hiểu rằng, sự hiểu biết của chúng ta không thể nào thâm nhập sâu vào bản chất của sự vật. Thái độ nửa hoài nghi nửa hạ mình này, phải mãi tới khi có tuổi, tôi mới biết đánh giá hết.

Ngôn từ - hoặc ít nhất là ngôn từ của tôi - không thể nói hết được điều muốn nói trong bài tiểu luận ngắn này, dù tôi đã cố gắng một cách nghiêm cẩn. Vì vậy tôi muốn trích dẫn hai câu nói ngắn của Lorentz, những câu đã đặc biệt gây tác động đến tôi:

"Tôi thấy hạnh phúc được là công dân của một quốc gia nhỏ, nhỏ đến độ nó không thể gây ra những sự ngu xuẩn lớn."

Trong một cuộc trao đổi hồi Chiến tranh Thế giới thứ Nhất, một quý ông đã cố gắng thuyết phục Lorentz rằng, số phận con người được quyết định bởi sức mạnh và bạo lực, ông trả lời: "Rất có thể là ngài có lý, nhưng tôi không muốn sống trong một thế giới như vậy".

Hoạt động của H.A.Lorentz trong công vụ hợp tác quốc tế

Cùng với sự chuyên môn hóa cao độ trong nghiên cứu khoa học, một điểm đặc thù gắn với thế kỷ XIX, ngày càng hiếm có những cá nhân vừa giữ vai trò đầu tàu trong một ngành khoa học vừa còn đủ sức lực để đảm nhận những công vụ cao quý cho cộng đồng trong lĩnh vực tổ chức quốc tế và chính trị.

Để làm được điều đó, người ta không chỉ cần sức lực, tầm nhìn và uy tín do những thành tựu cá nhân mang lại, mà còn cần những phẩm chất khác nữa - những phẩm chất đang ngày càng trở nên hiếm hoi: tính độc lập trước các định kiến dân tộc và sự tận tâm công hiến cho mục đích chung của nhân loại.

Tôi chưa từng biết ai hội tụ được các phẩm chất này một cách hoàn hảo như ở H. A. Lorentz. Song, điều kỳ diệu trong ảnh hưởng của nhân vật này lại ở chỗ: những nhân cách độc lập và đầy cá tính, như ta thường thấy ở các học giả, không thích khuất phục dưới ý chí của người khác và hầu như không muốn bị chỉ đạo; thế mà khi Lorentz ngồi vào ghế chủ tịch, ông luôn tạo dựng được một không khí cộng tác vui vẻ, cho dù những người ngồi đó có khác nhau về mục đích và cách nghĩ đến thế nào đi nữa. Bí mật của thành công này không chỉ nằm ở khả năng hiểu biết nhanh chóng về con người và sự vật, trong sự làm chủ ngôn từ xuất sắc, mà trước hết là ở chỗ: người ta có cảm nhận rằng Lorentz luôn hết lòng lo cho bốn phận, và trong công việc, ông cũng dành toàn tâm toàn ý để hoàn thành bốn phận ấy. Không gì có thể khiến những nhân cách ương bướng chịu khuất phục bằng những phẩm chất ấy.

Trước chiến tranh, hoạt động trong công vụ quốc tế của Lorentz giới hạn trong việc chủ trì các hội nghị vật lý, đặc biệt phải kể đến là các hội nghị Solvay (hai hội nghị đầu tiên diễn ra năm 1909 và 1911 ở Bruxelles). Rồi chiến tranh châu Âu bùng nổ. Có thể coi cuộc chiến này là một đòn đánh nặng đối với tất cả những ai nặng lòng với sự tiến bộ trong quan hệ giữa người với người nói chung. Ngay trong chiến tranh, và nhất là sau khi chiến

tranh kết thúc, Lorentz đã đặt mình vào công cuộc hòa giải quốc tế. Những nỗ lực của ông có ý nghĩa đặc biệt trong việc tái thiết lập một sự hợp tác hữu hảo và phồn thịnh giữa các học giả và hiệp hội khoa học. Công việc này khó khăn thế nào, ai không ở trong cuộc không thể tưởng tượng được. Sự thù hận tích tụ trong cuộc chiến vẫn còn kéo dài, và nhiều người có thể lực, dưới sức ép của các mối quan hệ ngoại cảnh, vẫn tiếp tục co mình trong thái độ bất hòa giải. Có thể coi nỗ lực của Lorentz giống như nỗ lực của một thầy thuốc phải điều trị một bệnh nhân miễn cưỡng, kẻ không muốn uống thuốc đặc trị được chuẩn bị sẵn sàng cho mình.

Song Lorentz không để mình nhụt chí một khi ông nhận ra rằng con đường ông lựa chọn là đúng. Ngay sau chiến tranh, ông tham gia vào đoàn chủ tịch của "Conseil de recherche" - hội đồng nghiên cứu được thành lập bởi các học giả của các nước thắng trận, nhưng loại trừ các học giả và nhân sự của các "cường quốc trung tâm". Sau bước đi này, bước đi khiến ông bị mất lòng bởi các học giả của các "cường quốc trung tâm", ông đã theo đuổi mục đích: gây ảnh hưởng đến Hội đồng để nó được mở rộng thành một tổ chức quốc tế thực sự. Ông cùng những người có thiện chí như ông đã thành công sau nhiều nỗ lực loại bỏ các "điều khoản loại trừ" bất hợp lý trong Điều lệ của "Hội đồng". Có điều mục đích tái thiết lập sự cộng tác bình thường và hiệu quả giữa các hội học giả thì vẫn chưa đạt được, bởi sau gần mười năm giận dữ vì không được tham gia vào các hội nghị khoa học quốc tế, các học giả của các "cường quốc trung tâm" đã quen với thái độ bất cộng tác. Dù vậy, chúng ta vẫn có một hy vọng đầy cơ sở, là qua các nỗ lực khéo léo, tận tình vì mục đích chung của Lorentz, lớp băng đó sẽ sớm tan trong thời gian tới.

H. A. Lorentz còn cống hiến sức lực của mình cho các mục tiêu học thuật quốc tế bằng cách tán thành bầu chọn một "Hội đồng cộng tác học thuật quốc tế", trực thuộc Hội Quốc Liên. Hội đồng này đã ra đời cách đây 5 năm dưới sự chủ trì của Bergson. Từ một năm nay, H. A. Lorentz trở thành chủ tịch của Hội đồng này. Với sự ủng hộ thiết thực của Phân viện Paris, Hội đồng này đảm nhận công việc kết nối trong các lĩnh vực hoạt động trí thức và nghệ thuật của các khu vực văn hóa khác nhau. Và tại đây, ảnh hưởng tốt đẹp của nhân cách thông minh, gần gũi và linh hoạt Lorentz cũng sẽ dẫn dắt Hội đồng đi đúng hướng. Tôn chỉ hoạt động của Hội đồng này, dù không nói ra, nhưng luôn được tuân thủ, là:

"Không cai trị, hãy phục vụ."

Hy vọng tấm gương sáng của Lorentz sẽ giúp tinh thần này được thâm nhập rộng rãi!

Các khóa đào tạo ở Davos

Mùa thu năm 1927, Giáo sư Gottfried Salomon đưa ra kế hoạch tổ chức hàng năm một hội nghị quốc tế dành cho các học giả và học viên tại Davos (Thụy Sĩ), nhằm đóng góp thiết thực cho sự hòa hợp giữa các dân tộc. Hội nghị đầu tiên diễn ra từ 18.3. đến 14.4.1928, quy tụ 49 diễn giả từ bốn nước và 250 thánh giá.

Hội nghị thứ hai và thứ ba vào các năm 1929 và 1930 diễn ra dưới sự chủ trì của Hội đồng Liên bang Thụy Sĩ. Nhưng sau đó, dưới áp lực của các xu hướng dân tộc cực đoan, các hội nghị tiếp theo đã không được tổ chức. Bài phát biểu của Einstein dưới đây được tác giả đọc tại Lễ khai mạc Hội nghị, ngày 18.3.1928 tại Davos.

Senators boni viri, senatus autem bestia. Một người bạn của tôi vốn là một giáo sư ở Thụy Sĩ đã viết những lời nóng nảy như vậy gửi tới một khoa của trường đại học (khoa này đã chọc giận ông ta). Nói chung, tập thể thường kém hơn cá nhân về ý thức trách nhiệm cũng như lương tri. Thực tế đó đã gây cho nhân loại biết bao khổ đau: chiến tranh và đàn áp dưới mọi hình thức đã khiến Trái Đất chìm ngập trong đau đớn, khóc than và oán hận!

Song, chỉ nhờ vào sự tác động tập thể không mang tính cá nhân của rất nhiều người, một cái gì đó thực sự chân quý mới có thể được tạo dựng. Vì thế, niềm vui lớn nhất với kẻ yêu mến con người là được thấy một công cuộc tập thể được thành hình và gây dựng với bao hy sinh lớn lao với mục đích duy nhất là góp phần thúc đẩy đời sống và văn hóa.

Tôi đã được hưởng niềm vui trong lãnh đó khi nghe kể về các khóa đào tạo đại học ở Davos. Đó là một công trình cứu trợ được tổ chức thông minh với những hạn định sáng suốt dựa trên một nhu cầu cấp thiết, dù không phải ai cũng dễ nhận ra điều đó. Lâu nay, có những người trẻ tuổi tìm đến thung lũng này vì hy vọng vào khả năng chữa bệnh của mặt trời vùng núi, và sức khỏe của họ được phục hồi. Nhưng sau thời gian dài thoát ly khỏi lao động trui rèn ý chí thường nhật và mãi mê bận tâm về thể trạng, thì sự dẻo dai về tinh thần và ý thức về việc cuộc đấu tranh vì cuộc sống cũng có giá trị không thua kém sức khỏe thể chất cũng dễ mất đi. Anh ta trở nên giống như cái cây trong nhà kính, sau thời hồi phục sức khỏe thể chất, khó có thể tìm về cuộc sống bình thường. Điều này đặc biệt đúng với các sinh viên trẻ. Việc gián

đoạn trong hoạt động rèn luyện trí tuệ ở những năm then chốt dễ để lại một lỗ hổng mà sau này khó có thể lấp đầy được nữa.

Công việc trí tuệ, khi được thực hành điều độ, sẽ không ảnh hưởng đến sức khỏe nói chung, thậm chí còn gián tiếp có tác dụng tốt, tương tự như công việc cơ bắp điều độ vậy. Theo nhận thức ấy, các khóa đào tạo được thành lập ở Davos không chỉ chú trọng đến đào tạo nghiệp vụ, mà còn có mục đích kích thích hoạt động tinh thần. Vâng, nó có nhiệm vụ cung ứng lao động, đào tạo và cả vệ sinh nữa trong lĩnh vực tinh thần.

Và chúng ta đừng quên rằng, công cuộc này đã đóng góp xuất sắc vào việc khuyến khích quan hệ giữa các dân tộc khác nhau có lợi trong việc tăng cường ý thức cộng đồng của châu Âu. Tác dụng của định chế mới theo hướng ấy ắt sẽ còn thuận lợi hơn nữa khi ngay từ đầu, nó đã tỏ ra loại trừ mọi ý đồ chính trị. Người ta đóng góp được nhiều nhất cho sự hòa hợp quốc tế khi họ cùng làm việc vì một công trình chung.

Từ tất cả những điểm trên, tôi vui mừng thấy rằng năng lực cũng như trí tuệ của Tổ chức các khóa đào tạo tại Davos đã làm được nhiều việc, đã vượt qua được những khó khăn ban đầu. Mong rằng nó sẽ phát triển, mang lại sự phong phú tâm hồn cho thật nhiều con người đáng quý và giải thoát cho không ít người ra khỏi cảnh phải sống trong viện điều dưỡng!

Thầy và trò

Bài phát biểu trước các em học sinh dưới đây được Einstein công bố chính thức trong lần xuất bản đầu tiên của cuốn "Mein Weltbild", Amsterdam, 1934. Nghệ thuật quan trọng nhất của người thầy là đánh thức niềm vui trong lao động và trong nhận thức.

Các em học sinh thân mến!

Tôi vui mừng được thấy các em tụ hội về đây ngày hôm nay, tuổi trẻ vui tươi của một đất nước đầy nắng ấm và an lành.

Hãy nghĩ rằng những điều tuyệt diệu mà các em được làm quen ở trường là thành quả của nhiều thế hệ, được tạo dựng nhờ khát vọng hăng say với nhiều nỗ lực từ mọi nơi trên thế giới. Tất cả được trao vào tay các em như phần gia tài thừa kế, để các em đón nhận, trân trọng, tiếp tục trau dồi và một ngày kia, trung thành trao lại vào tay con cháu các em. Bằng cách đó, những con

người trần thế chúng ta sẽ trở thành bất tử trong những thành quả để lại, những thành quả mà chúng ta cùng nhau tạo dựng.

Nếu các em luôn nghĩ tới điều đó, các em sẽ tìm thấy ý nghĩa trong cuộc sống và trong nỗ lực của mình. Các em cũng sẽ tìm được thái độ ứng xử đúng đắn với các dân tộc và các thời đại khác.

Gửi các em học sinh Nhật Bản

Sau chuyến thăm Trung Quốc, Einstein tới thành phố Kobe của Nhật Bản lần đầu vào ngày 20.11.1922. Trước khi rời đất nước mặt trời vào tháng 1 năm 1923, Einstein đã có cuộc trao đổi ngắn với Hoàng hậu Nhật bằng tiếng Pháp. Lời chúc mừng gửi các em học sinh Nhật Bản dưới đây được Einstein viết sau khi ông quay về Đức.

Khi tôi gửi tới các em - những học sinh Nhật Bản - lời chào này, là tôi có quyền đặc biệt để làm thế đấy nhé. Bởi đích thân tôi đã tới thăm đất nước Nhật Bản xinh đẹp của các em; tôi đã nhìn thấy những thành phố, những ngôi nhà, những ngọn núi và những cánh rừng; đã thấy ở đó những cô bé, cậu bé Nhật Bản nuôi dưỡng tình yêu quê hương mình. Trên bàn làm việc của tôi luôn đặt một cuốn sách lớn đầy những họa phẩm màu của trẻ em Nhật Bản.

Khi các em ở nơi xa xôi ấy đón nhận lời chào của tôi, các em hãy nghĩ rằng, phải ở thời đại chúng ta, con người từ nhiều quốc gia khác nhau mới có thể tiếp xúc với nhau một cách vui vẻ và hiểu biết, trong khi trước đây các dân tộc ở đâu sống đó, không hiểu biết, thậm chí sợ hãi hoặc thù ghét lẫn nhau. Mong rằng tình huynh đệ hiểu biết giữa các dân tộc ngày càng được bám rễ bền chặt! Trong tinh thần ấy, ông già này xin gửi lời chào tới các em - những học sinh Nhật Bản ở nơi xa xôi, và hy vọng một ngày kia thế hệ các em sẽ khiến thế hệ chúng tôi phải hổ thẹn.

Giáo dục và nhà giáo

Một cô gái gửi thư đến cho Einstein, kèm theo tập bản thảo dày kể về những bức bối của cô ta trong trường đại học và nhờ Einstein góp ý. Đây là thư trả lời của Einstein:

Quý cô thân mến!

Tôi đã đọc tập bản thảo gần 16 trang của cô và phải cười thầm. Tất cả đều thể hiện sự thông minh, óc quan sát, sự thật thà, và ở chừng mực nào đó - khá độc lập, song vẫn rất đặc thù phụ nữ, nghĩa là phụ thuộc và đầy bức bối. Tôi cũng từng bị các thầy giáo đối xử tương tự, những người không thích tôi vì tính độc lập của tôi; và khi xét tuyển người trợ giảng, họ đã phớt lờ tôi (dĩ nhiên khi là sinh viên, tôi cũng thuộc loại bừa bãi hơn cô đấy, tôi phải nói thật). Song tôi chẳng nhọc sức kể lể về những trải nghiệm thời đi học của mình, tôi lại càng không muốn chịu trách nhiệm về việc đưa nó cho ai đó in ấn hoặc thậm chí đọc nó. Hơn nữa, người ta luôn tạo hình ảnh xấu khi đi than phiền về người khác, những kẻ vốn đang hết hơi trong cái vẻ ngoài kín chu của họ.

Thôi, cô hãy nhét tính khí của mình vào cặp và hãy giữ cái bản thảo ấy cho con cái mai sau, để chúng tìm được trong ấy đôi điều an ủi - và để chúng phẩy tay vào những gì thầy giáo nói với chúng hoặc nghĩ về chúng.

Có điều tôi đến Princeton này vì công việc nghiên cứu chứ không phải với tư cách nhà giáo dục. Giáo dục nhiều quá! - đặc biệt trong các trường học của Mỹ. Chẳng có một nền giáo dục hợp lý nào khác để làm gương mẫu đâu, [nhưng] nếu tình hình không thay đổi, thì quả là một gương mẫu đáng sợ.

Giáo dục tư duy độc lập

Tổng hợp từ một bài trả lời phỏng vấn của Einstein trên tờ "New York Times", mùa thu năm 1952. Dạy cho con người một chuyên ngành thì chưa đủ. Bởi bằng cách đó, anh ta tuy có thể trở thành một cái máy khả dụng nhưng không thể trở thành một con người với đầy đủ phẩm giá. Điều quan trọng là anh ta phải được dạy để có một cảm thức sống động về cái gì là đáng để phấn đấu trong cuộc đời.

Anh ta phải được dạy để có một ý thức sống động về cái gì là đẹp và cái gì là thiện. Nếu không, với kiến thức được chuyên môn hóa của mình, anh ta chỉ giống như một con chó được huấn luyện tốt hơn là một con người được phát triển hài hòa. Anh ta cần phải học để hiểu những động cơ của con người, hiểu những ảo tưởng và những nỗi thống khổ của họ để tìm được một thái độ ứng xử đúng đắn với từng con người đồng loại của mình cũng như với cộng đồng.

Những điều trân quý đó được truyền cho thế hệ trẻ nhờ quan hệ trực tiếp với người thầy, chứ không phải - hoặc không phải chính yếu - qua sách vở. Đó là cái trước tiên làm nên văn hóa và bảo tồn văn hóa. Tôi luôn nghĩ tới điều

đó khi tôi khuyến cáo rằng những "humanities" là quan trọng chứ không phải kiến thức chuyên ngành khô khan trong lĩnh vực lịch sử và triết học.

Quá nhấn mạnh đến hệ thống ganh đua cũng như chuyên ngành hóa quá sớm vì tính hữu dụng trực tiếp sẽ giết chết tinh thần. Trong khi đó, tất cả đời sống văn hóa và rốt cục, cả những tinh hoa của các ngành khoa học chuyên biệt cũng lại phụ thuộc vào tinh thần ấy.

Ngoài ra, một điều nữa cũng thuộc về bản chất của một nền giáo dục có giá trị là lối tư duy phê phán độc lập phải được phát triển ở những người trẻ tuổi - một sự phát triển đang bị đe dọa trầm trọng bởi sự nhồi nhét (hệ thống điểm số). Giáo dục nhồi nhét tất yếu dẫn tới sự nông cạn và vô văn hóa. Cần có cách dạy làm sao để học sinh cảm thấy những điều họ được học là một quà tặng quý giá chứ không phải là một nhiệm vụ ngán ngẫm.

Những biện pháp của tòa án dị giáo tân thời

Ngày 2.5.1953, William Frauenglass, một giảng viên đại học ở Brooklin, gửi tới ban biên tập tờ "New York Herald Tribune" một bài viết than phiền về việc ông bị đối xử phi dân chủ và bị quy kết vào tội danh chính trị. Một "ủy ban chống cộng" của Mỹ đã nghe trộm điện thoại và cho rằng Frauenglass đã có những liên hệ với cộng sản khi ông tham gia vào một khóa đào tạo giáo viên năm 1947.

Mặc dù bị đe dọa đuổi việc, Frauenglass vẫn cứng rắn từ chối đưa ra bất kỳ mối liên hệ chính trị nào. Trong hoàn cảnh cô độc ấy, ông đã viết một bức thư gửi Giáo sư Einstein đề nhờ Einstein can thiệp vào vụ việc. Bài viết mạnh mẽ dưới đây của Einstein xuất hiện trên tờ "New York Herald Tribune" ngày 12.6.1953 - cùng với lời xác quyết qua điện thoại, rằng nếu ở hoàn cảnh của Frauenglass, chính Einstein cũng từ chối đưa ra bất kỳ thông tin nào - đã gây ra một cơn chấn động trên báo chí Mỹ và thế giới, góp phần làm lạnh mạnh hóa đời sống học thuật ở nước này.

Vấn đề đang đặt ra với giới trí thức nước nhà một vấn đề hết sức nghiêm trọng. Bằng việc hù dọa về các nguy cơ bên ngoài, đám chính trị gia phản động đã thành công trong việc làm cho dân chúng nghi ngờ tất cả những nỗ lực trí thức. Dựa vào thành công này, họ đang tiến hành đàn áp tự do học thuật và truy đuổi tất cả những ai dám kháng cự ra khỏi vị trí công việc của họ, nghĩa là để họ chết đói.

Vậy thì, thiếu số trí thức cần phải làm gì để chống lại trò bỉ ổi này? Nói thật, tôi chỉ nhìn thấy duy nhất một con đường, con đường cách mạng: con đường bất hợp tác như cách Gandhi đã làm. Mỗi trí thức cần phải từ chối khai báo nếu bị thẩm vấn bởi một ủy ban nào đó; nghĩa là phải sẵn sàng chịu giam cầm và kiệt quệ về kinh tế. Nói ngắn gọn: phải hy sinh những lợi ích cá nhân cho những lợi ích văn hóa của đất nước.

Nhưng sự từ khước hợp tác này không được phép dựa trên thủ thuật quen thuộc là tự quy tội cho chính mình, mà phải dựa trên ý thức rằng, một công dân trong sạch thấy mình bị xúc phạm khi phải hứng chịu một thứ tòa án dị giáo kiểu như thế, và rằng thứ tòa án dị giáo này vi phạm tinh thần của Hiến pháp. Nếu tìm được đủ số người sẵn sàng đi con đường khó khăn này, thành công sẽ đến với họ. Nếu không, giới trí thức nước nhà sẽ chẳng đáng được hưởng cái gì khác hơn ngoài sự nô lệ mà người ta đã sắp sẵn cho họ.

Về tự do học thuật

Giáo sư Emil Julius Gumbel là một giảng viên đáng kính của Đại học Heidelberg từ 1923 đến 1932. Năm 1931, sau khi công bố một số tài liệu liên quan đến những bê bối chính trị của nước Đức, ông trở thành đối tượng bị bêu riếu và tẩy chay bởi các sinh viên cánh hữu (những sinh viên theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan). Thời gian này, Einstein đã hết mình ủng hộ Gumbel. Dưới đây là bài phát biểu của Einstein trong một cuộc họp nhân "Vụ Gumbel" năm 1931.

Bục giảng thì nhiều nhưng thầy giỏi và cao quý thì hiếm. Giảng đường thì nhiều và rộng, nhưng số người trẻ tuổi thành thật khao khát chân lý và lẽ công bằng thì ít. Tạo hóa hào phóng vung ra vô số sản vật, nhưng chỉ hy hữu mới sản sinh ra vài hạt giống tốt.

Điều đó chúng ta ai cũng biết cả, vậy còn than vãn làm chi? Chẳng phải đã luôn thế và sẽ luôn thế hay sao? Hẳn vậy, và người ta phải chấp nhận cái mà tạo hóa ban cho họ, đúng như nó vốn thế. Song bên cạnh đó còn có một tinh thần thời đại, một lý tưởng đặc thù của thế hệ, lý tưởng được truyền từ người này qua người khác, mang lại dấu ấn tiêu biểu cho một cộng đồng. Mỗi chúng ta cần đóng góp phần nhỏ bé của mình cho sự chuyển đổi của tinh thần thời đại ấy.

Các bạn hãy so sánh cái tinh thần thấm nhuần trong giới trẻ hàn lâm cách đây một trăm năm với tinh thần của giới trẻ hôm nay! Đã từng có một niềm tin về sự cải thiện xã hội loài người, từng có sự kính trọng trước mỗi quan

điểm chân thật, từng có sự khoan dung cởi mở mà vì chúng, các nhà cổ điển của chúng ta đã sống và chiến đấu. Ngày đó, đã từng có một nỗ lực hướng tới sự thống nhất rộng lớn về chính trị với tên gọi Nước Đức, và lý tưởng ấy được nuôi dưỡng trong giới trẻ hàn lâm và giảng viên đại học.

Ngày hôm nay cũng đang có một nỗ lực hướng tới tiến bộ xã hội, hướng tới sự khoan dung cởi mở và tự do tư tưởng, tới sự thống nhất rộng lớn hơn nữa về chính trị với tên gọi Châu Âu. Nhưng hôm nay, giới trẻ hàn lâm lại không phải là giới gánh vác hi vọng và lý tưởng của dân tộc, cũng tương tự như giới giảng viên đại học. Bất kỳ ai có cái nhìn lạnh lùng và tỉnh táo về thời đại của chúng ta đều phải thú nhận điều đó.

Hôm nay chúng ta đến đây để cùng nhau nghĩ lại về chính chúng ta. Lý do ngoại cảnh của việc tụ họp này là "Vụ Gumbel". Con người đầy ý thức về lẽ phải ấy, bằng sự tận tâm hết mình, bằng sự dũng cảm lớn lao, và bằng tính khách quan mẫu mực, đã viết về những tội ác chính trị không bị trừng phạt; ông đã đóng góp lớn cho xã hội bằng những cuốn sách của mình. Hôm nay chúng ta chứng kiến, con người này đang bị đầu tố và bị tìm cách xua đuổi bởi giới sinh viên và phần nào đó, cả bởi tập thể giáo viên của trường đại học nơi ông làm việc.

Nhiệt tình chính trị không thể được phép đi quá đà như vậy. Tôi tin rằng bất kỳ người nào từng đọc sách của Gumbel với tinh thần cởi mở đều có cảm nghĩ giống tôi. Chúng ta cần những người như vậy, nếu chúng ta muốn hướng tới một cộng đồng chính trị lành mạnh.

Mỗi người hãy phán xét theo sự cân nhắc của bản thân, dựa trên những gì chính mắt mình đọc được, chứ không phải theo những điều người khác nói!

Nếu được thế, "Vụ Gumbel" sau hồi đầu không lấy gì làm hay ho vẫn có thể có tác động tốt đẹp.

Chủ nghĩa Phát xít và khoa học

Alfredo Rocco (1875-1935) đương thời là một luật gia có ảnh hưởng lớn, người đã thiết lập hệ thống luật pháp cho Nhà nước phát xít Ý. Trong thời gian làm bộ trưởng Bộ Văn hóa Ý từ 1925 đến 1932, Rocco còn viết nhiều tác phẩm lý luận cho chủ nghĩa phát xít. Rocco cũng từng giữ ghế hiệu trưởng Đại học Roma. Bức thư Einstein gửi cho Rocco dưới đây được viết trong thời gian Rocco làm bộ trưởng.

Thưa Ngài đồng nghiệp kính mến!

Hai nhà khoa học quan trọng nhất và đáng kính nhất của nước Ý vừa tìm đến tôi trong cơn bối rối vì xung đột lương tâm và đề nghị tôi nên viết thư cho Ngài, hầu mong ngăn chặn một sự nghiêm trị tàn bạo đang đe dọa các học giả Ý. Đó là một thể thức bắt buộc thể nguyện trung thành với thể chế phát xít. Lời đề nghị của tôi là, Ngài hãy vui lòng chuyển tới Mussolini lời khuyên rằng, ông ta nên miễn cho những tinh hoa của trí tuệ nước Ý khỏi sự hạ nhục này.

Cho dù xác tín chính trị của chúng ta có khác nhau thế nào đi nữa, tôi biết rằng chúng ta vẫn nhất trí với nhau ở một điểm cơ bản: cả hai chúng ta đều nhìn nhận và yêu mến cái tài sản quý giá nhất của chúng ta ở trong những tinh hoa của sự phát triển học thuật châu Âu. Những tinh hoa ấy đặt cơ sở trên tự do xác tín và tự do học thuật, trên nguyên lý: nỗ lực tìm kiếm sự thật phải được đặt cao hơn tất cả những nỗ lực khác. Chỉ trên nền tảng này, nền văn hóa của chúng ta mới đã có thể nảy nở ở Hy Lạp và mới hân hoan chào đón sự hồi sinh mạnh mẽ ở Ý thời Phục Hưng. Tài sản tối cao ấy đã phải trả bằng máu tử đạo của biết bao con người thánh thiện và vĩ đại, và cũng nhờ đó mà nước Ý hôm nay vẫn còn được yêu mến và kính nể.

Tôi thật không dám nói phải trái với Ngài về việc nhà nước được phép có những biện pháp can thiệp nào vào tự do của con người. Nhưng cái nỗ lực hướng tới sự thật khoa học, thoát khỏi những lợi ích thực tiễn của đời thường, cần được mọi quyền lực nhà nước trân trọng; và lợi ích tối thượng của tất cả là hãy để cho những người phụng sự chân thành cho chân lý được yên. Điều này chắc chắn cũng nằm trong lợi ích của nhà nước Ý và uy tín của nó trên trường quốc tế.

Sự cần thiết của văn hóa đạo đức

Lời chúc mừng của Einstein gửi tới "Ethical Cultural Society" (Hội văn hóa đạo đức) tại New York nhân ngày sinh nhật thứ 75 của Hội: 6.1.1876 - 6.1.1951. Nhân dịp kỷ niệm này, tôi thấy nhất thiết phải gửi tới "Hội văn hóa đạo đức" của Ngài lời chúc mừng an lành và thành công.

Hẳn nhiên đây không phải dịp để chúng ta có thể thỏa mãn nhìn lại những gì đã đạt được trong những nỗ lực chân thành ở lĩnh vực đạo đức suốt 75 năm qua. Bởi chúng ta không thể nói rằng, vị trí của đạo đức trong cuộc sống con người hôm nay về cơ bản đã khá hơn hẳn so với năm 1876.

Ngày đó ngự trị quan niệm cho rằng, ta có thể đặt tất cả hy vọng vào sự khai sáng những sự thật có thể được xác minh một cách khoa học, cũng như hy vọng vào sự đấu tranh chống lại các định kiến và mê tín. Tất cả những điều đó trên thực tế là quan trọng và xứng đáng với nỗ lực của những con người xuất sắc nhất. Theo hướng này, 75 năm qua, nhiều thành tựu đã đạt được và được truyền bá rộng rãi nhờ văn học và sân khấu.

Nhưng nếu chỉ dẹp bỏ các chướng ngại không thôi thì chưa thể dẫn tới việc nâng cao phẩm giá con người trong đời sống xã hội và đời sống cá thể. Bên cạnh tác động tiêu cực (có tính phủ định - ND) này, nỗ lực tích cực (có tính khẳng định - ND) hướng tới việc xây dựng một cộng đồng với các nguyên tắc đạo đức - luân lý vẫn có ý nghĩa cực kỳ to lớn. Trong lĩnh vực này, không có môn khoa học nào có thể "giải thoát" cho chúng ta được. Tôi thậm chí còn tin rằng, việc quá đề cao quan điểm "trí thức thuần túy" - quan điểm thường chú trọng vào các khía cạnh cụ thể và thực tiễn trong nền giáo dục của chúng ta - đã trực tiếp dẫn tới việc làm nguy hại các giá trị đạo đức. Ở đây tôi không nghĩ nhiều về các mối hiểm họa mà tiên bộ kỹ thuật đã trực tiếp mang đến nhân loại cho bằng sự xơ cứng hóa trong giao tiếp bởi lối nghĩ "thực dụng", lối nghĩ đã như một màn băng giá phủ lên các quan hệ giữa người với người.

Hoàn thiện nhân cách về đạo đức và thẩm mỹ là mục đích gắn gũi với những nỗ lực của nghệ thuật hơn là của khoa học. Hiểu được người khác có thể là quan trọng, nhưng sự hiểu này chỉ có ích khi nó được hậu thuẫn bằng lòng cảm thông, bằng sự sẻ chia sự sống khổ. Việc chăm sóc những động lực quan trọng nhất này của lối sống đạo đức chính là những gì còn lại của tôn giáo - sau khi nó đã được gột sạch bởi những trò mê tín. Theo nghĩa này, tôn giáo tạo thành một phần quan trọng trong giáo dục, phần đang được quan tâm quá ít, và đặc biệt, quá ít được chú trọng một cách có hệ thống.

Sự nan giải đáng lo ngại trong tình hình chính trị thế giới hiện nay có liên quan mật thiết tới các lỗi lầm vì đã không chịu làm những gì đáng lẽ phải làm của nền văn minh chúng ta. Không có "văn hóa đạo đức" thì không thể có sự cứu vãn cho nhân loại.

Thiên đường đánh mất

Nhận định dưới đây được Einstein gửi tới Hội Quốc Liên thời gian ngắn sau khi Hội được thành lập năm 1919 ở Genf (năm 1946, Hội được đổi tên thành Liên Hiệp Quốc). Nhận định cho thấy, ngay từ ngày đó

Einstein đã cảm thấy thất vọng về sự phản bội của giới chính trị và một bộ phận của giới trí thức trước học thuật.

Ở thế kỷ XVII, các nhà khoa học và các nghệ sĩ toàn châu Âu vẫn còn gắn kết chặt chẽ với nhau bởi một sợi dây lý tưởng chung, khiến sự cộng tác trong công việc của họ gần như không bị ảnh hưởng bởi các sự kiện chính trị. Tiếng Latinh được sử dụng rộng rãi càng củng cố cộng đồng này. Hôm nay chúng ta nhìn lại thời đó như nhìn lại một thiên đường đã mất. Những tham vọng dân tộc đã phá hỏng cộng đồng học thuật, còn tiếng Latinh, ngôn ngữ đã thống nhất tất cả, giờ đây đã chết. Những nhà khoa học, những người đã trở thành đại diện cho những truyền thống dân tộc cực đoan nhất, đã đánh mất ý thức về cộng đồng.

Hôm nay, chúng ta đứng trước một thực tế đáng sợ là các nhà chính trị, những người thực dụng, đã trở thành đại diện của tinh thần quốc tế. Vâng, chính họ là những người đã lập ra Hội Quốc Liên.

Đạo nghiên cứu

Các bạn sẽ khó có thể tìm được một đầu óc khoa học sâu lắng nào mà không có Đạo riêng. Nhưng cái Đạo ấy lại khác hẳn với cái đạo của những người ngây thơ cả tin. Đối với những người ấy, Thượng đế là một hữu thể mà họ hy vọng được che chở, kẻ khiến họ sợ hãi bị trừng phạt (một dạng thăng hoa của tình cảm cha con), một hữu thể mà, ở một mức độ nhất định, vẫn có quan hệ cá nhân với họ, cho dù đó là một quan hệ thuộc loại đáng tôn kính đến đâu đi nữa.

Song nhà nghiên cứu thì thấu hiểu tính nhân quả của tất cả các hiện tượng. Đối với anh ta, tương lai không hề kém tất yếu hay kém xác định hơn quá khứ. Đạo lý không phải là một sự vụ của Thượng đế mà thuần túy là một sự vụ của con người. Đạo của anh ta là sự kinh ngạc ngất ngây trước sự hài hòa của tính quy luật tự nhiên, nơi tỏa rạng một lý tính ưu việt, đến nỗi đối diện với ánh hào quang ấy, tất cả những gì đáng kể trong tư tưởng và sự sắp đặt của con người chỉ là một ánh hồi quang hoàn toàn hư ảo mà thôi. Khi vượt qua được cõi nô lệ của tham vọng cá nhân, cảm thức ấy sẽ là cảm thức chủ đạo dẫn dắt cuộc đời và nỗ lực của anh ta. Không nghi ngờ gì hết, cảm thức này có liên hệ rất gần gũi với cảm thức ngự trị trong những nhà sáng lập tôn giáo của mọi thời đại.

Tôn giáo và khoa học

Tiểu luận này xuất hiện lần đầu ngày 11.11.1930 trên tờ Berliner Tageblatt (Nhật báo Berlin). Tất cả những gì con người tạo dựng và phát kiến là để thỏa mãn những nhu cầu do giác quan khơi dậy cũng như để làm dịu những nỗi đau. Ta phải luôn nhìn nhận điều đó nếu ta muốn hiểu các trào lưu tinh thần cũng như sự phát triển của chúng. Cảm xúc và khát vọng là động cơ của tất cả những nỗ lực và tạo tác của con người, cho dù động cơ sau (tức khát vọng - ND) có tỏ ra cao thượng đến đâu đi chăng nữa.

Vậy thì đâu là những cảm xúc và nhu cầu đã đưa con người tới tư duy tôn giáo và niềm tin tôn giáo theo nghĩa rộng nhất? Nếu chúng ta suy ngẫm về điều đó, chúng ta sẽ thấy rằng, trong cái nôi của tư duy và trải nghiệm tôn giáo có vô số loại cảm xúc khác nhau. Ở những người sơ khai thì trước tiên là sự sợ hãi đã gợi lên những biểu tượng tôn giáo. Sợ đói, sợ thú dữ, bệnh tật và cái chết. Vì ở cấp độ tồn tại này, sự hiểu biết về các mối quan hệ nhân quả còn thấp, đầu óc con người tự tưởng tượng ra "các hình nhân" ít nhiều giống họ. Những trải nghiệm đầy sợ hãi của con người phụ thuộc vào ý muốn cũng như tác động của những hình nhân ấy.

Họ nghĩ rằng, họ sẽ lấy lòng được hình nhân ấy nếu họ tiến hành các nghi lễ và đem tới vật hiến tế, những gì theo niềm tin truyền từ đời này qua đời khác sẽ có tác dụng làm cho hình nhân ấy nguôi giận cũng như phù hộ cho con người. Tôi gọi tôn giáo theo nghĩa này là tôn giáo sợ hãi. Loại tôn giáo đó tuy không được tạo ra, nhưng nó vẫn được củng cố về cơ bản nhờ một tầng lớp giáo sĩ đặc thù đóng vai trò trung gian giữa hình nhân đáng sợ với dân chúng, và tầng lớp này thiết lập một vị trí ưu thắng trên cơ sở ấy. Thông thường, để bảo vệ quyền lợi, các thủ lĩnh hoặc nhà cầm quyền (mà quyền lực của họ vốn dựa trên những yếu tố khác), cũng như giới thượng lưu với quyền thống trị thế tục của họ thường thu tóm luôn cả chức năng tôn giáo; hoặc giữa giới cầm quyền chính trị và giới tăng lữ cùng chia sẻ một cộng đồng lợi ích chung.

Một nguồn suối thứ hai của hình tượng tôn giáo là những cảm xúc xã hội. Cha, mẹ, thủ lĩnh của các bộ tộc lớn đều có thể chết và phạm sai lầm. Lòng khao khát được dẫn dắt, được yêu thương và che chở đã kính thích sự hình thành khái niệm Thượng đế theo nghĩa xã hội cũng như luân lý. Đó là vị Thượng đế quan phòng, người che chở, quyết định, ban thưởng và trừng phạt. Tùy theo viễn tượng của mỗi người, vị Thượng đế ấy thương yêu và thúc đẩy cuộc sống của một bộ tộc, cuộc sống của nhân loại, vâng, cả sự sống nói chung; Ngài là kẻ an ủi trong cơn bất hạnh và hoài vọng khôn

ngươi, là kẻ canh giữ linh hồn của những người đã mất. Đó là khái niệm về Thượng đế theo nghĩa xã hội hoặc luân lý.

Có thể quan sát một cách thú vị sự chuyển biến từ tôn giáo sợ hãi lên tôn giáo luân lý trong Sách Thánh của dân tộc Do Thái. Sự chuyển biến này tiếp tục diễn ra trong Kinh Tân Ước. Tôn giáo của tất cả các dân tộc, nhất là các dân tộc vùng Cận Đông, về cơ bản là các tôn giáo luân lý. Sự phát triển từ tôn giáo sợ hãi lên tôn giáo luân lý đã tạo nên một sự tiến bộ quan trọng trong đời sống của các dân tộc. Ta cần phải dẹp bỏ định kiến, rằng tôn giáo của các dân tộc sơ khai thuần túy là tôn giáo sợ hãi, còn tôn giáo của các dân tộc văn minh thuần túy là tôn giáo luân lý. Trên thực tế, tất cả đều có sự pha trộn; nhưng ở các cấp độ cao của đời sống xã hội, tôn giáo luân lý giữ vai trò chủ đạo.

Điểm chung của tất cả các loại hình tôn giáo kể trên là tính nhân hình của ý niệm về Thượng đế. Thường chỉ có những cá nhân có thiên tư đặc biệt tiềm tàng xuất chúng và những cộng đồng đặc biệt cao quý mới có thể thực sự nâng mình vượt lên khỏi cấp độ này của trải nghiệm tôn giáo. Song trên tất cả, còn có một cấp độ thứ ba của trải nghiệm tôn giáo, dù nó ít khi xuất hiện ở dạng thuần túy. Tôi muốn gọi đó là Đạo vũ trụ. Rất khó giải thích ý niệm này cho những ai hoàn toàn không có nó, một phần vì nó không giống với ý niệm về Thượng đế nhân hình.

Cá nhân cảm nhận được tính hư vô trong những ước vọng và mục đích của con người; cảm nhận được tính hùng vĩ và trật tự kỳ diệu trong thiên nhiên cũng như trong thế giới suy tưởng. Anh ta cảm thấy sự tồn tại của cá nhân mình như một thứ tù ngục, và anh ta muốn trải nghiệm cái tổng thể hiện tồn như một chỉnh thể thống nhất và đầy ý nghĩa. Ta đã có thể tìm thấy những tiếp cận đầu tiên với Đạo vũ trụ ngay từ các cấp độ phát triển xa xưa, trong những bài ca vịnh của Thánh David cũng như ở vài nhà tiên tri khác. Song những yếu tố của Đạo vũ trụ còn mạnh mẽ hơn nhiều trong Phật giáo - đặc biệt những tác phẩm tuyệt diệu của Schopenhauer đã dạy chúng ta về điều đó. Những bậc thiên tài về tôn giáo của mọi thời đại đều được tôn vinh bằng Đạo vũ trụ ấy - cái đạo không hề biết đến những giáo điều cũng như không biết đến một vị Thượng đế được suy tưởng theo hình ảnh con người. Bởi vậy cũng không thể có nhà thờ với nội dung truyền giảng chính là Đạo vũ trụ. Điều đó dẫn tới thực tế là, ta thường gặp trong số những kẻ dị giáo của mọi thời đại những cá nhân đạt được cái Đạo cao nhất ấy; họ thường bị những người đương thời xem là vô thần, song đôi khi lại được coi là thánh nhân.

Từ điểm nhìn ấy, những vị như Democrit, Franciscus von Assisi và Spinoza thật gần gũi nhau.

Làm sao có thể truyền đạt Đạo vũ trụ từ người này sang người khác, dù nó không hề dẫn tới một ý niệm khuôn mẫu về Thượng đế cũng như một nền thần học nào cả? Theo tôi nghĩ, chức năng quan trọng nhất của nghệ thuật và khoa học là đánh thức cảm xúc này ở những người thụ nhận chúng và giữ cho nó luôn sống động.

Chúng ta đang đi đến một quan niệm về mối quan hệ giữa khoa học và tôn giáo rất khác so với những quan niệm thông thường. Dưới cái nhìn lịch sử, người ta có xu hướng xem khoa học và tôn giáo như những địch thủ không đội trời chung. Lý do cũng khá dễ hiểu: Ai thấu hiểu tính quy luật nhân quả của tất cả các hiện tượng thì đối với người đó, ý niệm về một hình nhân can thiệp vào diễn trình của thế giới là không thể chấp nhận được - với điều kiện là anh ta thực sự coi trọng giả thuyết về tính nhân quả. Tôn giáo sợ hãi chắc chắn sẽ không có chỗ đứng trong đầu anh ta; song ngay cả tôn giáo xã hội hay luân lý cũng vậy. Với anh ta, một vị Thượng đế ban thưởng và trừng phạt là không thể suy tưởng được, bởi con người hành động theo tính tất yếu hợp quy luật bên ngoài và bên trong, do vậy không hề chịu trách nhiệm gì từ điểm nhìn của Thượng đế, tương tự như một đồ vật vô tri không phải chịu trách nhiệm gì về những chuyển động do nó thực hiện. Vì thế mà người ta đã trách cứ khoa học là chôn vùi đạo đức - hẳn nhiên là vô lý. Hành vi luân lý của con người dựa trên sự cảm thông, giáo dục và sự gắn kết xã hội mà không cần nền tảng tôn giáo nào hết. Thật đáng buồn cho con người, nếu chỉ vì sợ hãi bị trừng phạt hay vì hy vọng được ban thưởng sau khi chết mà phải chịu cúi đầu thần phục.

Như vậy cũng dễ hiểu khi nhà thờ đã luôn chống lại khoa học và truy bức những ai tin theo khoa học. Nhưng ngược lại, tôi khẳng định rằng Đạo vũ trụ là động lực mạnh mẽ nhất và cao quý nhất của nghiên cứu khoa học. Chỉ những ai có thể đo lường được những nỗ lực khổng lồ, và trước hết là sự tận hiến - những cái mà không có chúng thì không thể có những phát minh khoa học mang tính mở đường được - người đó mới có thể lượng định đúng sức mạnh của cái xúc cảm mà chỉ từ đó, một việc làm quên mình - ngoảnh lưng lại với cuộc sống "com áo gạo tiền" thực tế - mới có thể lớn dậy được. Phải nuôi dưỡng một niềm tin đến thế nào vào sự hữu lý của cấu tạo thế giới, phải nuôi dưỡng một khát vọng hiểu biết đến thế nào, dù chỉ là khát vọng để nắm bắt lấy một chút ánh hồi quang của cái lý tính đã tỏa rạng trong vũ trụ này, để sau bao năm rông đám mình trong công việc đơn độc, Kepler và Newton

mới giải mã được nguyên lý của cơ học thiên thể! Những ai biết đến việc nghiên cứu khoa học chủ yếu chỉ từ những ứng dụng thực tiễn của nó, kẻ đó dễ đi đến một cách nhìn hoàn toàn sai lạc về tâm trạng của các vĩ nhân (những người vốn luôn bị bủa vây bởi sự hoài nghi của người đương thời), những người đã chỉ ra các con đường cho những kẻ đồng chí hướng sống phân tán ở khắp các vùng đất, qua nhiều thế kỷ. Chỉ những ai cống hiến đời mình cho những mục đích như thế mới có được một hình dung sống động về cái gì đã hun đúc tinh thần cũng như đem đến sức mạnh cho những vĩ nhân ấy, để, dù gặp muôn vàn thất bại, vẫn luôn trung thành với mục đích của mình. Đạo vũ trụ chính là cái đã ban cho họ sức mạnh ấy. Ai đó đã nói không phải không có lý rằng, trong thời đại nhìn chung là xem trọng thái độ duy vật chất như thời đại của chúng ta, chính những nhà nghiên cứu nghiêm chỉnh mới là những người duy nhất có tín ngưỡng sâu xa.

Tốt và xấu

Những cá nhân có đóng góp nhiều nhất vào việc nâng cao phẩm giá con người và cuộc sống con người thường được yêu mến nhiều nhất, và điều đó về nguyên tắc là đúng. Nhưng nếu lại hỏi rằng, những người đó là ai, ta sẽ gặp khó khăn không nhỏ. Với các thủ lĩnh chính trị, vâng, thậm chí với cả các thủ lĩnh tôn giáo, việc họ gây tác động tốt hay xấu nhiều hơn vẫn luôn là điều đáng ngờ.

Vì thế tôi nghiêm chỉnh tin rằng, ta giúp được người khác nhiều nhất khi ta dẫn dắt họ đến với một việc chân quý, và qua đó, giúp họ gián tiếp tự nâng cao phẩm giá của mình. Đó trước hết là trường hợp của các nghệ sĩ lớn và sau đó là các nhà nghiên cứu. Đúng là các kết quả của việc nghiên cứu không thể giúp con người nâng cao phẩm giá và giàu có hơn [về nội tâm], song chính nỗ lực vươn tới sự hiểu biết, chính lao động tinh thần tiếp thu và sáng tạo thì sẽ làm được điều ấy. Như vậy, sẽ thật tréo ngoe nếu người ta có ý định đánh giá bộ kinh Talmud dựa trên các thành quả tri thức của nó.

Nhà nước và lương tâm cá nhân

Bài này xuất hiện lần đầu ngày 22-12-1950 trên tạp chí Science (Khoa học) của Mỹ. Trước đó, Einstein đã gia nhập Society for Social Responsibility in Science (Hiệp hội vì trách nhiệm xã hội trong khoa học).

Có thể coi bài viết này là lời cổ vũ của Einstein cho một hiệp hội khoa học dân chủ, vì các mục đích hòa bình và nhân bản trên toàn thế giới.

Một câu hỏi xưa cũ: Con người phải hành xử như thế nào nếu nhà nước áp đặt hành vi của anh ta, cũng như nếu xã hội chờ đợi ở anh ta một thái độ [hành xử] mà lương tâm anh ta thấy là sai trái?

Câu trả lời dễ phỏng đoán là: Anh bị phụ thuộc hoàn toàn vào cộng đồng nơi anh sống. Vì vậy anh phải phục tùng những luật định của nó. Anh chẳng phải chịu trách nhiệm gì về những hành vi do anh bị bắt buộc phải làm.

Chỉ cần nói rõ ra điều ấy, ta sẽ thấy nó mâu thuẫn thế nào với quan niệm thông thường về lẽ phải. Sự cưỡng bức từ bên ngoài có thể làm giảm trách nhiệm cá nhân theo một nghĩa nào đó chứ không thủ tiêu được trách nhiệm ấy. Nhân các phiên xử ở Tòa án Nürnberg, người ta hầu như đã chấp nhận quan điểm này như một lẽ đương nhiên.

Cái có giá trị luân lý ở các thiết chế, luật pháp và phong tục của chúng ta bắt nguồn từ những biểu lộ của ý thức về lẽ phải ở vô số cá thể. Những thiết chế xã hội sẽ bất lực theo nghĩa luân lý nếu chúng không được chống đỡ và gánh vác bởi ý thức trách nhiệm của những cá nhân sống thực.

Bởi thế, nỗ lực đánh thức và ủng hộ ý thức trách nhiệm về luân lý của cá nhân là một công hiến quan trọng đối với toàn thể xã hội.

Ở thời đại chúng ta, các đại diện của khoa học tự nhiên và giới kỹ sư phải chịu trách nhiệm đạo lý đặc biệt lớn, bởi sự phát triển các công cụ quân sự giết người hàng loạt thuộc lĩnh vực hoạt động của họ. Bởi thế tôi nghĩ, việc thành lập một "Society for Social Responsibility in Science" đang là một nhu cầu có thật. Một tổ chức như thế sẽ giúp cá nhân, thông qua thảo luận, dễ dàng hơn trong việc có một đánh giá độc lập về con đường mà anh ta chọn lựa. Hơn nữa, giữa những người lâm nạn vì dám đi theo tiếng gọi lương tâm của mình cũng cần gấp rút có sự tương trợ lẫn nhau.

Về ý nghĩa cuộc sống

Đâu là ý nghĩa cuộc sống chúng ta, đâu là ý nghĩa cuộc sống của mọi sinh vật nói chung? Biết câu trả lời cho câu hỏi này, nghĩa là có đức tin tôn giáo. Bạn lại hỏi: Có nghĩa gì không khi đặt ra câu hỏi ấy?

Tôi trả lời: Kẻ nào thấy cuộc sống của mình và của đồng loại là vô nghĩa, kẻ đó không những chỉ bất hạnh mà còn hầu như không thể sống được.

Giá trị đích thực của một con người

Giá trị đích thực của một con người trước hết được xác định bởi: anh ta đã đạt đến chỗ giải phóng khỏi cái Tôi đến mức độ nào và theo nghĩa gì.

Về của cải

Tôi nghiệm thấy chắc chắn rằng, không của cải nào trên đời này có thể đưa nhân loại tiến lên được, ngay cả khi nó được trao vào tay những người tận tâm nhất. Chỉ có tấm gương của những nhân cách lớn và trong sạch mới dẫn đến những tư tưởng và hành động cao quý. Đồng tiền chỉ kích thích tư lợi và luôn mê hoặc sự lạm dụng.

Ai có thể tưởng tượng ra Moses, Jesus hay Gandhi được trang bị bằng tài tiền của Carnegie hay không?

Cộng đồng và cá thể

Nếu chúng ta ngẫm nghĩ về cuộc đời và nỗ lực của mình, chúng ta sẽ sớm nhận ra rằng, hầu hết những hoạt động và mong muốn của chúng ta đều có quan hệ với sự tồn tại của người khác. Chúng ta nhận ra rằng, về bản chất giống loài, chúng ta cũng giống như những động vật sống theo bầy. Chúng ta ăn thức ăn người khác trồng, mặc quần áo người khác may, sống trong nhà người khác xây. Hầu hết những gì ta hiểu biết và tin tưởng đều do người khác bày cho ta thông qua một ngôn ngữ, mà ngôn ngữ cũng do những người khác tạo ra. Nếu không có ngôn ngữ, khả năng tư duy của chúng ta sẽ rất hạn chế - chỉ tương đương với những động vật cao cấp; vì thế chúng ta phải thừa nhận rằng, để chúng ta hơn được động vật, trước hết chúng ta phải mang ơn vì được sống trong cộng đồng loài người. Một cá thể bị bỏ rơi một mình từ khi sinh ra sẽ có suy nghĩ và cảm nhận hoang dã như động vật, đến mức chúng ta khó mà tưởng tượng được. Vậy nên, căn cước và ý nghĩa tồn tại của một cá thể nằm ở chỗ, anh ta không hẳn là một sinh thể đơn lẻ mà là thành viên của một cộng đồng lớn của con người, cộng đồng dẫn dắt đời sống vật chất và tinh thần của anh ta từ khi sinh ra tới khi chết.

Cái làm nên giá trị của một con người trong cộng đồng phụ thuộc trước hết vào việc những tình cảm, suy nghĩ và hành động của anh ta giúp ích được bao nhiêu cho sự tồn tại của người khác. Tùy theo thái độ của anh ta trong mối quan hệ này mà chúng ta đánh giá anh ta thuộc loại tốt hay xấu. Thoạt nhìn thì có vẻ là, chỉ duy những phẩm chất xã hội của một con người mới là chuẩn mực cho những đánh giá về anh ta.

Nhưng một quan niệm như vậy thật ra là không đúng. Dễ nhận thấy rằng, trải qua bao thế hệ, tất cả tài sản vật chất, tinh thần và đạo đức mà chúng ta nhận được từ cộng đồng đã được tạo dựng bởi những cá thể sáng tạo đơn lẻ: người tìm ra cách dùng lửa, người tìm ra cách trồng trọt, và người phát minh ra đầu máy hơi nước.

Chỉ cá thể đơn lẻ mới có thể tư duy và qua đó, tạo ra những giá trị mới cho xã hội, vâng, thậm chí đề ra những quy phạm đạo đức mới để đời sống cộng đồng hướng theo. Nếu không có những cá thể sáng tạo, suy nghĩ và phán xét độc lập, thì sự phát triển lên cao của xã hội là khó tưởng tượng; cũng như vậy, một cá thể đơn lẻ sẽ không thể phát triển nếu thiếu mảnh đất dinh dưỡng của cộng đồng.

Vâng, một cộng đồng lành mạnh là một cộng đồng gắn liền với tính độc lập của những cá thể cũng như với sự liên kết bên trong của xã hội. Có nhiều điểm đúng khi nói rằng, nền văn hóa Hy-Âu-Mỹ nói chung, đặc biệt là cao trào văn hóa thời Phục hưng ở Ý - thời chấm dứt đêm trường trung cổ ở châu Âu - đã đặt nền tảng trên sự giải phóng cá nhân và sự tách bạch một cách tương đối giữa cá nhân với cộng đồng.

Bây giờ, hãy nhìn vào thời đại chúng ta đang sống! Cộng đồng được nhìn nhận ra sao, còn cá thể thì thế nào? So với thời trước, mật độ dân số ở các nước văn minh hiện quá cao; châu Âu hôm nay chứa một lượng người lớn gấp ba lần cách đây một trăm năm. Nhưng tỉ lệ những người có tư chất thủ lĩnh lại giảm sút. Chỉ có một số ít người, nhờ thành tựu của mình, nổi lên trước đám đông như một nhân cách. Ở một chừng mực nhất định, tổ chức đã thay thế thủ lĩnh, nhất là trong lĩnh vực kỹ thuật, song cũng đã có thể cảm thấy điều tương tự trong khoa học.

Đặc biệt nhạy cảm, sự thiếu hụt cá tính trong lĩnh vực nghệ thuật đang lộ rõ. Hội họa và âm nhạc xuống cấp trông thấy và đang đánh mất ghê gớm sự cộng hưởng trong công chúng. Trong chính trị, không chỉ thiếu người cầm lái mà sự độc lập tinh thần cũng như ý thức về lẽ phải của dân chúng cũng giảm sút khủng khiếp. Chế độ dân chủ nghị trường, chế độ vốn lấy sự độc lập nói trên làm điều kiện tiên quyết, đang bị chao đảo ở nhiều nơi; các chế độ độc tài xuất hiện và được dung dưỡng, bởi ý thức về danh dự và quyền cá nhân không còn đủ mạnh nữa. Chỉ trong hai tuần, vì báo chí, đám đông mù quáng ở một quốc gia nào đó có thể bị làm cho giận dữ và kích động đến nỗi những người đàn ông sẵn sàng khoác áo lính để đi giết người và bị giết vì những mục đích chẳng lấy gì làm cao quý của những thế lực nào đó. Nghĩa

vụ quân sự với tôi là dấu hiệu nhục nhã nhất về sự thiếu hụt phẩm giá cá nhân, sự thiếu hụt mà vì nó, nhân loại văn minh của chúng ta đang quần quai. Chẳng thế mà không thiếu những nhà tiên tri, những kẻ dự báo ngày tàn của nền văn minh chúng ta đang đến gần. Tôi không thuộc số những kẻ bi quan này; tôi tin vào một tương lai tốt đẹp hơn. Ở đây tôi muốn biện giải cho lòng tin ấy một cách ngắn gọn:

Theo ý kiến của tôi, những biểu hiện suy tàn hiện nay bắt nguồn từ chỗ: sự phát triển về kinh tế và kỹ thuật đã khiến cho cuộc đấu tranh sinh tồn của con người càng thêm gay gắt, vì thế, sự phát triển tự do của cá nhân bị tổn hại nặng nề. Nhưng mặt khác, kỹ thuật phát triển lại giúp cá nhân ngày càng phải lao động ít hơn mà vẫn thỏa mãn được các nhu cầu chung. Việc phân công lao động có kế hoạch đang ngày càng trở nên một đòi hỏi cấp thiết, và việc phân công này sẽ mang lại sự bảo đảm về vật chất cho từng cá thể. Sự bảo đảm này, cũng như sức lực và thời gian dư ra của các cá thể, sẽ là một lợi thế cho sự phát triển nhân cách. Cộng đồng nhờ thế sẽ khỏe mạnh trở lại, và chúng ta hãy hy vọng rằng, các sử gia tương lai sẽ nhìn những biểu hiện bệnh tật của thời đại chúng ta như chứng cảm cúm của trẻ con, chứng cảm cúm của một nhân loại đang vươn mình lên cao - mà tất cả chẳng qua cũng do tốc độ chuyển đổi quá nhanh mà ra.

Phụ nữ và chiến tranh

Theo quan niệm của tôi, trong cuộc chiến tranh sắp tới, người ta nên điều động những phụ nữ yêu nước ra mặt trận thay vì cánh đàn ông. Điều này sẽ mang đến một cái gì đó mới mẻ trong lĩnh vực khô khốc đầy những rắc rối vô biên này. Nhưng tại sao những tình cảm anh hùng được thể hiện từ phía phái đẹp ấy lại không được sử dụng ngoạn mục hơn là một cuộc tấn công vào một người dân thường tay không tác sát?

Ba bức thư gửi tới những người yêu chuộng hòa bình

1.

Tôi được biết là các bạn đang âm thầm thực hiện những điều lớn lao bằng cả tâm hồn cao thượng của mình, được thúc đẩy bởi sự lo lắng cho những con người và số phận của họ. Chỉ ít người có khả năng tự nhìn bằng chính đôi mắt cũng như tự cảm nhận bằng chính trái tim của mình. Liệu loài người có rơi trở lại trạng thái mê muội, trạng thái dường như đang được coi là mục tiêu của đám đông bị lừa phỉnh hay không, điều này phụ thuộc vào sức mạnh của những người đó.

Các dân tộc nên kịp hiểu rằng, họ phải hy sinh các quyền tự quyết dân tộc của mình nhiều biết chừng nào, để tránh khỏi cuộc chiến tranh mà tất cả mọi người chống lại nhau! Sức mạnh của lương tâm và của tinh thần quốc tế tỏ ra còn quá yếu ớt. Giờ đây, quyền lực ấy thể hiện sự yếu đuối đến mức nó dung dưỡng một sự thỏa hiệp với những kẻ thù xấu xa nhất của nền văn minh. Đó là một kiểu hòa giải đồng nghĩa với tội ác chống lại loài người, mặc dù người ta lại huyênh hoang cứ như thể đó là sự sáng suốt chính trị.

Chúng ta không thể mất hy vọng ở con người, bởi vì bản thân chúng ta cũng chính là con người. Và quả là một niềm an ủi khi còn có những nhân cách như các bạn, những người có thật và ngay thẳng như chúng ta đang thấy.

2.

Tôi phải thẳng thắn thú nhận rằng, theo quan niệm của tôi, một tuyên bố như tuyên bố đính kèm theo đây trong một đất nước phải chịu sự cưỡng bức quân dịch trong thời bình là không có giá trị gì hết cả. Cuộc đấu tranh của các bạn phải hướng đến mục tiêu là bãi bỏ nghĩa vụ quân sự nói chung. Nhân dân Pháp đã phải trả giá đắt biết chừng nào cho chiến thắng năm 1918! Chiến thắng ấy đã góp phần ghê gớm vào việc duy trì tình trạng nô lệ ô nhục nhất của nhân dân Pháp.

Các bạn hãy kiên trì cuộc đấu tranh này! Các bạn có một đồng minh hùng mạnh ngay trong lòng những tên phản động và những kẻ quân phiệt Đức. Nếu chính nước Pháp duy trì luật nghĩa vụ quân sự, thì về lâu dài, người ta đã không thể ngăn cản được việc thông qua luật nghĩa vụ quân sự ở Đức. Bởi vì rốt cuộc, người Đức sẽ đòi hỏi thực hiện tình trạng tương tự. Khi đó, cứ có một người lính nô lệ Pháp thì có hai người lính nô lệ Đức. Điều này tuyệt nhiên không phù hợp với lợi ích của Pháp.

Chỉ khi thành công trong việc xóa bỏ nghĩa vụ quân sự nói chung, lúc ấy nền giáo dục giới trẻ theo tinh thần hòa giải, theo tinh thần khải lệ cuộc sống và tình yêu đối với mọi sinh thể, mới có thể được thực hiện.

Tôi tin rằng, từ chối quân dịch vì lý do lương tâm sẽ là một sức mạnh không thể chống đỡ nổi, một khi có tới 50.000 người đồng thời tẩy chay quân dịch. Từng cá nhân riêng lẻ có thể không làm được gì nhiều, và cũng không ai mong muốn rằng, chính con người, những cái quý giá nhất lại bị nộp mình cho cho bộ máy tàn sát mà đằng sau nó là ba thế lực hùng mạnh: sự ngu xuẩn, sự khiếp sợ và sự háms lợi.

3.

Trong bức thư của mình, các bạn đã nêu lên một điểm hết sức quan trọng. Quả thực, nền công nghiệp quốc phòng là một trong những nguy cơ lớn nhất đe dọa nhân loại. Với tư cách là động lực của cái ác, nền công nghiệp quốc phòng giấu mình đằng sau chủ nghĩa dân tộc đang được phô trương ở khắp nơi.

Có lẽ việc quốc hữu hóa có thể mang lại chút ít lợi ích nào đó. Tuy nhiên, sự phân ranh giữa các ngành công nghiệp này là rất khó. Nền công nghiệp sản xuất máy bay có thuộc về công nghiệp quốc phòng không? Nền công nghiệp luyện kim và công nghiệp hóa học có bao nhiêu phần thuộc về công nghiệp quốc phòng?

Liên quan đến nền công nghiệp đạn dược và xuất khẩu khí tài quân sự, trong nhiều năm qua, Hội Quốc Liên đã rất cố gắng thiết lập một sự kiểm soát đối với nền thương mại bị ôi này. Và ai cũng biết, kết quả đạt được còn rất nhỏ bé. Năm ngoái, tôi có hỏi một nhà ngoại giao Mỹ nổi tiếng: Tại sao người ta lại không vô hiệu hóa chính sách dùng sức mạnh của Nhật Bản nhờ phong tỏa thương mại? Câu trả lời là: "Những lợi ích thương mại của chúng tôi quá lớn." Làm sao có thể giúp những con người tự thỏa mãn với những lời biện hộ ấy?

Các bạn có tin rằng, một lời nói của tôi là đã đủ để đạt được một cái gì đó trong lĩnh vực này? Thật ảo tưởng quá chừng! Một số người phỉnh nịnh tôi, chừng nào tôi chưa làm cho họ khó chịu. Nhưng nếu tôi vẫn cố gắng phục vụ các mục tiêu không dễ chịu đối với họ, thì họ lập tức chuyển sang giọng xỉ vả và vu khống để bảo vệ quyền lợi của mình. Còn những người không can dự thì đa số thu mình trong sự nhu nhược. Các bạn đã từng làm phép thử về lòng can đảm của người công dân đối với những người đồng hương của mình chưa? Có một câu châm ngôn mặc nhiên như sau: Hãy đừng động chạm và đừng nói gì đến! Các bạn có thể tin chắc rằng, tôi sẽ cố gắng với mọi khả năng của mình để làm những gì có thể làm được theo tinh thần mà các bạn đề cập đến. Nhưng, nếu trực tiếp theo như các bạn nghĩ, thì e sẽ không đạt được điều gì cả.

ALBERT EINSTEIN